

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH NGHỆ AN
VIỆN

TÀI LIỆU TẬP HUẤN

**HƯỚNG DẪN TRIỂN KHAI MÔ HÌNH CÔNG TÁC XÃ
HỘI VÀ TƯ VẤN TÂM LÝ HỌC ĐƯỜNG TẠI
CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG**

Hà Nội, tháng 02 năm 2024

Giới thiệu

Tài liệu tập huấn “Hướng dẫn triển khai mô hình công tác xã hội và tư vấn tâm lý tại các cơ sở giáo dục phổ thông” được xây dựng dựa trên Tài liệu Tập huấn về Hướng dẫn triển khai mô hình CTXH & TVTL tại các cơ sở giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo QĐ số 1480/QĐ/BGDĐT ngày 24 tháng 05 năm 2023, để triển khai thí điểm Mô hình Tư vấn tâm lý và công tác xã hội ở các cơ sở giáo dục tại tỉnh Nghệ An về. Tài liệu tập huấn này nhằm nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, cán bộ TVTL và CTXH (gọi là cán bộ tư vấn học sinh theo Thông tư 20/2023/TT-BGDĐT), giáo viên chủ nhiệm về: Xây dựng triển khai mô hình CTXH và TVTL trường học; quy trình triển khai các hoạt động CTXH và tư vấn tâm lý trong giải quyết các vấn đề trong trường học; sự phối hợp của các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường trong triển khai mô hình. Từ đó, lãnh đạo các cơ sở giáo dục phổ thông, thành viên tổ CTXH và tư vấn tâm lý có thể áp dụng các kiến thức, kỹ năng được trang bị trong khoá tập huấn vào triển khai thực hiện mô hình TVTL & CTXH tại mỗi cơ sở giáo dục một cách hiệu quả.

Nội dung tài liệu tập huấn gồm các vấn đề sau:

Phần I. Sự cần thiết và cơ sở pháp lý thực hiện mô hình CTXH và TVTL tại các cơ sở giáo dục phổ thông

Phần II. Mục đích, đối tượng can thiệp, nhiệm vụ của mô hình CTXH và TVTL tại các cơ sở giáo dục phổ thông

Phần III. Cơ cấu tổ chức mô hình CTXH và TVTL tại các cơ sở giáo dục phổ thông

Phần IV. Hướng dẫn quy trình vận hành mô hình và một số lĩnh vực hoạt động của mô hình CTXH và TVTL tại các cơ sở giáo dục phổ thông

B. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Sau khi hoàn thành khóa tập huấn, học viên có khả năng:

1. Hiểu về sự cần thiết trong xây dựng mô hình
2. Hiểu về những yêu cầu đối với người làm công tác CTXH và TVTL trường học (hay còn gọi là cán bộ tư vấn học sinh)
3. Hiểu về tư vấn tâm lý và CTXH trường học, điều kiện vận hành phòng TVTL & CTXH bao gồm về cơ sở vật chất và nguồn nhân lực thực hiện

4. Hiểu về quy trình triển khai các hoạt động của mô hình TVTL và CTXH bao gồm: Rà soát, sàng lọc các vấn đề trong trường học; Hoạt động phòng ngừa; Can thiệp trợ giúp; Và kết nối chuyển gửi các trường hợp vượt quá khả năng hỗ trợ của nhà trường ... và các hoạt động nghiệp vụ khác của mô hình
5. Nhận diện các vấn đề của người học và cách thức sử dụng các thang đo sàng lọc, công cụ hỗ trợ và biểu mẫu của mô hình TVTL và CTXH trong trường học
6. Thực hành một số trường hợp học sinh gặp các vấn đề về khó khăn tâm lý, bạo lực học đường, giới tính và sức khỏe sinh sản ...
7. Lập kế hoạch triển khai thực hiện các hoạt động của mô hình tại mỗi cơ sở giáo dục phổ thông

PHẦN I. SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ TRIỂN KHAI MÔ HÌNH CÔNG TÁC XÃ HỘI VÀ TƯ VẤN TÂM LÝ TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

1. Bối cảnh và sự cần thiết

Trường học là nơi học sinh dành nhiều thời gian hàng ngày và cũng là môi trường có ảnh hưởng nhiều đến khả năng phát triển của các em. Tuy nhiên, học sinh trong các trường học ở Việt Nam đã và đang phải đối mặt với nhiều vấn đề phức tạp, đa dạng, ảnh hưởng lớn tới việc học tập và quyền của các em. Rất nhiều báo cáo của các nhà nghiên cứu, các học giả, các bộ ngành (trong đó có Bộ GDĐT, Bộ LĐTBXH, các tổ chức Liên hợp quốc (UNICEF, UNESCO, UNFPA,...) và các tổ chức phi chính phủ trong và ngoài nước (Plan tại Việt Nam, Cứu trợ trẻ em, CSAGA,...) đã chỉ ra thực trạng và mức độ ảnh hưởng của nhiều vấn đề khác nhau trong môi trường học đường.

Một khảo sát về thực trạng vấn đề trường học và nhu cầu phát triển đội ngũ nhân viên CTXH trong trường của nhóm nghiên cứu của Đại học Sư phạm Hà Nội trên trang thư viện trực tuyến Violet.vn đã chỉ ra các vấn đề gặp phải của học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông, trong đó, nghiện game và mạng xã hội, đã trở thành một vấn đề có tính phổ biến nhất, vượt qua bạo lực học đường¹. Kết quả nghiên cứu của Viện Y – Xã hội năm 2014 trên 3000 học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông tại Hà Nội còn khắc họa một thực trạng rõ nét hơn của bạo lực học đường: 80% học sinh cho biết từ trước đến nay đã bị bạo lực giới trong trường học ít nhất một lần, 71% bị bạo lực trong vòng 6 tháng qua. Trong đó, bạo lực tinh thần (mắng chửi, đe dọa, bắt phạt, đặt điều, sỉ nhục...) chiếm tỷ lệ cao nhất 73%, bạo lực thể chất (tát, đá, xô đẩy, kéo tóc, bạt tai, đánh đập...) là 41% và bạo lực tình dục (tin nhắn với nội dung tình dục, sờ, hôn, hiếp dâm, yêu cầu chạm vào bộ phận sinh dục, lan truyền tin đồn tình dục...) chiếm 19% (Nguyễn Thị Thái Lan, 2015). Kết quả nghiên cứu của Hoàng Trung Học và Tạ Thúy Hà (2018)² trên 200 học sinh tại một trường Trung học cơ sở ở Hà Nội cũng chỉ ra rằng học sinh gặp khó khăn tâm lý với các mức độ khác nhau trên rất nhiều lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực học tập, định hướng nghề nghiệp, giao tiếp ứng xử, tình bạn khác giới,

¹ Nguyễn Hiệp Thương và các cộng sự (2015). Kỳ yếu Hội thảo “Công tác xã hội trường học – Kinh nghiệm quốc tế và định hướng phát triển ở Việt Nam

² Hoàng Trung Học & Tạ Thúy Hà, (2018). Nhu cầu hỗ trợ tâm lý của học sinh trung học cơ sở và một số phẩm chất, năng lực nghề nghiệp của chuyên gia tâm lý học giáo dục được học sinh mong đợi.. Tạp chí Quản lý giáo dục

tình yêu và phát triển tâm sinh lý. 73,5% học sinh được hỏi có nhu cầu rất cao được tư vấn, hỗ trợ tâm lý để giải quyết các vướng mắc, khó khăn này. Riêng đối với học sinh trung học phổ thông, các vấn đề khó khăn được xếp thứ tự theo mức độ nghiêm trọng mà Trần Thị Lệ Thu và Phạm Thị Ngọc Hà (2013)³ ghi nhận khi khảo sát 199 khách thể tại 1 trường Trung học phổ thông trên địa bàn Hà Nội là: 1) định hướng nghề nghiệp, 2) học tập, 3) giao tiếp, ứng xử, 4) những lĩnh vực khác, 5) quan hệ với cha mẹ/người thân, 6) tình bạn khác giới/tình yêu, và 7) quan hệ với bạn bè và thầy cô giáo. Về cơ bản, đây cũng là các khó khăn tâm lý được ghi nhận trên nhóm khách thể là học sinh THPT trên địa bàn Hà Nội trong nghiên cứu của Trần Văn Công và cộng sự (2019)⁴. Theo đó, 3 vấn đề mà học sinh THPT thuộc diện khảo sát của nghiên cứu này mong muốn được tư vấn nhất là khó khăn trong định hướng nghề nghiệp, khó khăn trong học tập và khó khăn về các vấn đề cảm xúc. Mối quan hệ với gia đình, bạn bè, giáo viên cũng là những chủ đề mà học sinh có mong muốn được tư vấn nhiều hơn. Công trình nghiên cứu của Phan Thị Mai Hương và Nguyễn Hữu Minh (2017)⁵ cũng cho thấy các yếu tố liên quan tới bạn bè là yếu tố cơ bản khiến trẻ cảm thấy không hạnh phúc ở trường học.

Năm 2021, trong bài viết của mình, Phạm Thị Huyền Trang đã đưa ra những minh họa thực tế về bạo lực học đường ở Việt Nam, trong đó bạo lực không diễn ra theo chiều ngang, giữa học sinh với nhau, mà còn diễn ra theo chiều dọc khi nhiều giáo viên cũng có những hành vi bạo hành với học sinh. Tác giả sử dụng kết quả tìm kiếm của trang google, khi đánh thuật ngữ “bạo lực học đường” thì có đến 20.400.000 kết quả để nói lên mức độ phổ biến của bạo lực học đường. Đặc biệt, bạo lực học đường có xu hướng gia tăng về số lượng, mức độ giữa các nữ sinh.

Sự thay đổi về nhiều mặt trong đời sống xã hội, gia đình và nhà trường đã tạo nên những sức ép tâm lý không nhỏ đối với các em học sinh, dẫn đến tình trạng chán học, rối nhiễu tâm lý, trầm cảm⁶. “Theo rà soát sơ bộ của giáo viên chủ nhiệm và phản

³ Trần Thị Lệ Thu & Phạm Thị Ngọc Hà. (2023). Nhu cầu và thực trạng đáp ứng nhu cầu hỗ trợ tâm lý học đường cho học sinh trung học phổ thông tại trường Nguyễn Bình Khiêm, Hà Nội. Tạp chí Khoa học

⁴ Trần Văn Công, Nguyễn Thị Hoài Phương, & Trần Thành Nam. (2019). Thực trạng khó khăn tâm lý của học sinh và nhu cầu sử dụng ứng dụng tư vấn tâm lý trong trường học. Tạp chí Khoa học xã hội và Nhân văn.

⁵ Phan Thị Mai Hương & Nguyễn Hữu Minh. (2017). Những yếu tố trường học đặc trưng của nhóm trẻ hạnh phúc và không hạnh phúc. Tạp chí Nghiên cứu gia đình và giới.

⁶ Nguyễn Hồng Thuận và các cộng sự, Mô hình tư vấn học đường trong nhà trường trung học, tr10

ánh của các giáo viên bộ môn thì trung bình mỗi lớp THCS có 1 – 2 trường hợp học sinh có những biểu hiện rối nhiễu tâm lý.”⁷

Những tệ nạn xã hội, những lối ăn chơi sa đọa, hưởng lạc, những bệnh tật nguy hiểm luôn rình rập và ảnh hưởng mạnh mẽ đến học sinh theo chiều hướng đe dọa, lôi kéo các em vào con đường tội lỗi⁸. Do tính chất đan xen, đa dạng, nhiều chiều và phức tạp của các vấn đề này mà đa phần các học giả, các cơ quan và các bên liên quan đều đồng ý là các vấn đề của học sinh đòi hỏi phải có sự hỗ trợ, can thiệp đồng bộ nhiều hơn nữa thông qua các hoạt động, dịch vụ khác nhau. Để hỗ trợ giải quyết các vấn đề học đường nêu trên, trong khoảng hơn chục năm gần đây, các nhà giáo dục, chuyên gia tâm lý cùng với những tổ chức và cơ quan chức năng đã quan tâm đến việc đưa hoạt động tư vấn học đường vào trường học [Ngô Minh Uy, 2007]⁹. Mô hình “phòng TVTL học đường” đã được hình thành, chủ yếu ở các cơ sở giáo dục ngoài công lập nhằm tập trung giải quyết những khó khăn của học sinh về vấn đề tâm – sinh lý, về định hướng nghề nghiệp. Các mô hình hoạt động tư vấn học đường tập trung tại một số trường Trung học thuộc Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hải Phòng là hoạt động tương đối hiệu quả. Công tác TVTL này chủ yếu do giáo viên chủ nhiệm giải quyết nhưng lại thiếu các kỹ năng và kiến thức cần thiết và thường giải quyết theo kinh nghiệm của bản thân.

Để tăng cường biện pháp cải thiện môi trường học đường thân thiện, không bạo lực với học sinh và để phòng ngừa và giải quyết kịp thời các vấn đề của học sinh. Bộ GDĐT đã ban hành và thực hiện hai Kế hoạch phát triển CTXH trong ngành Giáo dục giai đoạn 2017-2020 và giai đoạn 2021-2025 và ban hành hai Thông tư số 33/2018/TT-BGDĐT và Thông tư số 31/2017/TT-BGDĐT. Như vậy từ năm 2017, sự cần thiết của công tác TVTL trong trường học đã được củng cố bằng một Thông tư của Bộ GDĐT và được tăng cường thông qua việc triển khai sau đó Thông tư về CTXH trong trường học.

Năm 2021, Bộ GDĐT đã thực hiện đánh giá việc triển khai Thông tư số 31/2017/TT-BGDĐT và Thông tư số 33/2018/TT-BGDĐT tại 05 tỉnh/thành: Hà Nội,

⁷ Lê Thị Mai Hương, 2018, Báo cáo tham luận “Khó khăn tâm lý của học sinh THCS và Đề xuất biện pháp”

⁸ Nguyễn Hồng Thuận và các cộng sự, Mô hình tư vấn học đường trong nhà trường trung học, tr45

⁹ Nguyễn Hồng Thuận và các cộng sự, Mô hình tư vấn học đường trong nhà trường trung học, tr45

Thành phố Hồ Chí Minh, Quảng Ninh, Đồng Tháp, và Điện Biên. Kết quả đánh giá cho thấy các trường học hiện nay đang đồng thời triển khai CTXH và TVTL [theo hướng dẫn của Thông tư 31/2017/TT-BGDĐT và Thông tư 33/2018/TT-BGDĐT]. Phần lớn các trường đã thành lập tổ TVTL (2/3 số trường học)¹⁰ có đại diện của ban giám hiệu và cán bộ, giáo viên trong nhà trường. Mặc dù mang tên là ‘tổ TVTL’ nhưng tổ này thực hiện cả hoạt động CTXH [theo Thông tư 33/2018/TT-BGDĐT]. Các hoạt động CTXH và TVTL thường được nhà trường thực hiện lồng ghép, chẳng hạn, các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức được lồng ghép với hoạt động của TVTL nhóm. Các nhà trường đều cho biết rằng hoạt động CTXH và TVTL đang được thực hiện nghiêm nhiệm bởi các cán bộ, giáo viên, chính vì vậy việc triển khai các hoạt động gặp nhiều khó khăn¹¹. Tất cả các nhà trường được hỏi đều có chung một khuyến nghị cần có ít nhất một cán bộ chuyên trách thực hiện đồng thời các hoạt động CTXH và TVTL và các cán bộ, giáo viên thực hiện công tác này cần được tập huấn nâng cao. Đặc biệt cần phải có một mô hình phù hợp để hướng dẫn các nhà trường thực hiện công tác này một cách thống nhất.

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, ở nhiều nơi trên thế giới, học sinh trong các trường học đã nhận được nhiều sự hỗ trợ đa dạng. Bên cạnh giáo viên và cán bộ quản lý nhà trường, học sinh có thể tìm kiếm sự hỗ trợ, giúp đỡ của nhiều cán bộ khác nhau, trong đó đặc biệt quan trọng là cán bộ CTXH [hay còn gọi là Cán bộ hỗ trợ học sinh] và các nhà TVTL học đường. Các mô hình dịch vụ CTXH và mô TVTL trong trường học cũng đã phát triển hàng trăm năm trên thế giới và hiện tại có mặt ở ít nhất 55 nước, trong đó có nhiều quốc gia ở châu Á như Singapore, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Hồng Kông,...¹²

Các mô hình CTXH và TVTL học đường trên thế giới được biết đến với 3 dạng chính:

Một là, mô hình CTXH và TVTL chuyên trách [như ở Mỹ, Úc, New Zealand, Đài Loan. Với mô hình này các trường học được phép tuyển dụng cán bộ CTXH hay

¹⁰ Bộ GDĐT, 2021, Báo cáo khảo sát thực trạng triển khai thông tư số 31/2017/TT-BGDĐT và thông tư số 33/2018/TT-BGDĐT, tr46

¹¹ Bộ GDĐT, 2021, Báo cáo khảo sát thực trạng triển khai thông tư số 31/2017/TT-BGDĐT và thông tư số 33/2018/TT-BGDĐT, tr41 &75 &78

¹² Báo cáo của mạng lưới CTXH học đường thế giới, 2016, tr10

TVTL làm việc toàn thời gian trong trường học. Mô hình này cho phép CTXH và TVTL thực hiện các chức năng can thiệp, phòng ngừa và phát triển nhằm tham vấn và hỗ trợ học sinh, giáo viên phòng ngừa và giải quyết các vấn đề tập trung vào bảo vệ trẻ em, chăm sóc SKTT, trốn học và tăng cường phúc lợi trẻ em để trẻ tiếp tục được đến trường.

Hai là, mô hình CTXH và TVTL bán chuyên trách [như Hồng Kông, Đài Loan, Singapore] thực hiện bởi những chuyên gia CTXH và TVTL. Tại đây nhà trường có thể ký hợp đồng làm việc bán thời gian với những cán bộ CTXH hoặc TVTL chuyên nghiệp đến từ các trung tâm hay cơ sở cung cấp dịch vụ xã hội chuyên nghiệp hay tổ chức NGO. Các hợp đồng công việc này thường tập trung vào những công việc cụ thể nhằm giải quyết các vấn đề cụ thể của học sinh ở từng thời điểm.

Ba là, mô hình CTXH và TVTL bán chuyên trách do giáo viên thực hiện kiêm nhiệm [như ở Singapore]. Singapore đã triển khai các mô hình CTXH và TVTL học đường khá phong phú, bao gồm CTXH và TVTL chuyên trách [4.3%]; bán chuyên trách do các trung tâm dịch vụ chuyên nghiệp và NGO cung cấp [80.5%]; và bán chuyên trách do cán bộ, giáo viên trong trường học thực hiện [15.2%]. Như vậy Singapore chủ yếu sử dụng dịch vụ CTXH và TVTL chuyên nghiệp từ bên ngoài thông qua những hợp đồng bán thời gian với các chuyên gia. Mô hình bán chuyên trách được thực hiện bởi cán bộ, giáo viên kiêm nhiệm trong các trường học là rất ít bởi vì các giáo viên chủ yếu ưu tiên cho công việc giảng dạy nên thời gian dành cho CTXH và TVTL rất hạn chế, không thu được nhiều kết quả.¹³

Tại Việt Nam, dựa trên nhu cầu thực tiễn của học sinh và kinh nghiệm đã triển khai CTXH và TVTL trong các trường học trong những năm vừa qua, việc triển khai một mô hình tích hợp giữa CTXH và TVTL tại các cơ sở giáo dục phổ thông [sau đây gọi tắt là mô hình CTXH – TVTL] là rất phù hợp để giải các vấn đề phức tạp, đan xen của học sinh và khả thi với điều kiện thực tế về thiếu nguồn nhân lực. Mô hình CTXH – TVTL cũng rất phù hợp với tính chất giao thoa giữa CTXH và TVTL. Hiện nay với xu hướng phát triển mang tính liên ngành trong CTXH và TVTL ở Việt Nam cũng như trên thế giới, việc trao đổi kinh nghiệm được thực hiện dễ dàng ở cả trong nước và quốc

¹³ UNICEF và Bộ GDĐT, 2016, Rà soát Mô hình dịch vụ CTXH học đường tại Việt Nam,

tế, do đó mô hình tích hợp CTXH-TVTL có thể nhận được những hỗ trợ, chia sẻ từ nhiều nguồn.

2. Cơ sở pháp lý

Dưới đây là một số văn bản quy phạm pháp luật và chính sách liên quan có thể làm cơ sở để thuyết minh cho sự phù hợp của việc xây dựng và phát triển mô hình CTXH – TVTL trong trường học. Mặc dù chưa có một văn bản pháp lý riêng chỉ đạo triển khai mô hình tích hợp CTXH-TVTL, nhưng đã có 2 Thông tư hướng dẫn thực hiện công tác TVTL và CTXH trong trường học. Các văn bản pháp lý dưới đây cũng được sử dụng làm cơ sở xây dựng các mục đích, nhiệm vụ, hoạt động cho mô hình CTXH – TVTL.

Dưới đây bao gồm có Công ước Quốc tế Quyền trẻ em, các Luật, Nghị định và Thông tư liên quan. Các văn bản khác (nhỏ hơn) như các Quy định, Công văn, Hướng dẫn... sẽ được đề cập trực tiếp tại các nội dung trong tài liệu và có dẫn chiếu ở chú thích cuối trang.

Công ước Quốc tế về Quyền trẻ em: Việt Nam là nước đầu tiên ở châu Á và nước thứ 2 trên thế giới phê chuẩn công ước của Liên hiệp quốc về Quyền trẻ em [năm 1990]. Công ước quy định tất cả trẻ em [dưới 18 tuổi] phải được đảm bảo những quyền cơ bản, chính đáng để tồn tại và phát triển một cách tốt nhất. Công ước có 54 điều, trong đó có 41 điều [từ 1- 41] quy định các quyền về sống còn, bảo vệ, phát triển và tham gia. Công ước Quốc tế về Quyền trẻ em đã được chính phủ Việt Nam sử dụng như một khung tham chiếu để điều chỉnh luật pháp, quy định và chính sách quốc gia phù hợp cho thực hiện các quyền của trẻ em.

Luật Trẻ em (2016): là một luật khung đưa ra những quy định thực hiện các quyền của trẻ em. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng để hướng dẫn xây dựng các chính sách, chương trình và biện pháp nhằm thực hiện chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em toàn diện và hiệu quả. Luật Trẻ em (2016) lần đầu tiên đã đưa ra các khái niệm về BVTE và các hình thức bạo hành, xâm hại; dịch vụ BVTE 3 cấp độ về phòng ngừa, hỗ trợ và can thiệp; quy trình thực hiện kế hoạch hỗ trợ, can thiệp trẻ em bị xâm hại và trẻ có nguy cơ bị bạo hành, bóc lột, bỏ rơi bỏ mặc và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khác; và những quy định khác cụ thể cho các đối tượng như bảo vệ trẻ em trong trên môi trường

mạng, trẻ em không có sự chăm sóc đầy đủ của cha mẹ/gia đình v.v. Đặc biệt, Luật trẻ em (2016) đã giao cho chính phủ hướng dẫn quy định môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường [Điều 44].

Luật Giáo dục (2019): đã quy định quyền và nghĩa vụ học tập của công dân [Điều 13]; nghiêm cấm các hành vi xúc phạm nhân phẩm, danh dự, xâm phạm thân thể nhà giáo, cán bộ, người lao động của cơ sở giáo dục và người học; nghiêm cấm các hành vi gây rối an ninh, trật tự, sử dụng chất gây nghiện [Điều 22]; và quy định người học có các Quyền được tôn trọng, được học tập trong môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh [Điều 83].

Nghị định 80/2017/NĐ-CP: hướng dẫn cụ thể các biện pháp xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện phòng chống bạo lực học đường. Nghị định này đã hướng dẫn các cơ sở giáo dục thực hiện các biện pháp phòng ngừa bạo lực học đường, hỗ trợ người học có nguy cơ bị bạo lực và can thiệp khi xảy ra bạo lực học đường.

Nghị định 56/2017/NĐ-CP quy định quy trình hỗ trợ, can thiệp cho trường hợp trẻ em bị xâm hại, có nguy cơ bạo hành, bóc lột và những trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khác. Nghị định còn quy định vị trí người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã có trách nhiệm thực hiện quy trình hỗ trợ, can thiệp dưới sự chỉ đạo của UBND xã.

Thông tư 31/2017/TT-BGDĐT hướng dẫn thực hiện công tác TVTL cho học sinh trong trường phổ thông. Thông tư nhấn mạnh vấn đề phòng ngừa, hỗ trợ và can thiệp đối với học sinh đang gặp phải khó khăn về tâm lý trong học tập và cuộc sống và hỗ trợ rèn luyện kỹ năng sống [Điều 3]. Các nội dung tập trung vào TVTL lứa tuổi, sức khỏe sinh sản vị thành niên, kỹ năng phòng chống bạo lực, xâm hại, kỹ năng ứng phó với các xung đột, tư vấn hướng nghiệp và khác [Điều 5].

Thông tư 33/2018/TT-BGDĐT hướng dẫn CTXH trong trường học. Thông tư nhấn mạnh đến công tác phòng ngừa thông qua truyền thông nâng cao nhận thức của học sinh, cha mẹ và cán bộ, giáo viên trong trường học về các hình thức xâm hại, bạo hành; và yêu cầu trách nhiệm phát hiện, đánh giá và tổ chức các biện pháp BVTE hiệu quả. Thông tư quy định Quy trình [4 bước] can thiệp, trợ giúp đối với học sinh có hoàn cảnh đặc biệt, bị xâm hại, bạo lực, bỏ học, vi phạm pháp luật [Điều 4].

Thông tư 20/2023/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và đào tạo ngày 30/10/2023 về hướng dẫn về vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập. Thông tư quy định mỗi cơ sở giáo dục được bố trí 01 người làm tư vấn học sinh. Trường hợp không bố trí được biên chế thì hợp đồng lao động hoặc bố trí giáo viên kiêm nhiệm.

Kế hoạch số 15/2024/KH-BGDĐT về Soạn thảo Thông tư quy định về tư vấn tâm lý và công tác xã hội trong trường học (thay thế Thông tư số 31/2017/TT-BGDĐT ngày 18/12/2017 về hướng dẫn thực hiện công tác tư vấn tâm lý cho học sinh trong trường phổ thông và Thông tư số 33/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 về hướng dẫn công tác xã hội trong trường học).

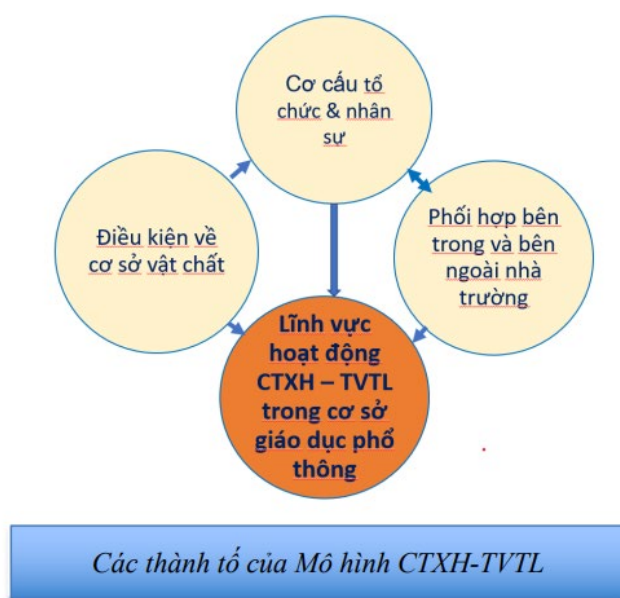
Thông tư 01/2017/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh và xã hội ngày 02/02/2017 về quy định cụ thể về tiêu chuẩn đạo đức và nguyên tắc nghề nghiệp đối với người làm CTXH.

PHẦN II. MỤC ĐÍCH, ĐỐI TƯỢNG CAN THIỆP, NHIỆM VỤ CỦA MÔ HÌNH CÔNG TÁC XÃ HỘI VÀ TƯ VẤN TÂM LÝ TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

1. Mục đích và các thành tố của mô hình công tác xã hội và tư vấn tâm lý tại các cơ sở giáo dục phổ thông

Mô hình CTXH-TVTL có mục đích tăng cường các hoạt động CTXH và TVTL trong nhà trường nhằm phòng ngừa, hỗ trợ, can thiệp các trường hợp học sinh gặp phải các vấn đề ảnh hưởng đến học tập và cuộc sống, từ đó nâng cao chất lượng dạy và học.

Mô hình CTXH – TVTL trong tài liệu này được hiểu là một thiết kế mô tả những thành tố và mối quan hệ tương tác giữa các thành tố nhằm hướng dẫn cách quản lý và vận hành CTXH-TVTL trong trường học. Những đặc thù của mô hình CTXH-TVTL được thể hiện thông qua các thành tố dưới đây: 1. Cơ cấu tổ chức và nhân sự; 2. Các lĩnh vực hoạt động cơ bản của CTXH – TVTL; 3. Cơ chế phối hợp bên trong và bên ngoài nhà trường; 4. Điều kiện cơ sở vật chất để thực hiện mô hình.



2. Đối tượng can thiệp của mô hình thí điểm công tác xã hội và tư vấn tâm lý tại các cơ sở giáo dục phổ thông

Đối tượng của mô hình được xác định dựa trên Thông tư 31/2017/TT-BGDĐT Các thành tố của Mô hình CTXH-TVTL 14 hướng dẫn thực hiện công tác TVTL cho học sinh trong trường phổ thông; và Thông tư 33/2018/TT-BGDĐT hướng dẫn CTXH

trong trường học. Cụ thể có 3 nhóm đối tượng can thiệp sau đây:

2.1. Học sinh

- Giúp giải quyết những căng thẳng và khủng hoảng về tâm lý
- Tiếp cận và sử dụng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe tinh thần
- Giúp học sinh khai thác và phát huy những điểm mạnh và thành công trong học tập
- Nâng cao năng lực và sự hiểu biết nhằm giúp các em giảm những hành vi như: không hoàn thành việc học tập; có hành vi bạo lực học đường, không kiểm soát được bản thân; không có quan hệ với bạn đồng lứa và người lớn; bị lạm dụng thể chất; chán học; bị trầm cảm; có những dấu hiệu, hành vi tự tử.

2.2. Cha mẹ học sinh

- Giúp cha mẹ HS hiểu và giao tiếp hiệu quả với con, tích cực chủ động trong việc giáo dục con cái.
- Hiểu và áp dụng đúng phương pháp giáo dục tổng hợp: gia đình nhà trường và cộng đồng.
- Tiếp cận các nguồn lực tại trường học và ngoài cộng đồng để có thể đồng hành cùng nhà trường trong việc giáo dục con cái.
- Nắm bắt các thông tin về chính sách với những trường hợp trẻ có hoàn cảnh đặc biệt

2.3. Cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường học

- Hỗ trợ thầy cô giảm thiểu căng thẳng trong quá trình làm việc
- Giúp cho quá trình làm việc với phụ huynh của học sinh tiến hành hiệu quả
- Có kỹ năng, nghệ thuật chủ nhiệm lớp
- Khai thác, phát huy những nguồn lực trong và ngoài nhà trường
- Tham gia vào tiến trình giáo dục, nhất là với các em cần sự giáo dục đặc biệt
- Hiểu hơn về gia đình, những yếu tố văn hoá và cộng đồng ảnh hưởng đến trẻ

2.4. Cộng đồng xã hội

- Cải thiện môi trường xã hội nhằm hỗ trợ HS, GV và cha mẹ HS trong việc tiếp cận hệ thống trợ giúp xã hội;
- Tăng cường kết nối giữa nhà trường với các cơ quan, doanh nghiệp tại địa phương, huy động nguồn lực để hỗ trợ HS có hoàn cảnh đặc biệt, hỗ trợ giáo viên trong các hoạt động CTXH và TVTL tại cơ sở giáo dục.

3. Nhiệm vụ công tác xã hội và tư vấn tâm lý tại các cơ sở giáo dục phổ thông

CTXH và TVTL là hai chuyên ngành khác nhau. “CTXH là một ngành khoa học, một nghề thực hành nhằm thúc đẩy sự thay đổi, gắn kết và phát triển xã hội, tăng cường sự tự do và được trao quyền của người dân. Nguyên tắc chủ đạo của CTXH là hướng tới công bằng xã hội, quyền con người, trách nhiệm tập thể và tôn trọng sự đa dạng. Dựa trên nền tảng lý thuyết CTXH, khoa học xã hội, kiến thức bản địa và nhân văn, CTXH kết nối các cá nhân và tổ chức để giải quyết những thách thức và nâng cao chất lượng cuộc sống”¹⁴

Trong bối cảnh Việt Nam, CTXH trong các cơ sở phổ thông được hiểu: “là những ứng dụng toàn bộ các kiến thức, kỹ năng và đạo đức nghề nghiệp của ngành CTXH trong bối cảnh nhà trường. Các nhà CTXH trường học thực hành kiến thức chuyên môn, kiến thức thực tế của mình và coi nhà trường là phạm vi hoạt động chủ yếu để liên kết giữa học sinh, phụ huynh, giáo viên và cộng đồng dân cư, nhằm đưa ra những dịch vụ tương ứng với mục tiêu giáo dục của nhà trường, từ đó hỗ trợ học sinh giải quyết những vấn đề mà các em gặp phải và thúc đẩy sự phát triển lành mạnh của các em, đồng thời cũng giúp nhà trường thực hiện được những tôn chỉ và mục đích đã đề ra.”¹⁵

TVTL được khái niệm là: “Sự áp dụng nguyên tắc tâm lý, sức khỏe tinh thần hay nguyên tắc về sự phát triển con người thông qua các chiến lược can thiệp một cách có hệ thống về nhận thức, xúc cảm, hành vi, tập trung vào sự phát triển cá nhân lành mạnh, phát triển nghề nghiệp cũng như vấn đề bệnh lý.”¹⁶

TVTL trong các cơ sở giáo dục phổ thông của Việt Nam được cụ thể: “là sự hỗ trợ tâm lý, giúp học sinh nâng cao hiểu biết về bản thân, hoàn cảnh gia đình, mối quan hệ xã hội, từ đó tăng cảm xúc tích cực, tự đưa ra quyết định trong tình huống khó khăn học sinh gặp phải khi đang học tại nhà trường.”¹⁷

Trên khái quát, CTXH và TVTL trong trường học đều có các nhiệm vụ chung về: phòng ngừa các vấn đề, hành vi tiêu cực có nguy cơ ảnh hưởng đến học sinh; hỗ trợ, can thiệp khi học sinh gặp phải vấn đề về tâm lý, xã hội, học tập; chuyển gửi học sinh

¹⁴ Hiệp hội Nhân Viên Công Tác Xã Hội Quốc Tế, 2014

¹⁵ Quyết định số 4215/QĐ-BGDĐT, Sổ tay thực hành công tác xã hội trong trường học, tr.13

¹⁶ Hiệp hội tham vấn Hoa Kỳ, 1997

¹⁷ Thông tư 31/2017/TT-BGDĐT, Điều 2

đến các dịch vụ hỗ trợ chuyên nghiệp ở bên ngoài trường học khi nhu cầu của học sinh vượt quá khả năng đáp ứng của cán bộ CTXH và TVTL trong trường học.



Tuy nhiên CTXH và TVTL có sự khác biệt về lĩnh vực can thiệp, phạm vi hoạt động, và phương pháp hoạt động. Bảng dưới đây cho biết chi tiết một số điểm khác biệt giữa 2 lĩnh vực:

CTXH học đường	Tư vấn tâm lý học đường
Do cán bộ được đào tạo CTXH hoặc một số ngành liên quan/liền kề đảm nhiệm	Do các cán bộ được đào tạo chuyên ngành tâm lý học
Hỗ trợ giải quyết nhiều vấn đề khác nhau từ vi mô như sức khỏe, tâm lý, pháp lý, nhận thức, hành vi, lối sống đến vĩ mô như nghèo đói, chính sách, quyền con người, công bằng xã hội,... (mang tính tổng quát nhiều hơn)	Chủ yếu hỗ trợ, can thiệp các vấn đề cảm xúc và hành vi, đặc biệt là các rối nhiễu tâm lý như trầm cảm, lo âu,... (đòi hỏi mang tính chuyên sâu)
Mục tiêu là cải thiện điều kiện sống và học tập	Mục tiêu là giúp học sinh vượt qua các khó khăn tâm lý nảy sinh trong hoạt động học tập và các mối quan hệ xã hội; cải thiện mối quan hệ giữa học sinh với học sinh, với thầy cô giáo, và gia đình
Tương tác nhiều hơn với các hệ thống nhằm kết nối nguồn lực cần thiết để hỗ trợ học sinh	Tập trung vào việc hỗ trợ, can thiệp vấn đề tâm lý mà học sinh gặp phải

Chính vì có sự khác biệt giữa CTXH và TVTL, nên 2 lĩnh vực này còn có những nhiệm vụ cụ thể khác được nêu tại: Sổ tay Hướng dẫn thực hành CTXH trường học; và Sổ tay Hướng dẫn TVTL cho học sinh phổ thông (xem chi tiết tại hai tài liệu này).

Trên thực tế, các vấn đề xã hội và vấn đề tâm lý thường có mối quan hệ nhân quả [các vấn đề tâm lý có thể bắt nguồn từ các mối quan hệ xã hội tiêu cực, môi trường không lành mạnh và ngược lại], vì vậy ở cấp độ hoạt động, CTXH và TVTL có sự giao thoa và hỗ trợ lẫn nhau, các hoạt động thường được phối hợp và lồng ghép. Dưới đây là một số ví dụ cụ thể về các hoạt động CTXH và TVTL trong trường học có thể thực hiện lồng ghép:

Về phòng ngừa:

- Khảo sát, phát hiện nhu cầu về hỗ trợ tâm lý và xã hội;
- Tổ chức giáo dục kỹ năng sống, giá trị sống, giáo dục giới tính, giáo dục tâm lý lứa tuổi;
- Tổ chức các hoạt động truyền thông, giáo dục phòng ngừa bạo lực, xâm hại.

Về hỗ trợ, can thiệp:

- Thực hiện đánh giá và lập kế hoạch hỗ trợ, can thiệp về tâm lý-xã hội cho cá nhân và nhóm học sinh;
- Thực hiện cung cấp các dịch vụ hỗ trợ, can thiệp về tâm lý-xã hội theo nhu cầu cá nhân và nhóm học sinh;

Về kết nối, chuyển gửi:

- Kết nối, phối hợp với các hệ thống dịch vụ chuyên sâu ở bên ngoài trường học;
- Chuyển gửi những học sinh có tổn thương về tâm lý, thể chất, xã hội vượt quá khả năng hỗ trợ của cơ sở giáo dục cho các chuyên gia về tâm lý-xã hội ở bên ngoài trường học;
- Giúp học sinh phục hồi trong hoặc sau khi tiến hành hỗ trợ, can thiệp nhằm giúp học sinh trở lại cuộc sống và học tập bình thường. Ví dụ tư vấn và hỗ trợ học sinh tiếp cận đến các dịch vụ tâm lý, pháp lý và/hay phúc lợi xã hội; tư vấn và hỗ trợ học sinh trở lại trường học; tư vấn và hỗ trợ học sinh tham gia các hoạt động xã hội; hòa giải hàn gắn các mối quan hệ xã hội v.v

PHẦN III. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA MÔ HÌNH CÔNG TÁC XÃ HỘI VÀ TƯ VẤN TÂM LÝ TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

1. Tên gọi

Mô hình thí điểm CTXH và TVTL tại các cơ sở giáo dục phổ thông [sau đây gọi tắt là Mô hình CTXH – TVTL].

2. Cơ cấu tổ chức và nhiệm vụ của các thành viên

Trong tài liệu này xuất hiện 2 khái niệm:

- 1) Cơ cấu tổ chức của mô hình CTXH- TVTL và
- 2) Cơ cấu tổ chức của tổ CTXH-TVTL.

Mô hình CTXH-TVTL được đông đảo các thành viên trong một cơ sở giáo dục tham gia thực hiện bao gồm ban giám hiệu, cán bộ, giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh. Trong mô hình CTXH-TVTL này có một bộ phận đóng vai trò “cốt lõi” để vận hành các hoạt động của mô hình đó là “tổ CTXH-TVTL”. Dưới đây, tài liệu sẽ trình bày cụ thể về cơ cấu tổ chức của 2 bộ phận này.

2.1. Cấu trúc tổ chức và nhiệm vụ của mô hình CTXH-TVTL



Sơ đồ trên cho thấy các thành phần tham gia mô hình CTXH-TVTL khá đầy đủ bao gồm ban giám hiệu, cán bộ, giáo viên trong nhà trường, học sinh và cha mẹ. Điểm quan trọng của một mô hình chuyên nghiệp là có sự xuất hiện của tổ CTXH-TVTL.

Mỗi thành phần trong mô hình có vai trò & nhiệm vụ cụ thể riêng:

Ban giám hiệu có vai trò chỉ đạo, phê duyệt, hướng dẫn, hỗ trợ thực hiện các hoạt động của mô hình CTXH-TVTL;

Cán bộ, giáo viên trong nhà trường vừa là đối tượng tác động của mô hình vừa là đối tượng thực hiện triển khai mô hình. Cán bộ, giáo viên trong nhà trường sẽ được tổ CTXH-TVTL hỗ trợ giải quyết các vấn đề liên quan đến học sinh, ngoài ra còn được tổ CTXH-TVTL giao những nhiệm vụ cụ thể phù hợp với vị trí công tác của mình;

Cha mẹ và học sinh chủ yếu là đối tượng tác động của mô hình nhưng cũng tham gia hỗ trợ giải quyết các vấn đề liên quan theo sự hướng dẫn của tổ CTXH-TVTL;

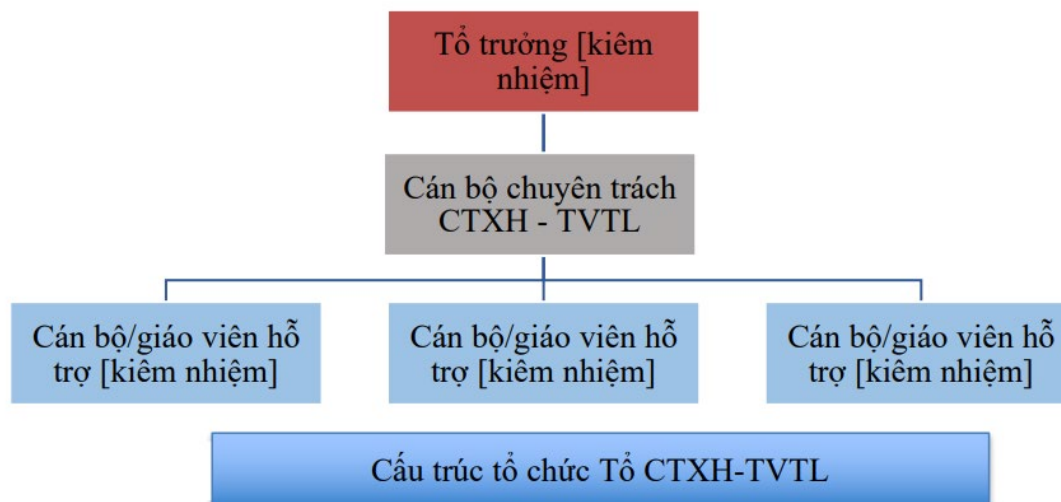
Tổ CTXH-TVTL là đầu mối triển khai mô hình CTXH-TVTL. Tổ CTXH-TVTL yêu cầu phải có một cán bộ chuyên trách được đào tạo cử nhân trong lĩnh vực liên quan đến CTXH hoặc TVTL để có khả năng thực hiện được các nhiệm vụ chuyên sâu về CTXH-TVTL. Tổ CTXH-TVTL yêu cầu phối hợp với các thành viên bên trong và bên ngoài nhà trường để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ của mình.

2.2. Cấu trúc tổ chức và nhiệm vụ của tổ CTXH-TVTL

Bởi vì tổ CTXH-TVTL là một thành phần quan trọng trong mô hình CTXH-TVTL nên tài liệu sẽ tập trung mô tả chi tiết cấu trúc tổ chức và nhiệm vụ của cá nhân trong tổ CTXH-TVTL này.

2.2.1. Cấu trúc tổ chức của tổ CTXH-TVTL

Mỗi cơ sở giáo dục cần thành lập một tổ CTXH – TVTL có các thành viên bao gồm: 01 Tổ trưởng [kiêm nhiệm]; 01 cán bộ chuyên trách về CTXH và TVTL [sau đây gọi tắt là cán bộ CTXH – TVTL] và cán bộ, giáo viên hỗ trợ [kiêm nhiệm]. Tùy vào điều kiện của từng cơ sở giáo dục mà có thể quyết định số lượng của cán bộ, giáo viên hỗ trợ [kiêm nhiệm].



2.2.2. Nhiệm vụ của các cá nhân trong tổ CTXH-TVTL

a) Nhiệm vụ của Tổ trưởng [kiêm nhiệm]

Tổ trưởng có thể là một thành viên trong lãnh đạo trường hoặc một người do Hiệu trưởng chỉ định làm việc kiêm nhiệm phụ trách vấn đề quản lý, giám sát tổ CTXH và TVTL trong trường học.

- Nhiệm vụ của tổ trưởng:

+ Chỉ đạo, hướng dẫn các thành viên trong tổ xây dựng kế hoạch hoạt động CTXH và TVTL cho HS hàng tháng, quý, năm đảm bảo phù hợp với đồng đạo HS và đúng định hướng và chính sách của nhà trường;

+ Đôn đốc, chỉ đạo việc thực hiện chuyên môn của thành viên Tổ theo đúng chức năng nhiệm vụ, tổng hợp và báo cáo kết quả hoạt động của tổ CTXH & TVTL cho lãnh đạo nhà trường và các cơ quan liên quan;

+ Xây dựng, kết nối, hợp tác với các tổ chức, đơn vị cung cấp các dịch vụ CTXH & TVTL chuyên nghiệp bên ngoài nhà trường nhằm phối hợp, cung cấp bổ sung những dịch vụ CTXH & TVTL chuyên biệt cho những HS đang gặp vấn đề mà các nhà tâm lý học đường trong nhà trường không giải quyết được.

- Yêu cầu về năng lực:

+ Có năng lực về CTXH & TVTL, đã tham gia học tập và được cấp chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ về CTXH hoặc TVTL học đường của Bộ GDĐT;

+ Có năng lực sư phạm, hiểu biết sâu sắc về đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi HS;

+ Có năng lực quản lý, năng lực giao tiếp, kết nối đối ngoại;

+ Am hiểu các quy định của ngành, các quy định pháp luật về chăm sóc, bảo vệ

trẻ em.

b) Nhiệm vụ của cán bộ chuyên trách (cán bộ chuyên trách TVTL & CTXH)

- Cán bộ chuyên trách CTXH & TVTL có thể là cán bộ biên chế hoặc cán bộ ký hợp đồng toàn thời gian. Tùy điều kiện của mỗi trường, Tổ trưởng có thể tuyển dụng, hợp đồng hoặc cử giáo viên phụ trách công tác CTXH & TVTL.

Cán bộ chuyên trách CTXH & TVTL là người được nhà trường phân công hoặc ký hợp đồng công việc, đảm nhiệm toàn thời gian trong việc cung cấp các dịch vụ CTXH & TVTL cho HS trong trường. Các chế độ lương, thưởng theo thỏa thuận với trường sở tại.

Cán bộ bán chuyên trách là giáo viên được Hiệu trưởng phân công công việc kiêm nhiệm CTXH & TVTL. Chế độ làm việc CTXH & TVTL được giảm trừ thời gian theo quy định tại Điều 9 của Thông tư 16/2017/TT- BGDĐT ngày 12/07/2017 của Bộ GDĐT về hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập.

- Nhiệm vụ

+ Chịu trách nhiệm xây dựng các chương trình, kế hoạch hoạt động hàng năm, quý và tháng phù hợp với mục đích, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của tổ CTXH & TVTL;

+ Tổ chức hoạt động đánh giá, sàng lọc, phát hiện sớm các HS có nguy cơ hoặc HS đang gặp phải những khó khăn tâm lý để giải quyết nhanh chóng, kịp thời.

+ Trực tiếp thực hiện các hoạt động phòng ngừa cũng như các hoạt động CTXH & TVTL cho HS một cách chuyên nghiệp, đúng chuyên môn.

+ Đánh giá, rút kinh nghiệm về hoạt động CTXH & TVTL trong trường học;

+ Thực hiện kết nối, chuyên gửi và phối hợp với các chuyên gia tâm lý, CTXH, giáo dục, các tổ chức, đơn vị chuyên môn bên ngoài trường học để cung cấp dịch vụ cho các trường hợp HS gặp phải những vấn đề phức tạp, vượt qua khả năng chuyên môn của các thành viên Tổ CTXH & TVTL;

+ Trực tiếp điều hành, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và đánh giá các thành viên bán chuyên trách trong việc thực hiện các hoạt động của Tổ CTXH & TVTL theo kế hoạch hàng năm, quý và tháng;

+ Giám sát, hỗ trợ các thành viên bán chuyên trách giải quyết các vấn đề gặp

phải trong quá trình thực hiện các hoạt động theo kế hoạch;

- + Lập hồ sơ ghi chép tiến trình thực hiện các hoạt động hỗ trợ cho HS;

- + Đánh giá mức độ hài lòng của HS, giáo viên và lãnh đạo nhà trường đối với các hoạt động dịch vụ của Tổ công tác;

- + Nhắc nhở và hỗ trợ các thành viên bán chuyên trách thực hiện báo cáo về kết quả hoạt động của Tổ công tác;

- + Tổng hợp và báo cáo định kỳ hoặc đột xuất tình hình thực hiện các hoạt động cho Tổ trưởng.

- Yêu cầu về năng lực:

- + Là người được đào tạo chuyên môn về công tác xã hội, tư vấn tâm lý trường học. Trong trường hợp giáo viên chuyển sang giữ vị trí tư vấn hỗ trợ học sinh thì các giáo viên này cần được đào tạo cơ bản tư vấn tâm lý trường học **hoặc công tác xã hội trường học (có chứng chỉ của các cơ sở đào tạo theo Quy định của Bộ GD&ĐT)**

- + Là người có kinh nghiệm hoặc được đào tạo, **bồi dưỡng** các kỹ năng làm việc với trẻ em và thanh thiếu niên và cần có hiểu biết về các giai đoạn phát triển của trẻ.

- + Là người có khả năng duy trì được các quan hệ với học sinh theo cách chuyên nghiệp như không có thái độ phân biệt đối xử, đảm bảo tính bí mật của các ca tham vấn.

- + Là người dễ hoà đồng với học sinh.

- + Có kỹ năng lắng nghe và trò chuyện hiệu quả.

- + Kiên nhẫn, bao dung và nhạy cảm.

- + Có hiểu biết về các vấn đề ảnh hưởng đến học sinh, thanh thiếu niên hiện nay.

- + Có khả năng điều phối, làm việc với các cơ quan, cá nhân để giúp đỡ học sinh một cách hiệu quả.

c) *Nhiệm vụ của thành viên hỗ trợ tổ CTXH & tư vấn tâm lý (cán bộ, giáo viên hỗ trợ kiêm nhiệm)*

Theo phân công của Hiệu trưởng bao gồm nhân viên y tế, giáo viên chủ nhiệm, giáo viên làm công tác tổng phụ trách đội/ Bí thư đoàn trường là giáo viên và 1 đại diện cha mẹ HS tham gia tổ CTXH & TVTL.

- Nhiệm vụ của thành viên hỗ trợ là cán bộ, giáo viên hỗ trợ kiêm nhiệm:

- + Thực hiện theo phân công của tổ trưởng, tham gia hỗ trợ công tác đánh giá, sàng

lọc, phát hiện sớm HS cần được giúp đỡ;

+ Tham gia thực hiện triển khai các dịch vụ CTXH & TVTL cho HS theo kế hoạch chung của trường và theo nhu cầu của HS trong trường;

+ Hỗ trợ, phối hợp với cán bộ chuyên trách CTXH & TVTL giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ CTXH & TVTL để hoàn thành các hoạt động theo kế hoạch;

+ Thực hiện các công việc theo đề nghị phối hợp của các cán bộ chuyên trách/bán chuyên trách trong tổ CTXH & TVTL.

- Nhiệm vụ của thành viên là đại diện cha mẹ HS:

+ Cùng với các thành viên trong tổ CTXH & TVTL xây dựng kế hoạch triển khai các hoạt động cung cấp dịch vụ CTXH & TVTL trong trường học.

+ Tham gia hỗ trợ cán bộ chuyên trách/bán chuyên trách trong quá trình thực hiện cung cấp dịch vụ CTXH & TVTL cho HS;

+ Thực hiện công tác giám sát các hoạt động CTXH & TVTL cho HS, vận động cha mẹ HS được hỗ trợ thực hiện nghiêm túc các hoạt động chuyên môn;

+ Huy động và kết nối các nguồn lực về vật chất, tinh thần để phát triển các hoạt động CTXH & TVTL trong trường học.

2.2.3. Nhiệm vụ của các lực lượng giáo dục khác trong thực hiện mô hình

❖ Vai trò của các thành phần liên quan

(1) Hiệu trưởng:

+ Phê duyệt kế hoạch, chỉ đạo Tổ CTXH & TVTL học đường thực hiện các nhiệm vụ, giám sát, đánh giá kết quả hoạt động của Tổ.

+ Tạo điều kiện để cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường tham gia bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về CTXH và TVTL học đường.

+ Chịu trách nhiệm bố trí nhân sự tham gia Tổ CTXH & TVTL học đường, đảm bảo các điều kiện cho cán bộ bán chuyên trách được tham gia bồi dưỡng, nâng cao năng lực theo quy định.

+ Bảo đảm các điều kiện về tài chính, cơ sở vật chất để thực hiện các nội dung hoạt động cung cấp dịch vụ CTXH & TVTL trong trường học.

+ Xây dựng các mối quan hệ với các tổ chức, cá nhân để huy động các nguồn lực bổ sung cho hoạt động CTXH & TVTL trong trường học.

(2) Giáo viên chủ nhiệm

+ Thực hiện theo chỉ đạo, phân công của hiệu trưởng trong việc tham gia, hỗ trợ cán bộ tư vấn hỗ trợ HS triển khai các hoạt động CTXH & TVTL trong trường học.

+ Phối hợp với cha mẹ HS để tạo sự đồng tâm, nhất trí trong triển khai các hoạt động phòng ngừa, hỗ trợ tâm lý cho HS.

+ Theo dõi và phát hiện sớm các trường hợp HS gặp khó khăn, chuyển giao cho cán bộ làm công tác tư vấn hỗ trợ HS để được tư vấn, hỗ trợ.

(3) Cộng tác viên (là các em học sinh làm CB lớp, cán bộ Đoàn, Đội, và một số HS có năng lực)

+ Theo dõi và phát hiện sớm các HS gặp khó khăn, báo cáo cho cán bộ làm công tác tư vấn hỗ trợ HS tại trường học

+ Chủ động đề xuất và phối hợp với Tổ CTXH & TVTL tổ chức các hoạt động phòng ngừa cho HS.

(4) Cha mẹ HS

- Phối hợp với GV chủ nhiệm, GV bộ môn và Tổ CTXH và TVTL phát hiện, tiếp nhận thông tin về các trường hợp người học có hoàn cảnh đặc biệt, bị bạo lực, bị xâm hại, bỏ học, vi phạm pháp luật.

- Chủ động đề xuất và phối hợp với Tổ CTXH và TVTL trường học tổ chức các hoạt động phòng ngừa cho HS.

- Phối hợp với Tổ CTXH và TVTL trường học tham gia các hoạt động can thiệp, trợ giúp HS tại cơ sở giáo dục và cộng đồng khi có đề nghị của GV chủ nhiệm hoặc tổ trưởng.

(5) Các cơ sở cung cấp dịch vụ CTXH và TVTL ngoài cộng đồng

Các cơ sở cung cấp dịch vụ CTXH và TVTL ngoài trường học có thể hỗ trợ Tổ CTXH và TVTL những công việc cụ thể sau:

- Phối hợp tổ chức các hoạt động phòng ngừa như giáo dục kỹ năng sống, giá trị sống, những khóa nâng cao kỹ năng khác.

- Tiếp nhận các ca hỗ trợ chuyên sâu do Tổ CTXH và TVTL chuyển giao.

- Thực hiện công tác đào tạo, phát triển chuyên môn, giám sát ca, nâng cao năng lực cho đội ngũ làm CTXH và TVTL trường học bao gồm cả nhân viên chuyên trách và bán chuyên trách.

- Phối hợp với các phòng CTXH và TVTL trường học triển khai các nghiên cứu khoa học về tâm lý trường học, ứng dụng kết quả của nghiên cứu nhằm nâng cao hoạt động thực tiễn; triển khai các dự án trong hoạt động CTXH và TVTL trường học.

(6) Ủy ban Nhân dân tỉnh/thành phố, huyện/quận, xã/phường

UBND cấp tỉnh/ thành phố, huyện/ quận, xã/ phường cùng với Mặt trận Tổ quốc tỉnh, huyện, xã là đơn vị đầu mối phối hợp các tổ chức đoàn thể trong giáo dục, hỗ trợ học sinh thông qua vai trò của các tổ chức đoàn thể như: Đoàn Thanh niên, Hội phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, hội nông dân ...

Là đơn vị điều phối chỉ đạo việc:

- ✓ Xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành trong đó nêu rõ vai trò, nhiệm vụ của mỗi bên; nêu các hoạt động cụ thể trong phối hợp; và phương thức hoạt động
- ✓ Điều phối nguồn lực [nhân lực và tài chính] để thực hiện hỗ trợ, can thiệp theo từng trường hợp cụ thể
- ✓ Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp liên ngành đáp ứng các vấn đề theo cá nhân trẻ và được nhóm liên ngành thông qua.
- ✓ Giám sát chất lượng và tiến trình cung cấp dịch vụ liên ngành.

(7) Ngành LĐTBX

Là cơ quan đầu mối hỗ trợ UBND thực hiện các chính sách cho trẻ em và điều phối việc cung cấp các dịch vụ giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

(8) Ngành Công an

Là một đơn vị phối hợp vừa đóng vai trò tiếp nhận trường hợp vừa có vai trò xử lý các trường hợp phi phạm quyền trẻ em.

(9) Ngành Y tế

Là tổ chức thành viên chịu trách nhiệm đối với sức khỏe về thể chất và tinh thần cho trẻ em.

(10) Ngành Giáo dục

Là tổ chức thành viên chịu trách nhiệm hỗ trợ và bảo vệ học sinh cũng như cung cấp một số các dịch vụ phúc lợi trẻ em như tư vấn, tham vấn, hòa giải... Giáo viên được cho là người hàng ngày có tiếp xúc nhiều nhất với học sinh nên có điều kiện thuận lợi để có thể quan sát được những thay đổi về thể chất và tinh thần của học sinh, qua đó phát hiện được xem học sinh có bị xâm hại hay không.

PHẦN IV. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN QUY TRÌNH VẬN HÀNH CỦA MÔ HÌNH VÀ MỘT SỐ LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA MÔ HÌNH CÔNG TÁC XÃ HỘI VÀ TƯ VẤN TÂM LÝ

1. Hướng dẫn thực hiện các hoạt động của mô hình công tác xã hội và tư vấn tâm lý

1.1. Hướng dẫn thực hiện hoạt động rà soát sàng lọc, phát hiện nguy cơ vấn đề của học sinh

Hoạt động rà soát, sàng lọc là một trong những hoạt động chuyên môn của Tổ TVTL & CTXH trong trường học để nhằm phát hiện sớm những vấn đề học sinh có nguy cơ gặp phải hoặc đang gặp phải để kịp thời có các biện pháp can thiệp hỗ trợ như xây dựng các chương trình phòng ngừa hoặc can thiệp với nhóm, hoặc cá nhân học sinh đang gặp phải những vấn đề đó. Hoạt động rà soát, sàng lọc được thực hiện với không chỉ với học sinh mà còn thông qua giáo viên và cha mẹ học sinh.

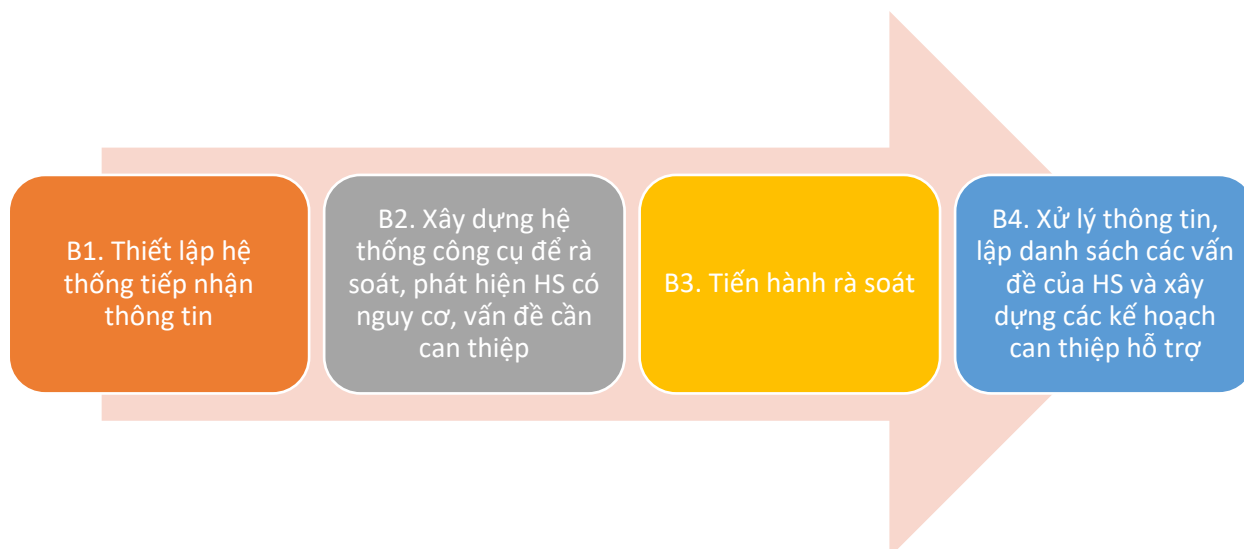
a) Mục đích

- Rà soát, nắm bắt thông tin, nhu cầu, hoàn cảnh gia đình, vấn đề của HS, cha mẹ và của giáo viên.
- Phát hiện các vấn đề cần phòng ngừa tại trường học
- Phát hiện các trường hợp cần hỗ trợ can thiệp tại trường học (Trường hợp HS cần hỗ trợ khẩn cấp, những HS có hoàn cảnh khó khăn, đặc biệt, nhóm HS có nguy cơ)
- Chuyển gửi người cần trợ giúp đến địa chỉ phù hợp

b) Hình thức

- Qua bảng hỏi do Tổ TVTL & CTXH thiết kế tới HS, giáo viên, cha mẹ HS (*Một số mẫu bảng hỏi sàng lọc đến HS, cha mẹ hoặc GV sẽ được trình bày ở phần phụ lục*)
- Qua hỏi chuyện học sinh, giáo viên, cha mẹ HS
- Qua báo cáo của GVCN, cha mẹ HS
- Qua hộp thư của Tổ TVTL & CTXH hoặc chủ động chia sẻ từ học sinh
- Qua đội ngũ tình nguyện viên
-

c) Quy trình thực hiện



- Bước 1. Thiết lập hệ thống tiếp nhận thông tin:

Tổ TVTL & CTXH sẽ là nơi tiếp nhận thông tin từ các nguồn thông tin.

- Bước 2. Xây dựng hệ thống công cụ để rà soát, phát hiện HS có nguy cơ, vấn đề cần can thiệp

Tổ TVTL & CTXH giao cho cán bộ phụ trách tư vấn hỗ trợ HS xây dựng các công cụ, thang đo để rà soát, sàng lọc những vấn đề của học sinh. Việc xây dựng bộ công cụ sàng lọc này có thể dựa trên thang đo đã được chuẩn hóa về các vấn đề của học sinh, ví dụ: Thang Lo âu học đường, Thang đánh giá hành vi của học sinh, Thang DASS 21, MBTI, ngôn ngữ tình yêu ... Những thang này đã được chuẩn hóa và sử dụng phổ biến để sàng lọc các vấn đề của học sinh trong trường học.

Hoặc dựa trên báo cáo của HS, giáo viên, cha mẹ HS về các vấn đề đang tồn tại trong trường học để đưa ra mức độ ưu tiên cần giải quyết.

Bảng: Mẫu thu thập thông tin về các vấn đề mà HS trong trường gặp phải

STT	Thực trạng	Mức độ (1 = Rất trầm trọng, 2 = Khá trầm trọng, 3 = Bình thường)	Nguồn thông tin (1 = HS, 2 = Giáo viên, 3 = Cha mẹ HS, 4 = khác)	Ghi chú
1	Bạo lực học đường	1	1,2	
2	Thuốc lá điện tử	3	3,2	
3	Mối quan hệ với cha mẹ	2	3,1	

4	Vấn đề khó khăn trong học tập ...			
5	Thiếu kiến thức, kỹ năng ...			
6	Áp lực học tập			
7	Khó khăn tâm lý			

- Bước 3. Tiến hành rà soát, sàng lọc các vấn đề của HS

- Tổ TVTL & CTXH tiến hành rà soát trực tiếp các vấn đề của HS thông qua các phiếu sàng lọc, thang đánh giá các vấn đề của HS.

- Tổ TVTL & CTXH tiếp nhận những thông tin từ GV, cha mẹ HS báo cáo về các vấn đề của HS đang gặp phải

- Tổ TVTL & CTXH gửi các phiếu KS, thang đánh giá vấn đề của HS đến GV, cha mẹ HS để phát hiện những HS đang cần hỗ trợ hoặc phát hiện những vấn đề của HS trong trường/ lớp.

- Bước 4. Xử lý thông tin, sàng lọc, lập danh sách các vấn đề của HS và có kế hoạch can thiệp

Sau khi tiếp nhận thông tin từ các nguồn, Tổ TVTL & CTXH cần xác định:

- *Vấn đề của HS trong trường gặp phải là gì?*
- *Các yếu tố gây ra vấn đề đó?*
- *Nhu cầu của học sinh trong giải quyết các vấn đề đó?*
- *Tổ TVTL & CTXH cần triển khai hoạt động nào để giải quyết vấn đề?*

Danh sách các vấn đề của HS trong trường học có thể được thu thập theo bảng dưới đây:

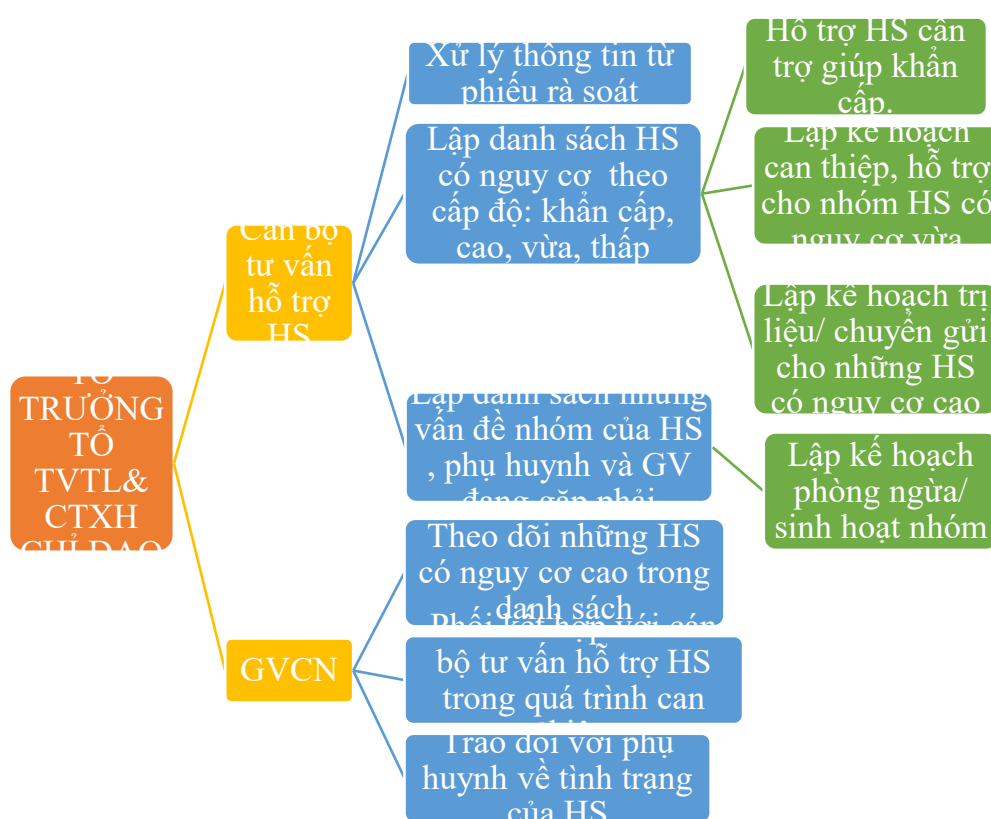
Bảng: Mẫu xác định những vấn đề mà HS trong trường gặp phải và dịch vụ hỗ trợ của Tổ TVTL & CTXH

TT	Vấn đề HS gặp phải	Nguyên nhân	Nhu cầu của HS	Các đối tượng cần can thiệp, hỗ trợ	Dịch vụ hỗ trợ	Mục đích hỗ trợ	Thời gian dự kiến
----	--------------------	-------------	----------------	-------------------------------------	----------------	-----------------	-------------------

							hỗ trợ
1	Bao lực học đường	- Từ HS - Từ các yếu tố môi trường ...	- Được nâng cao kiến thức, kỹ năng - Được hỗ trợ can thiệp	- HS Toàn trường - HS đang bị BL và gây ra BL (có danh sách)	-Phòng ngừa toàn trường/ khối lớp - Hỗ trợ can thiệp HS cá nhân	-Giúp HS có kiến thức, kỹ năng ứng phó với BL - HS được hỗ trợ cá nhân	...
2	Thuốc lá điện tử	- Từ HS - Từ các yếu tố môi trường ...	Được nâng cao kiến thức, kỹ năng - Được hỗ trợ can thiệp	- HS Khối 8, 9 - HS sử dụng thuốc lá điện tử (có danh sách)	- Chương trình phòng ngừa Khối 8,9 - Hỗ trợ can thiệp HS cá nhân	-Giúp HS có kiến thức, kỹ năng phòng tránh thuốc lá điện tử - HS được hỗ trợ cá nhân	
3	Mối quan hệ với cha mẹ	- Tâm lý HS - Cha mẹ	Gắn kết mối quan hệ với cha mẹ	- HS khối 7,8 - Cha mẹ Khối 7,8 - Danh sách cá nhân HS cần hỗ trợ	- Chuyên đề đồng hành cùng con dành cho cha mẹ khối 7,8 - GD GTS, KNS cho HS chủ đề Lòng biết ơn cho khối lớp 7,8 - Hỗ trợ cá nhân HS	Cha mẹ hiểu con và tăng cường kết nối cùng con.	
4	Áp lực học tập	- Từ HS (thiếu kỹ năng...) - Từ các yếu tố	- Được nâng cao kiến thức, kỹ năng ứng phó	HS đang có khó khăn tâm lý do áp lực học tập	- Phòng ngừa - Can thiệp hỗ trợ	- Giúp HS có kiến thức, kỹ năng ứng phó với áp lực	

		môi trường ...	với căng thẳng - Được hỗ trợ can thiệp		- Kết nối chuyên gửi (nếu cần)	- HS được hỗ trợ cá nhân để giải quyết được những khó khăn tâm lý của bản thân	
5	...						

Tổ trưởng Tổ TVTL & CTXH thực hiện phân công nhiệm vụ như sau:



Sơ đồ 3. Phân công nhiệm vụ thực hiện công tác xử lý thông tin, sàng lọc và lập danh sách các vấn đề của học sinh

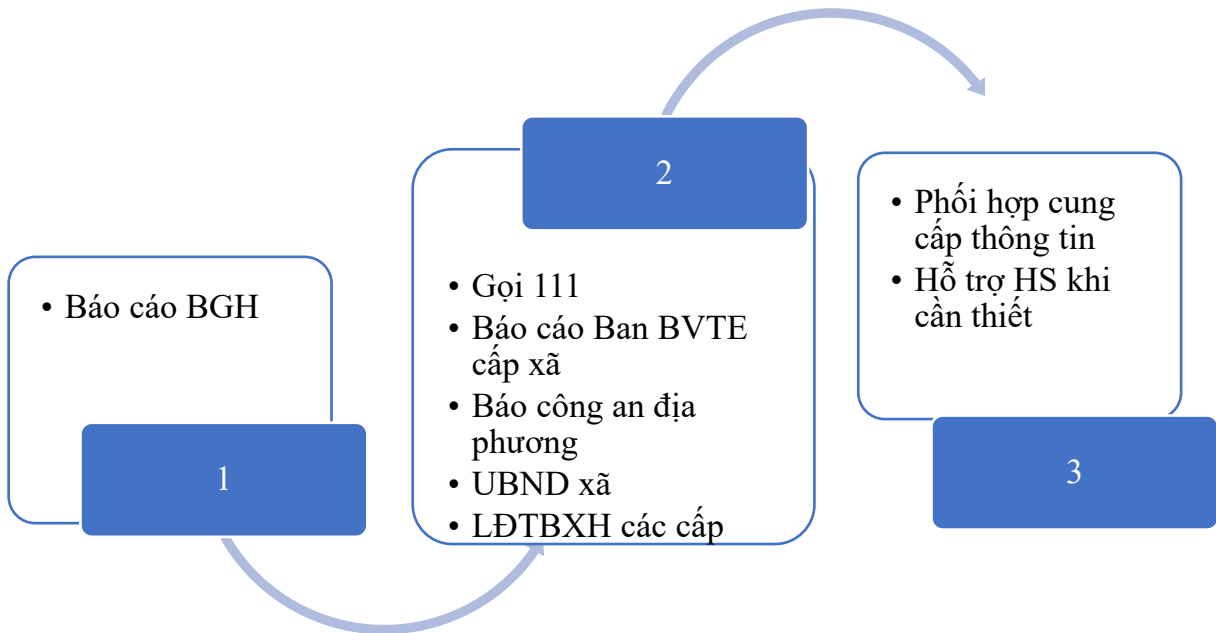
Sau mỗi lần rà soát, cán bộ tổ TVTL & CTXH có nhiệm vụ xử lý thông tin từ các phiếu rà soát, lập danh sách học sinh theo các cấp độ nguy cơ của vấn đề học sinh gặp phải. Các danh sách bao gồm:

- + Danh sách HS cần hỗ trợ khẩn cấp.
- + Danh sách nhu cầu/ vấn đề của HS.
- + Danh sách nhu cầu/ vấn đề của phụ huynh HS.

- + Danh sách nhu cầu/ vấn đề của GV.
- + Danh sách HS có nguy cơ, vấn đề ở mức độ vừa cần can thiệp, hỗ trợ.
- + Danh sách HS có vấn đề ở mức độ nghiêm trọng cần can thiệp, trị liệu.

Tùy theo mức độ nguy cơ của từng vấn đề HS đang gặp phải, cán bộ TVTL & CTXH sẽ có kết hoạch và hoạt động hỗ trợ phù hợp, cụ thể như sau:

- Đối với trường hợp HS cần hỗ trợ khẩn cấp, quy trình xử trí như sau:



Sơ đồ 4. Quy trình hỗ trợ khẩn cấp cho HS

+Tổ TVTL & CTXH lên kế hoạch thực hiện các hoạt động phòng ngừa với những trường hợp phát hiện ra những vấn đề có nguy cơ của học sinh

Tổ TVTL & CTXH xây dựng kế hoạch truyền thông và tổ chức các buổi sinh hoạt CTXH nhóm (toàn trường, lớp hoặc nhóm nhỏ HS) với những trường hợp HS đang có nguy cơ hoặc có nhu cầu cần hỗ trợ.

+ Đối với trường hợp học sinh có nguy cơ, vấn đề ở **mức độ vừa**, Tổ TVT & CTXH phân công cán bộ tư vấn để can thiệp, hỗ trợ học sinh

Tổ TVTL & CTXH thực hiện hỗ can thiệp hỗ trợ các trường hợp HS đang có vấn đề, nhu cầu hỗ trợ theo hình thức hỗ trợ cá nhân hoặc nhóm.

Cán bộ tư vấn hỗ trợ HS kết hợp với GVCN, cha mẹ HS trong quá trình hỗ trợ can thiệp. Cần lưu ý các GV chủ nhiệm, danh sách các HS có nguy cơ cao này cần được bảo mật để tránh sự kì thị, bắt nạt, cô lập trong trường học.

+ *Đối với HS có vấn đề ở mức độ nghiêm trọng cần can thiệp, trị liệu:* Đối với các học sinh thuộc cấp độ nguy cơ cao, có biểu hiện của rối loạn tâm thần, ... Cán bộ Tổ TVTL & CTXH xem xét, có thể kết nối với các chuyên gia tiến hành thảo luận trường hợp, đưa vào một nhóm và cần có kế hoạch trị liệu riêng. Đối với những trường hợp quá nặng, cần kết nối, chuyển gửi tới các cơ quan trị liệu chuyên biệt.

d) Thời gian dự kiến thực hiện các hoạt động sàng lọc

- Tuần thứ 2 của học kỳ 1
- Tuần thứ 2 của học kỳ 2
- Tiếp nhận thông tin 24/24h đối với hình thức trực tuyến hoặc trực tiếp

1.2. Hướng dẫn thực hiện hoạt động phòng ngừa các vấn đề cho học sinh trong trường học

a) Mục đích của chương trình phòng ngừa

- Nâng trang bị kiến thức, kỹ năng cho học sinh, giáo viên, cha mẹ HS giúp HS phòng ngừa và ứng phó với các đề học đường.

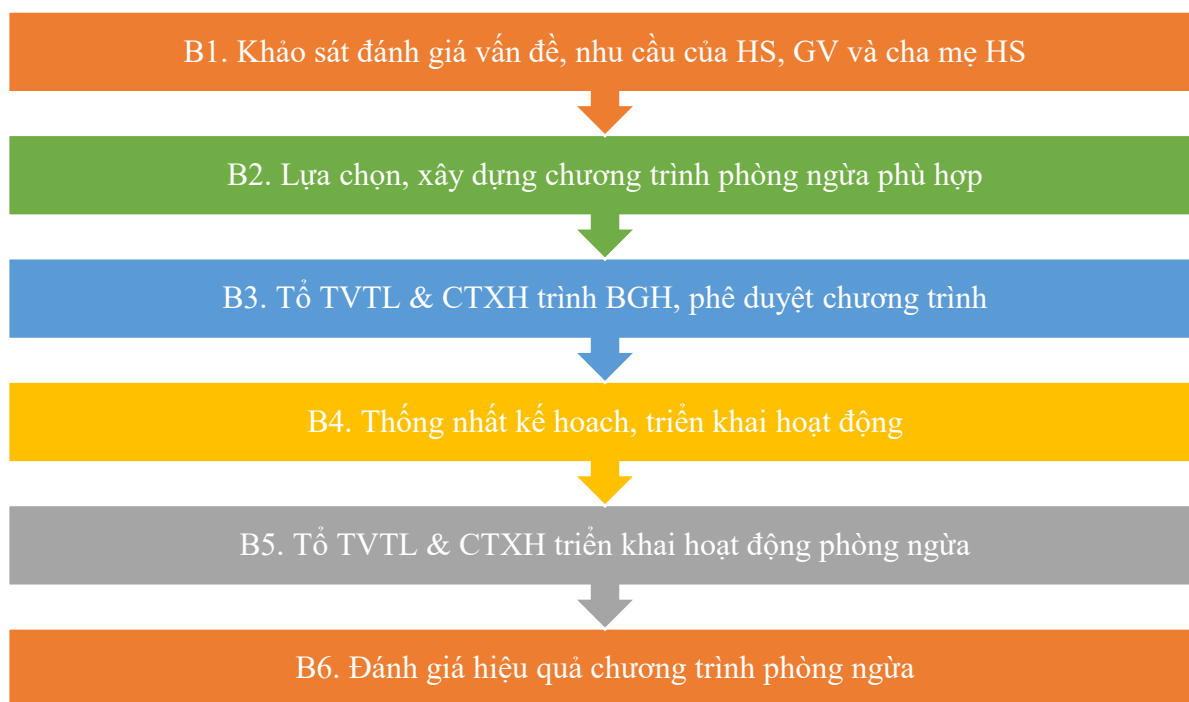
- Bổ sung, nâng cao kiến thức cho GV, cha mẹ học sinh về vấn đề tâm lý, kỹ năng hỗ trợ cơ bản đối với học sinh ở từng lứa tuổi để nhận diện những khó khăn của HS và có trợ giúp bước đầu cho HS.

- Đối tượng thực hiện phòng ngừa: Học sinh, giáo viên, cha mẹ học sinh.

Tổ CTXH và TVTL lựa chọn và xây dựng nội dung phòng ngừa và tổ chức đánh giá các hoạt động phòng ngừa dựa trên sự thay đổi của HS, cha mẹ HS, cán bộ, GV trong trường và cộng đồng xã hội.

b) Hướng dẫn thực hiện quy trình các hoạt động phòng ngừa

Quy trình thực hiện các hoạt động phòng ngừa được thực hiện theo các bước dưới đây:



Sơ đồ: Quy trình thực hiện hoạt động phòng ngừa

- *Bước 1: Khảo sát, đánh giá nhu cầu của học sinh, giáo viên và cha mẹ HS*

Để chương trình phòng ngừa bám sát được nhu cầu của người tham gia cũng như thực trạng liên quan đến các vấn đề của giáo viên/học sinh trong trường thì trước khi xây dựng chương trình, phòng TVHD cần có một khảo sát, đánh giá đối với giáo viên/học sinh (Bước này có thể thực hiện ở hoạt động rà soát, sàng lọc).

Hoạt động này dựa trên: Báo cáo đánh giá vấn đề của học sinh tới Tổ TVTL & CTXH, khảo sát nhu cầu của HS, GV thông qua “Phiếu đăng ký chương trình phòng ngừa” của các giáo viên, Khối, lớp.

Sau đó Tổ TVTL & CTXH thu nhận lại phiếu để tổng hợp, từ đó xác định được chủ đề giáo viên/học sinh cần hỗ trợ trong thời gian ngắn hạn và dài hạn. Mẫu Phiếu đăng ký chương trình phòng ngừa có thể được thiết kế như sau:

- *Bước 2: Lựa chọn, xây dựng chương trình phòng ngừa*

Dựa trên những vấn đề của học sinh gặp phải ở hoạt động sàng lọc trên hoặc đề xuất của giáo viên, học sinh, cha mẹ HS hoặc từ đề xuất của Tổ TVTL & CTXH, Tổ TVTL & CTXH lựa chọn nội dung/ chủ đề cho từng đối tượng.

(1) Chương trình/ nội dung phòng ngừa cho học sinh

Dựa trên các vấn đề, nguy cơ của học sinh gặp phải, Tổ TVTL & CTXH xây dựng các chương trình phòng ngừa cho học sinh, như:

- Các vấn đề về nhận thức bản thân, như chủ đề: Tôi là ai, nuôi dưỡng cảm xúc tích cực, tư duy tích cực, chăm sóc đời sống tinh thần lành mạnh; Tuổi dậy thì của chúng ta thay đổi như thế nào ...)

Các vấn đề liên quan đến mối quan hệ giữa học sinh với học sinh (chủ đề tình bạn, tình yêu tuổi học trò...)

- Các vấn đề liên quan đến mối quan hệ với thầy cô, cha mẹ: Cha mẹ tôi, Biết ơn ...

- Các vấn đề của học đường, như: Phòng ngừa và ứng phó với bạo lực học đường, XHTD, các chất kích thích, gây nghiện, sử dụng mạng xã hội an toàn ...

(Lưu ý: Tổ TVTL & CTXH dựa trên các vấn đề thực tiễn của HS trong trường học đang gặp phải để xây dựng các chương trình phòng ngừa đáp ứng nhu cầu của HS)

- Bên cạnh đó, Tổ TVTL & CTXH tăng cường các chương trình giáo dục giá trị sống, KN sống cho HS. với 12 chủ đề giá trị sống cơ bản đã được tổ chức UNESCO lựa chọn bao gồm: Hoà bình, Tôn trọng, Yêu thương, Khoan dung, Khiêm tốn, Hợp tác, Hạnh phúc, Trách nhiệm, Giản dị, Tự do, Đoàn kết.

Với đối tượng học sinh thuộc nhóm nguy cơ, chương trình giáo dục nên tập trung vào một số giá trị như Hoà bình, Tôn trọng, Yêu thương, Khoan dung, Hợp tác, Tự do, Đoàn kết. Trên cơ sở nền tảng những giá trị sống, PTV thiết kế các chủ đề giáo dục kỹ năng sống trong nhà trường: Kỹ năng tự nhận thức bản thân; Kỹ năng xác định giá trị; Kỹ năng kiểm soát cảm xúc bản thân; Kỹ năng giao tiếp tích cực; Kỹ năng giải quyết mâu thuẫn; Kỹ năng giải quyết vấn đề; Kỹ năng tìm kiếm sự trợ giúp; Kỹ năng kiên định; Kỹ năng thương lượng – giải quyết mâu thuẫn; Kỹ năng đặt ra giới hạn phù hợp cho mình; Kỹ năng phòng chống xâm hại tình dục, ...

(2) Chương trình/ nội dung phòng ngừa dành cho giáo viên

Nội dung phòng ngừa dành cho GV sẽ tập trung vào những nội dung cơ bản như sau:

- + Các kiến thức về xây dựng Trường học an toàn, hạnh phúc
- + Những vấn đề liên quan đến sự phát triển tâm sinh lý của trẻ em ở các lứa tuổi khác nhau
- + Kĩ luật tích cực

+ Kiến thức về nhận diện, phát hiện các rối nhiễu hành vi, tâm lý của HS và cách hỗ trợ cho những HS có vấn đề về tâm lý, hành vi.

+ Các kiến thức, kỹ năng trong tư vấn hỗ trợ học sinh

+ Kiến thức về thực trạng các vấn đề xảy ra trong trường học như: Bạo lực học đường, bắt nạt và xâm hại qua mạng Internet; sức khỏe tinh thần học đường; Giới tính và sức khỏe sinh sản; Tình yêu tuổi học trò ...

Lưu ý: Tùy theo đặc điểm từng Trường học và từng địa phương; dựa trên nhu cầu cần đào tạo, tập huấn cho GV thì Tổ TVTL & CTXH sẽ lựa chọn các nội dung chương trình cho phù hợp. Tổ TVTL & CTXH có thể tự tổ chức hoạt động trao đổi với GV hoặc mời chuyên gia trao đổi với GV toàn trường.

(3) Chương trình/ nội dung dành cho cha mẹ học sinh

Các chương trình tập huấn cho phụ huynh được xây dựng dựa trên nhu cầu, tình hình thực tế như theo đánh giá dựa trên vấn đề của trường học. Các nội dung hướng đến trang bị các kiến thức để cha mẹ có thể đồng hành, kết nối với con như:

- Giúp cha mẹ hiểu về những đặc điểm, nhu cầu tâm lý – xã hội cơ bản của trẻ trong mỗi giai đoạn

- Các phương pháp giáo dục trẻ và kỉ luật tích cực, thu hút sự tham gia của trẻ

...

- Kiến thức và kỹ năng để giúp trẻ phòng tránh các vấn đề như: bạo lực học đường, xâm hại tình dục trẻ em, nguy cơ, rủi ro trẻ em có thể gặp phải khi sử dụng internet, sức khỏe sinh sản, giới tính và tình yêu tuổi học trò ...

- *Bước 3. Tổ TVTL & CTXH trình Ban giám hiệu phê duyệt chương trình phòng ngừa*

Tổ TVTL & CTXH làm tờ trình đến Ban giám hiệu nhà trường để được phê duyệt kèm theo khung chương trình chi tiết.

- *Bước 4. Thống nhất kế hoạch, triển khai hoạt động phòng ngừa đến học sinh, giáo viên, cha mẹ học sinh*

Cán bộ Tổ TVTL & CTXH phối hợp với GV phụ trách tổ chức hoạt động phòng ngừa của nếu quy mô toàn trường, hoặc phối hợp với GV chủ nhiệm nếu thực hiện phòng ngừa ở cấp lớp để triển khai hoạt động. Chuẩn bị thời gian, các phương tiện hỗ trợ hoạt động, mời chuyên gia (nếu cần)

- *Bước 5. Triển khai hoạt động phòng ngừa*

Cán bộ Tổ TVTL & CTXH là người chịu trách nhiệm tổ chức các chương trình phòng ngừa cho học sinh, giáo viên, cha mẹ học sinh theo kế hoạch đã đặt ra:

- Đảm bảo chuẩn bị đầy đủ nội dung, phương pháp, công cụ, tài liệu giảng dạy.

- Kiểm tra cơ sở vật chất: Phòng học, loa, mic, máy chiếu, bàn ghế... theo yêu cầu hoạt động.

- Kiểm tra thông tin: Đảm bảo học sinh, giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn nhận được thông tin hoạt động.

- Hình thức thực hiện hoạt động phòng ngừa:

+ Truyền thông nhóm lớn toàn trường

+ Tọa đàm theo các chủ đề

+ Các khóa học về kỹ năng sống, giá trị sống

+ Các hoạt động trải nghiệm, ngoại khóa

+ Các chương trình sinh hoạt dưới cờ, giờ sinh hoạt lớp ...

- *Bước 6. Lượng giá*

Hoạt động này được thực hiện sau tổ chức các chương trình phòng ngừa với học sinh, giáo viên, cha mẹ HS. Hoạt động này nhằm đánh giá nội dung, phương pháp của chương trình phòng ngừa có phù hợp với các đối tượng và từ đó có những điều chỉnh phù hợp hơn.

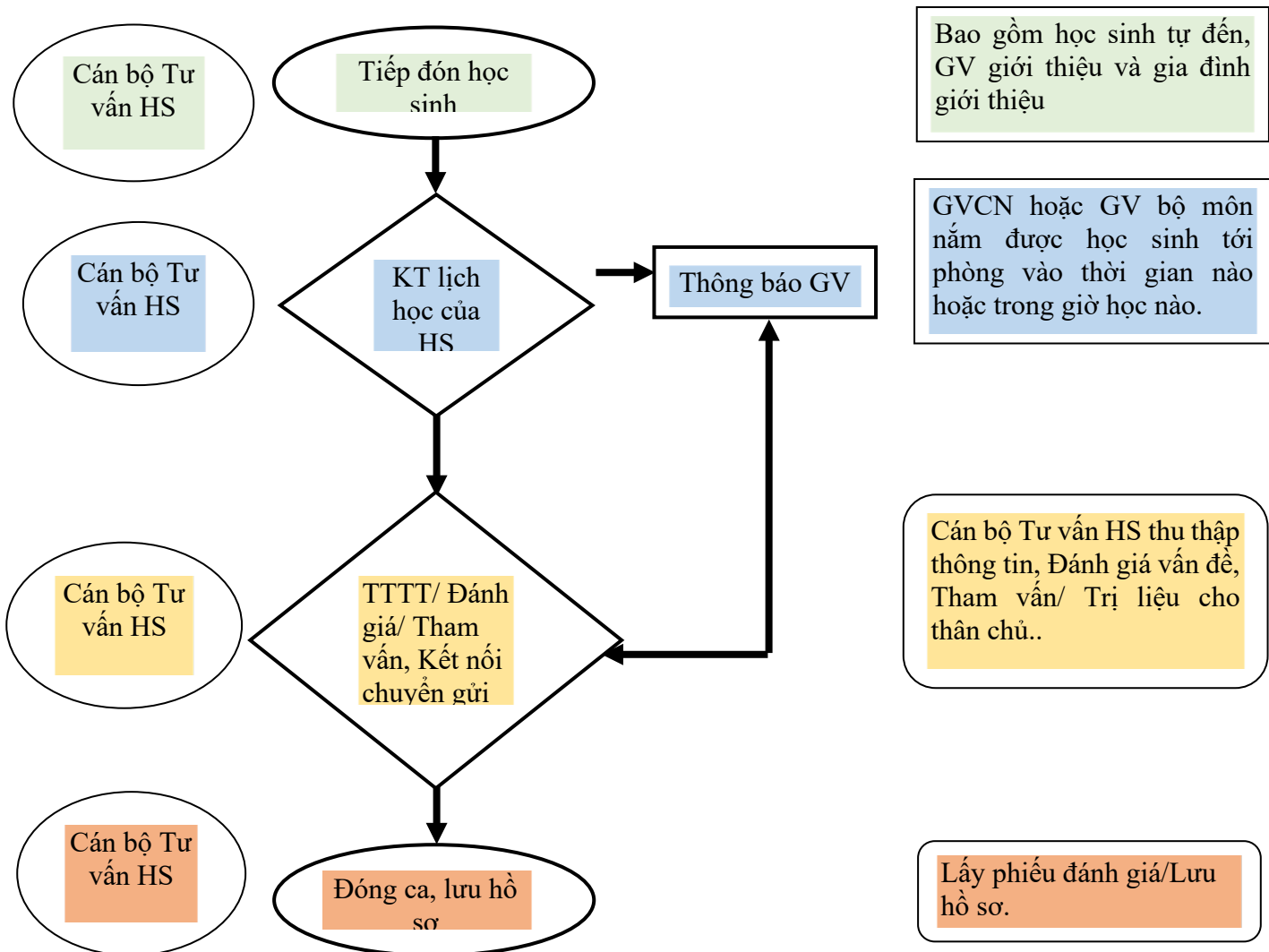
Tổ TVTL & CTXH sẽ chuẩn bị mẫu phiếu đánh giá cho các đối tượng tham gia về chương trình phòng ngừa.

1.3. Hướng dẫn quy trình can thiệp trợ giúp giải quyết các vấn đề của người học

a. Mục đích

Nhằm trợ giúp HS, cha mẹ HS, cán bộ, GV và cộng đồng xã hội giải quyết các vấn đề khó khăn đang phải đối mặt. Với từng vấn đề và với mỗi HS, tổ TVTL & CTXH trường học sẽ có phương pháp can thiệp hỗ trợ riêng biệt. Cán bộ tổ TVTL & CTXH sẽ cung cấp các dịch vụ hỗ trợ như tham vấn cá nhân, nhóm hoặc tìm kiếm, điều phối và kết nối các dịch vụ, nguồn lực trợ giúp cho học sinh, cha mẹ HS và GV. Mục đích là giúp cho HS, cha mẹ HS, GV và cộng đồng được tăng năng lực và tự giải quyết vấn đề của mình

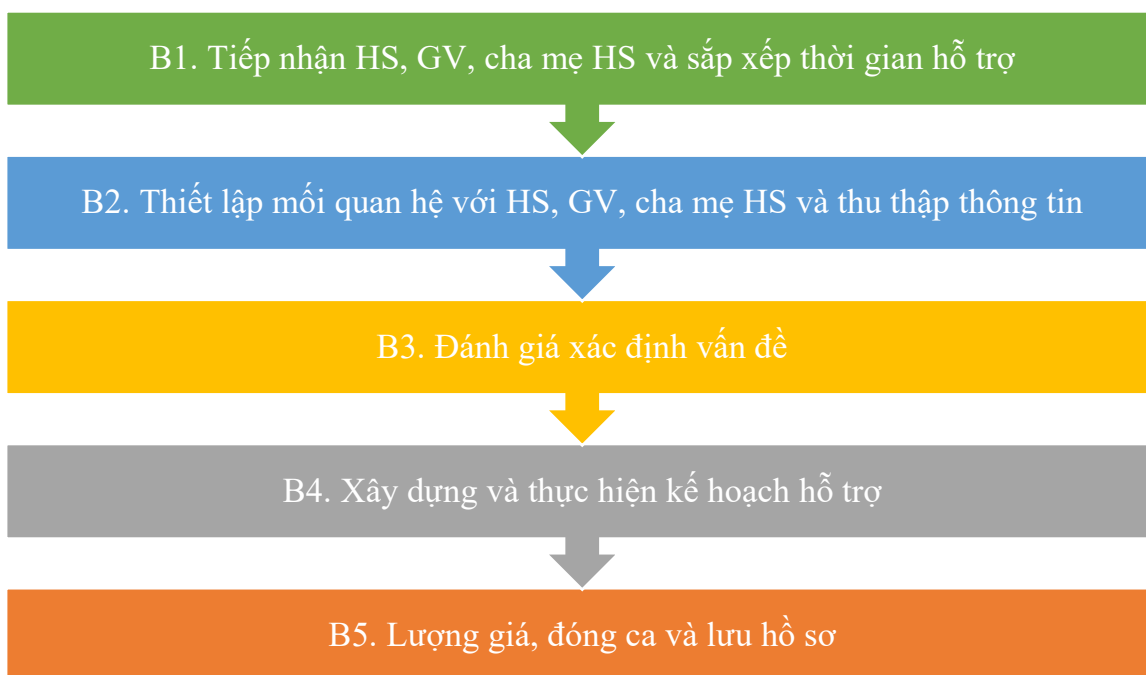
b. Các bước trong quy trình can thiệp, trợ giúp



Sơ đồ 5: Tiếp nhận và trợ giúp học sinh tại phòng TVTL & CTXH

c. Quy trình hoạt động can thiệp hỗ trợ cá nhân

Từ sơ đồ trên, Phòng TVTL & CTXH sẽ tiếp nhận và hỗ trợ học sinh đến can thiệp, trợ giúp theo quy trình sau:



❖ *Tiếp nhận học sinh*

Học sinh đến Phòng TVTL & CTXH để nhận hỗ trợ theo các cách sau:

Trường hợp 1: Học sinh chủ động, trực tiếp đến Phòng TVTL & CTXH

HS tự nhận thấy các em đang có những khó khăn, thắc mắc nên chủ động đến Phòng TVTL & CTXH để được hỗ trợ. Khi đến Phòng, HS sẽ được gặp gỡ các cán bộ tư vấn HS chia sẻ vấn đề khó khăn và đặt lịch hỗ trợ

Trường hợp 2: GV giới thiệu HS đến Phòng TVTL & CTXH

Khi GV quan sát, xác định thấy HS có những vấn đề về tâm lý, hành vi hoặc những áp lực trong học tập thì giáo viên có thể đưa HS xuống Phòng TVTL & CTXH hoặc trực tiếp GV xuống Phòng TVTL & CTXH cung cấp các thông tin cơ bản về HS (Trong một số trường hợp học sinh có vấn đề ít nghiêm trọng, cán bộ phòng sẽ hướng dẫn GV thực hiện tư vấn hỗ trợ học sinh).

Trước khi HS đến Phòng TVTL & CTXH, GV nên chia sẻ, nói chuyện với HS để HS hiểu rõ được việc cần thiết xuống Phòng TVTL & CTXH, tránh trường hợp HS không muốn hoặc vi phạm quyền riêng tư của HS.

Trường hợp 3: Phụ huynh giới thiệu HS đến Phòng TVTL & CTXH

Phụ huynh nhận thấy con mình có những khó khăn, vấn đề cần được hỗ trợ nên giới thiệu HS đến Phòng TVTL & CTXH hoặc phụ huynh đến Phòng TVTL & CTXH để chia sẻ những vấn đề HS đang gặp phải.

Khi đến Phòng TVTL & CTXH, Phụ huynh cũng được cán bộ tư vấn trò chuyện, lắng nghe những chia sẻ từ Phụ huynh, hướng dẫn PH làm phiếu đăng kí tham vấn. Phụ huynh phối hợp cùng GVCN tạo điều kiện cho HS xuống Phòng TVTL & CTXH làm việc theo như lịch hẹn.

- Những lưu ý khi tiếp nhận HS đến Phòng TVTL & CTXH

+ Giúp HS hiểu rõ nguyên tắc của Phòng TVTL & CTXH

- Tình nguyện
- An toàn
- Nơi được lắng nghe và sẻ chia
- Nơi HS được là chính mình

+ Nếu là GV hoặc phụ huynh giới thiệu HS đến Phòng TVTL & CTXH thì GV và PH cũng cần tham khảo trước ý kiến của HS và tôn trọng quyết định của các em.

+ GV và PH cung cấp đầy đủ các thông tin cơ bản nhất về HS theo mẫu và chia sẻ những quan sát của mình về khó khăn, vấn đề của HS.

+ CBTV HS không phán xét tất cả những thông tin mà PH và GV cung cấp, cần lắng nghe, chia sẻ và thấu cảm. Nếu có thông tin nào chưa rõ thì cần hỏi ngay PH và GV.

+ CBTV HS cũng cần hỏi rõ PH và GV về lịch hẹn mà HS có thể xuống Phòng TVTL & CTXH làm việc; tránh tình trạng ảnh hưởng đến hoạt động học tập của HS.

+ Sau buổi tiếp nhận từ GV/ PH hoặc HS thì Phòng TVTL & CTXH cần có được lịch hẹn hỗ trợ cho HS cụ thể và có sự thống nhất với GV và PH.

+ Ghi lịch hẹn HS, GV hoặc PH đến PTV.

- Sau khi tiếp đón học sinh, cán bộ Phòng TVTL & CTXH cần sắp xếp lịch trợ giúp học sinh.

+ Trường hợp vấn đề của HS ít nghiêm trọng, cán bộ TV HS tìm hiểu nhu cầu của HS và đặt lịch hẹn cho HS về thời gian, người hỗ trợ.

+ Trong trường hợp HS cần được hỗ trợ khẩn cấp, có nhu cầu cần giải quyết, CBTVHS có thể thông báo cho GV hoặc GV bộ môn biết HS đang ở Phòng TVTL & CTXH và tiến hành thực hiện ca tham vấn.

Lưu ý: Khi HS tới Phòng TVTL & CTXH trong trường học, Giáo viên chủ nhiệm hoặc GV bộ môn cần biết rõ **thời gian học sinh ở Phòng**. Cán bộ TV HS cần đảm bảo

cân đối giữa việc hỗ trợ cho HS ở Phòng với việc vẫn đảm bảo học tập của HS không bị ngắt quãng.

❖ ***Thiết lập mối quan hệ, thu thập thông tin***

- Mục tiêu của giai đoạn này là thiết lập được mối quan hệ trợ giúp tích cực, tin tưởng và làm rõ cách thức làm việc giữa cán bộ tư vấn HS và học sinh. Bên cạnh đó, CBTVHS cũng thu thập được các thông tin cơ bản về vấn đề của HS, khó khăn của HS đang gặp phải.

- *Thiết lập mối quan hệ tin cậy giữa cán bộ tư vấn HS với học sinh*

- Việc thiết lập quan hệ được đánh dấu bằng thời điểm cán bộ tư vấn HS và HS có sự tiếp xúc ban đầu, tìm hiểu các thông tin cơ bản nhất về vấn đề của HS.

Gợi ý khi thiết lập mối quan hệ, CBTVHS cần thể hiện:

- + Chào hỏi niềm nở, ân cần, nhẹ nhàng
- + Tạo cảm giác thoải mái cho HS
- + Cho phép HS tự lựa chọn vị trí chỗ ngồi sao cho em cảm thấy tự tin, dễ chịu nhất và mời HS ngồi
- + Cảm ơn HS đã đến Phòng để thể hiện sự tôn trọng quyết định của HS
- + Có thể chia sẻ những câu chuyện ngoài lề để tạo sự gần gũi, hạn chế khoảng cách giữa cán bộ tư vấn và HS
- + Sự đa dạng đã phản hồi về cảm xúc, thông tin HS chia sẻ: ngôn ngữ lời nói, cử chỉ điệu bộ, đồ vật, tranh ảnh
- + Giới thiệu qua về bản thân, công việc của bản thân liên quan đến hỗ trợ cho HS (nếu HS lần đầu đến Phòng TVTL & CTXH)
- + Làm rõ cho HS hiểu mục đích của Phòng TVTL & CTXH và nói về một số nguyên tắc tham vấn khi hỗ trợ cho HS (nguyên tắc bảo mật thông tin, học sinh trọng tâm...)
- + Hỏi về lý do HS đến PTV để xác định mục đích tham vấn của HS

- *Thu thập thông tin*

Sau khi thiết lập mối quan hệ, CBTVHS thu thập những thông tin về học sinh.

- Những thông tin cần thu thập bao gồm:

- + Hoàn cảnh gia đình
- + Vấn đề học tập

- + Mối quan hệ bạn bè thầy cô
- + Các điểm mạnh của HS
- + Các vấn đề liên quan đến cảm xúc, tình cảm
- + Khả năng giao tiếp
- + Vấn đề sức khỏe
- + Suy nghĩ, quan điểm của HS về vấn đề hiện tại
- + Hành vi, hành động của HS đã xảy ra liên quan đến vấn đề

CBTVHS thu thập thông tin bằng cách hỏi chuyện, hoặc tiến hành đánh giá bằng các thang đánh giá (nếu cần) để xác định rõ vấn đề của học sinh gặp phải.

Những bài đánh giá cho học sinh cần được lưu lại trong hồ sơ.

- Kết thúc bước thu thập thông tin, CBTVHS cần trả lời đầy đủ 3 câu hỏi:

+ *Tôi đã biết những gì về HS và vấn đề của HS (Thông tin đã thu thập được)?*

+ *Tôi cần biết thêm gì về HS và vấn đề của HS (Những thông tin nào còn thiếu, cần tìm hiểu thêm, thông tin gây nhiễu, mơ hồ)?*

+ *Các giả thuyết về vấn đề của HS là gì?*

❖ **Đánh giá, xác định vấn đề của học sinh**

Mục đích chính của bước này là việc CBTVHS phải xác định rõ được vấn đề của HS. Việc xác định chính xác vấn đề của HS sẽ giúp cho đưa ra các giải pháp, cách thức hỗ trợ HS được hiệu quả.

Có 2 trường hợp xảy ra khi xác định vấn đề của HS:

- *Trường hợp 1: Vấn đề của HS được xác định rõ sau khi thu thập thông tin ban đầu từ HS, GV và phụ huynh.*

Thông qua các thông tin thu thập ban đầu từ HS, GV hoặc phụ huynh, CBTV đã xác định được rõ vấn đề HS đang gặp phải. CBTV sẽ nói rõ vấn đề HS đang vướng mắc để HS hiểu rõ hơn. CBTV tiến hành xây dựng và thực hiện kế hoạch hỗ trợ giải quyết vấn đề cùng HS.

Lưu ý: Trong mọi trường hợp cần tôn trọng quyết định của HS về nhu cầu, mục tiêu cần hỗ trợ.

- *Trường hợp 2: Tiến hành đánh giá để xác định vấn đề của HS*

Đánh giá là quá trình CBTVHS thực hiện sử dụng các công cụ đánh giá nhằm xác định rõ vấn đề HS đang gặp phải.

+ Đánh giá qua các công cụ/thang đánh giá đã được thiết kế để xác định từng loại vấn đề của HS hoặc để sàng lọc các vấn đề nghi vấn.

Ví dụ: Thang đánh giá trầm cảm Dass 21; thang đánh giá lo âu học đường; Thang đo năng lực quản trị bản thân; Thang đánh giá nhân cách DISC; thang đánh giá rối nhiễu hành vi của Vanderbelt;

+ Đánh giá qua trò chuyện, quan sát lâm sàng, nghiên cứu sản phẩm của HS.

+ Lưu ý khi đánh giá và xác định vấn đề của HS:

- ✓ Lắng nghe, chia sẻ cùng HS
- ✓ Xác định các vấn đề đang tồn tại ở HS theo thứ tự ưu tiên cần giải quyết.
- ✓ Cùng HS phân tích, xác định hiện trạng của từng vấn đề cụ thể và đánh giá những nguyên nhân gây ra chúng.
- ✓ Lựa chọn những công cụ đánh giá phù hợp nhất với HS để xác định được chính xác vấn đề HS đang đối mặt
- ✓ Nếu cảm giác kết quả đánh giá chưa đảm bảo tính chính xác thì CBTVHS cần tiến hành thêm 1,2 công cụ đánh giá khác hỗ trợ.
- ✓ Khi xác định vấn đề của HS thì cần để HS tự nhắc lại những vấn đề chính mà HS đang gặp phải.

❖ . *Xây dựng kế hoạch và thực hiện kế hoạch hỗ trợ học sinh*

Sau khi có thông tin cùng kết quả đánh giá (nếu có) CBTVHS tiến hành xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện kế hoạch hỗ trợ cho HS.

Việc xây dựng và thực hiện kế hoạch hỗ trợ học sinh gồm các trường hợp sau:

- *Trường hợp 1: Cán bộ TVHS can thiệp độc lập cho học sinh.*

- **Bước 1: Thực hiện tham vấn/trị liệu cho học sinh.**

Sau khi thu thập thông tin liên quan đến học sinh, xác định vấn đề gặp phải của HS. Cán bộ TV cùng HS lập kế hoạch để giải quyết vấn đề. Quá trình giải quyết vấn đề có thể diễn ra trong 1 buổi hoặc nhiều hơn tùy theo vấn đề của học sinh.

Lưu ý: Ở mỗi buổi cán bộ TVHS sẽ ghi chép những thông tin trao đổi với HS vào Phiếu tham vấn và có chữ ký của cả cán bộ tham vấn và người được tham vấn (Phụ lục).

- **Bước 2: Đóng ca (Lấy phiếu đóng ca, lưu hồ sơ).**

Sau khi học sinh giải quyết được vấn đề, những nhu cầu của học sinh được đáp ứng. CBTVHS lượng giá và đóng ca.

Phiếu đóng ca và lượng giá được lưu lại trong hồ sơ, có chữ ký của học sinh hoặc giáo viên, cha mẹ học sinh (nếu giới thiệu HS đến Phòng). Phiếu lượng giá (Phụ lục).

- *Trường hợp 2: CBTVHS nhận thấy học sinh gặp phải vấn đề tâm lý vượt quá khả năng hỗ trợ của Phòng*

Cán bộ TVHS thực hiện các bước sau:

- **Bước 1:** Trao đổi với học sinh hoặc với Phụ huynh, GV chủ nhiệm (nếu GVCN là người giới thiệu HS đến PTV).
- **Bước 2:** Đề xuất chuyển tới các cơ sở/Phòng/bệnh viện uy tín ở ngoài trường học theo phụ lục đính kèm để hỗ trợ học sinh hoặc có thể mời các chuyên gia có uy tín tới hỗ trợ học sinh.
- **Bước 3:** Lập kế hoạch với Phụ huynh/ GV theo dõi hỗ trợ học sinh khi cần thiết.
- **Bước 4:** Đóng ca (Lấy phiếu đóng ca, lưu hồ sơ, theo dõi HS ở trường).

** Trường hợp 3: CBTVHS nhận thấy học sinh gặp vấn đề liên quan tới an toàn của học sinh/ những người xung quanh học sinh*

Các vấn đề liên quan đến an toàn của HS như HS là nạn nhân của bạo lực, XHTD được đánh giá ở mức độ nghiêm trọng, HS có hành vi tự hại hoặc có hành vi tự tử ...

CBTV sẽ thực hiện:

- **Bước 1:** Báo cáo Tổ trưởng Tổ Tư vấn Tâm lý & CTXH để cùng đưa ra định hướng hỗ trợ học sinh.
- **Bước 2:** Liên hệ GV chủ nhiệm/ Phụ huynh để lập kế hoạch hỗ trợ học sinh.
- **Bước 3:** CBTVHS thực hiện hỗ trợ học sinh theo kế hoạch đã được lập ra. Trong quá trình hỗ trợ có sự phối hợp với GVCN, cha mẹ HS (nếu cần).
- **Bước 4:** Đóng ca (Lấy phiếu đóng ca, lưu hồ sơ)

Lưu ý: trong quá trình tham vấn, đánh giá, đóng ca CBTVHS cần thông báo và có trao đổi với GV chủ nhiệm/ Phụ huynh/thành phần khác để các thành phần hỗ trợ nắm được tiến trình để cùng thực hiện hỗ trợ.

** Trường hợp 4: CBTVHS nhận thấy có thể tham vấn được cho học sinh nhưng cần sự phối hợp với GV chủ nhiệm/ Phụ huynh/ Bạn bè...*

- CBTV thực hiện như sau:

+ **Bước 1:** Cần đảm bảo học sinh đồng ý có sự hỗ trợ của các thành phần hỗ trợ trên.

+ **Bước 2:** Tiến hành tham vấn theo kế hoạch.

+ **Bước 3:** Đóng ca (Lấy phiếu đóng ca, lưu hồ sơ).

Lưu ý: trong quá trình tham vấn/trị liệu/đánh giá đóng ca đều phải thông báo và có trao đổi với GV chủ nhiệm/ Phụ huynh/thành phần khác để các thành phần hỗ trợ nắm được tiến trình để cùng thực hiện hỗ trợ.

- Những thành phần của kế hoạch hỗ trợ cho HS:

- ✓ Mục tiêu
- ✓ Hoạt động cụ thể
- ✓ Thời gian (Thời gian cụ thể cho từng buổi hỗ trợ)
- ✓ Đồ dùng, thiết bị cho việc hỗ trợ HS
- ✓ Người thực hiện
- ✓ Người phối hợp (nếu có)

- Những lưu ý khi lập kế hoạch trợ giúp HS:

- Cùng HS đưa ra kế hoạch
- Khẳng định HS và những người phối hợp (nếu có) hiểu rõ kế hoạch
- Kế hoạch phải bám sát vào kết quả đánh giá vấn đề và giả thuyết đã đưa ra
- Lưu kế hoạch bằng bản cứng vào hồ sơ
- Đưa kế hoạch cụ thể các buổi tham vấn lên phần mềm quản lý (nếu có)
- Khi tiến hành đánh giá vấn đề và giải quyết vấn đề của HS, CBTV cùng trao đổi với HS để HS tự lựa chọn những vấn đề quan trọng nhất.
- Khi nói về những giải pháp mang tính lựa chọn, những giải pháp khó khăn của học sinh. CBTV cần chia sẻ hướng vào vấn đề, không lãng tránh vấn đề hiện tại.

❖ **Lượng giá, đóng ca, lưu hồ sơ**

- Mục tiêu là nhằm đánh giá hiệu quả của quá trình hỗ trợ HS tại Phòng. Ngoài ra, qua việc lượng giá sẽ giúp cho CBTVHS; Tổ trưởng Tổ TVTL & CTXH sẽ biết được những điều làm tốt, chưa tốt hay nguyên nhân của những tồn tại. Kết quả lượng giá cũng là số liệu quan trọng để báo cáo hoạt động của Phòng TVTL & CTXH.

- **Nội dung của lượng giá, đóng ca và lưu hồ sơ:**

+ Đánh giá kết quả của quá trình hỗ trợ

- + Xem xét lại các vấn đề của HS đã giảm đi hoặc mất đi ở mức độ nào?
- + Tình trạng hiện tại sau thời gian hỗ trợ
- + Cảm nghĩ/đánh giá của HS/GV/PH về quá trình hỗ trợ
- + Hoàn tất các phiếu đánh giá đóng ca (bản cứng) hoặc trên hệ thống theo quy định

- + Những giấy tờ gì cần thiết đưa vào hồ sơ

- Lưu ý khi đóng ca và lưu hồ sơ:

- + Trao đổi với HS/GV/PH về việc đóng ca
- + Khuyến khích HS/GV/PH chia sẻ cởi mở suy nghĩ về quá trình hỗ trợ của Phòng TVTL & CTXH

- + CBTVHS chỉ là người hỗ trợ còn HS/GV/PH mới là người thực hiện các giải pháp đưa ra. Do đó có những vấn đề của HS không thể chấm dứt sau thời gian hỗ trợ nếu HS/GV/PH không chủ động thực hiện theo những tư vấn của CBTVHS.

- + CBTVHS không hứa hẹn hoặc khẳng định bất cứ điều gì liên quan đến vấn đề của HS trong tương lai.

- + CBTVHS chỉ nên nói với HS/GV/PH về việc PTV sẵn sàng hỗ trợ nếu như họ có khó khăn.

- Tất cả các ca phải có phiếu đánh giá kết thúc ca (Phụ lục)

- CBTVHS lưu toàn bộ hồ sơ bản cứng, bản mềm về thông tin của ca bao gồm (Thông tin ban đầu, Phiếu tham vấn từng buổi, Phiếu lượng giá, các bài test đánh giá HS ...) và lưu các hồ sơ theo **quy định**.

d. Quy trình hoạt động can thiệp nhóm

Hoạt động can thiệp nhóm là quá trình cán bộ TVHS trong trường học giúp các thành viên trong nhóm (HS) tác động lẫn nhau, chia sẻ kinh nghiệm nhằm thay đổi hành vi, tăng cường khả năng đáp ứng nhu cầu và giải quyết vấn đề.

Nhiệm vụ của cán bộ TVHS là khơi gợi cho từng cá nhân (HS) nói ra suy nghĩ, cảm xúc cá nhân, qua đó những HS khác trong nhóm lắng nghe, tìm ra những ý hay, có thể học được từ HS khác hoặc những cách giải quyết chưa thành công để từ đó suy nghĩ về vấn đề của mình, tìm ra cách giải quyết tốt nhất.

Cán bộ TVHS đóng vai trò xúc tác, cầu nối, đàm phán, biện hộ, giáo dục để tìm kiếm nguồn lực (trợ giúp bên ngoài) để hỗ trợ HS giải quyết vấn đề.

Quá trình hỗ trợ HS theo nhóm có thể được tiến hành theo các bước sau:

(1) *Tập hợp nhóm có nhu cầu hỗ trợ*: Dựa trên hoạt động phòng ngừa hoặc các câu hỏi mà học sinh thường hỏi, phiếu đăng kí tư vấn; những vấn đề mà nhiều học sinh cùng gặp phải ví dụ như bị bạo lực học đường; bị cô lập, mối quan hệ bạn bè; tình yêu; định hướng nghề nghiệp; vấn đề lạm dụng internet, ... Cán bộ TVHS sẽ đưa ra chủ đề chung của buổi hỗ trợ theo nhóm cho HS.

(2) *Tiến hành tiếp xúc sơ bộ, tương tác với các HS tìm hiểu vấn đề*: tìm hiểu những vấn đề của họ và quan trọng hơn là làm khởi phát ở họ nhu cầu được trợ giúp và chấp nhận hình thức can thiệp hỗ trợ nhóm. Mục đích chính sau bước này chính là cán bộ TVHS dựa trên khả năng và nhu cầu của HS đưa ra các mục tiêu cụ thể của buổi hỗ trợ theo nhóm.

(3) *Tiến hành xây dựng kế hoạch cho buổi hỗ trợ theo nhóm*: sau khi đã thiết lập được nhóm HS cần hỗ trợ và nắm bắt được sơ bộ những vấn đề của học sinh, cán bộ TVHS cần xây dựng kế hoạch chi tiết gồm các hoạt động và các nội dung cần thiết, chuẩn bị đồ dùng thiết bị; phân công công việc, chuẩn bị địa điểm phòng ốc, của buổi hoạt động nhóm chính thức.

(4) *Tiến hành buổi tư vấn, hỗ trợ nhóm chính thức*: Đây là lúc cụ thể hóa kế hoạch hoạt động nhóm của nhằm giúp học sinh cùng nhau giải quyết vấn đề khó khăn của các em.

(5) *Đánh giá kết quả tham vấn nhóm và đóng ca*: Kết thúc hoạt động hỗ trợ nhóm; cán bộ TVHS tiến hành phát phiếu đánh giá hiệu quả hoạt động cho HS đánh giá. Bước này cần tập trung khai thác phản hồi của HS về những điều HS tiếp nhận được, thay đổi được sau buổi tham vấn nhóm; những góp ý của các em để việc triển khai hoạt động nhóm được hiệu quả hơn.

Những điều cần lưu ý trong các buổi sinh hoạt nhóm:

Tạo bầu không khí thân thiện, cởi mở, thoải mái cho các thành viên trong nhóm

- Trò chơi, vận động...;
- Giới thiệu làm quen;
- Xây dựng nội quy nhóm;
- Mục tiêu khi tham gia nhóm;
- Kế hoạch giao lưu giữa các học sinh trong nhóm.

Xây dựng nội quy của nhóm

- Tham gia tích cực;
- Lắng nghe, không nói chuyên riêng;
- Ngắn gọn không trình bày dài dòng;
- Tất cả các ý kiến đều đáng lắng nghe, tham khảo

Thời gian tiến hành sinh hoạt nhóm

- Thời gian phù hợp;
- Luôn định trước thời gian cho từng hoạt động

Sau buổi sinh hoạt nhóm

- Tổng kết;
- Lắng nghe ý kiến của HS;
- Xây dựng kế hoạch tiếp theo.

Nhiệm vụ của Cán bộ TVHS:

- Lắng nghe một cách tích cực;
- Tạo bầu không khí thoải mái, thân thiện;
- Kiên nhẫn, linh động trong sinh hoạt nhóm;
- Giữ vai trò trung lập, trung thực;
- Hướng nhóm tập trung đi đúng chủ đề;
- Cần nhận thức được hạn chế của mình;
- Theo dõi, đánh giá diễn biến, hành vi hoạt động của cá nhân và nhóm;
- Đánh giá quá trình phát triển, kết quả hoạt động.

Đối với trưởng nhóm - học sinh:

- Trưởng nhóm là HS được nhóm bầu ra, được luân phiên vị trí, thực hiện điều hành, tổ chức và giám sát các hoạt động trong buổi sinh hoạt nhóm.

- Duy trì các buổi sinh hoạt thường xuyên của nhóm.

- Là cầu nối giữa các thành viên của nhóm với cán bộ TVHS, thay mặt nhóm tổng hợp các ý kiến kiến nghị, ý kiến đề xuất mà nhóm đã trao đổi thống nhất.

1.4. Hướng dẫn thực hiện hoạt động kết nối, chuyển gửi

a) Mục đích

Dịch vụ kết nối nguồn lực là dịch vụ cơ bản trong CTXH nói chung và CTXH trường học nói riêng. Dịch vụ kết nối nguồn lực trong nhà trường được thực hiện bởi

cán bộ tư vấn HS với vai trò là người trung gian kết nối HS, GV và phụ huynh HS với các nguồn lực cần thiết. Các nguồn lực này có thể là các dịch vụ khác như trị liệu tâm lý, thăm khám thể chất, giáo dục đặc biệt, trợ cấp xã hội, trợ cấp pháp lý, hay các dịch vụ xã hội khác trong cộng đồng, ...

Chuyển gửi là hoạt động giới thiệu, hỗ trợ các trường hợp học sinh có khó khăn, nhu cầu cần hỗ trợ đến các cơ sở, chuyên gia can thiệp, điều trị tâm lý phù hợp nhưng nằm ngoài khả năng hỗ trợ, can thiệp của nhà trường.

Mục đích của hoạt động kết nối, chuyển gửi:

- Nhằm trao đổi ý tưởng, nguồn lực, dịch vụ, và chuyên môn giữa các cá nhân và cơ quan khác trong các môi trường khác nhau để hỗ trợ giải quyết các vấn đề của học sinh, cán bộ và giáo viên trong nhà trường như một hệ thống tổng thể. Tùy thuộc vào vấn đề, nhu cầu, thách thức và sự phức tạp của vấn đề mà việc chuyển gửi được thực hiện hoặc các nhóm liên ngành có thể được thành lập để đáp ứng những nhu cầu của thực tế.

- Các yếu tố để xem xét việc chuyển gửi và thành lập nhóm liên ngành và thực hiện hoạt động trong nhà trường có thể bao gồm: Mức độ nghiêm trọng của vấn đề, vấn đề có liên quan tới nhiều người, vấn đề liên quan tới luật pháp, ...

b) Quy trình kết nối, chuyển gửi

Dịch vụ kết nối nguồn lực đi theo các bước:

Bước 1: Tìm hiểu nhu cầu của HS, GV, phụ huynh HS và cộng đồng đang thiếu hụt và cần những nguồn lực hỗ trợ nào?

Bước 2: Đánh giá và tìm kiếm những nguồn lực cần thiết có thể đáp ứng được những nhu cầu đó hoặc có thể tham gia trợ giúp tiến trình giải quyết vấn đề của HS, GV và phụ huynh HS và cộng đồng.

Bước 3: Giúp HS, GV, phụ huynh HS tiếp cận được với những nguồn lực hỗ trợ.

Trong trường hợp HS, GV, phụ huynh HS chưa biết đến các nguồn lực, nhân viên tư vấn học sinh cần giới thiệu để học sinh nắm bắt được và hướng dẫn các em cách tiếp cận và nếu HS, GV, phụ huynh HS đã biết và đã tiếp cận nhưng gặp cản trở, nhân viên tư vấn học sinh sẽ là người biện hộ để giúp họ có thể tiếp cận được thuận tiện hơn. Ngoài ra, cũng cần làm việc với các bên quản lý nguồn lực để có được những thỏa thuận hợp tác rõ ràng, đảm bảo hiệu quả của công việc can thiệp, trợ giúp.

Mỗi đối tượng khác nhau sẽ có những vấn đề, mong muốn và nhu cầu khác nhau vì vậy để mang lại hiệu quả tốt nhất khi giới thiệu các nguồn tài nguyên khác nhau đến với thân chủ, cán bộ tư vấn HS cần phải chú ý các điểm sau: Cần xác định nhu cầu mong muốn của thân chủ; thảo luận với thân chủ về những nguồn tài nguyên có thể hỗ trợ thân chủ: nhằm tìm ra nguồn tài nguyên tốt nhất có thể hỗ trợ thân chủ; biện hộ để thân chủ được tiếp cận với nguồn tài nguyên đó.

Ví dụ, vấn đề liên quan đến bạo lực học đường cán bộ tư vấn HS cần có sự kết nối nguồn lực chặt chẽ với các bên liên quan để tiến hành những can thiệp nhằm trợ giúp hiệu quả cho HS (như môi trường lớp học, giáo viên, người gây ra bạo lực ...); Hoặc kết nối với các chuyên gia, giáo viên chủ nhiệm trong thực hiện các chương trình giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống cho học sinh để thực hiện phòng ngừa và ứng phó với các vấn đề trong trường học. Cán bộ tư vấn HS cũng có thể kết nối, giới thiệu HS, cha mẹ HS đến các trung tâm CTXH, bệnh viện, phòng tham vấn ngoài nhà trường can thiệp những trường hợp HS có vấn đề khủng hoảng tâm lý, sức khỏe tâm thần ...

Trong trường hợp học sinh cần được hỗ trợ khẩn cấp như bị xâm hại thì quy trình báo cáo chuyển gửi cần được thực hiện theo hướng dẫn của Nghị định 56/2017 ND-CP như sau:

- + Bước 1: Tiếp nhận trường hợp và phối hợp thu thập thông tin
- + Bước 2: Đánh giá sơ bộ & hỗ trợ khẩn cấp
- + Bước 3. Đánh giá cụ thể trường hợp và môi trường chăm sóc
- + Bước 4. Lập kế hoạch hỗ trợ, can thiệp
- + Bước 5: Thực hiện can thiệp
- + Bước 6: Lượng giá trường hợp & Giám sát và kết thúc trường hợp

Trong tiến trình QLTH hợp 6 bước này, cán bộ tư vấn học sinh trong trường học không có trách nhiệm điều phối thực hiện, nhưng có vai trò tham gia ở cả 6 bước, tuy nhiên cấp độ tham gia có khác nhau. Cán bộ tư vấn học sinh sẽ thực hiện dưới sự hướng dẫn và giám sát của UBND/cán bộ chuyên trách BVTE và báo cáo, cập nhật tiến trình và kết quả cho họ. Cụ thể, cán bộ tư vấn HS trong trường học sẽ thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

+ Cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH trường học thực hiện chuyển gửi và hỗ trợ UBND, người làm công tác BVTE tiếp nhận trường hợp và thu thập các thông tin cần thiết

+ Hỗ trợ đánh giá sơ bộ trường hợp và thực hiện hỗ trợ khẩn cấp [nếu cần thiết] phù hợp với vai trò của nhà trường, ví dụ, hỗ trợ tâm lý

+ Hỗ trợ đánh giá cụ thể trường hợp và môi trường chăm sóc liên quan đến vai trò, chức năng của nhà trường, ví dụ, đánh giá nhu cầu về giáo dục, học tập, mối quan hệ xã hội, tình trạng tâm lý của trẻ em, học sinh

+ Tham gia lập kế hoạch hỗ trợ, can thiệp để đáp ứng những nhu cầu của trẻ em, học sinh thuộc trách nhiệm của nhà trường như

+ Thực hiện các biện pháp hỗ trợ, can thiệp do UBND giao cho nhà trường, ví dụ như giáo dục, tham vấn tâm lý, hỗ trợ xã hội

+ Giám sát, đánh giá trường hợp & kết thúc. Cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH trường học sẽ giám sát, đánh giá các mục tiêu liên quan đến trách nhiệm của nhà trường và báo cáo cho UBND, người làm công tác BVTE và đưa ra khuyến nghị kết thúc hay tiếp tục kế hoạch hỗ trợ, can thiệp.

Những chú ý trong quá trình chuyển gửi trường hợp HS bị xâm hại đến Ban BVTE

- Cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH trường học liên lạc với UBND, người làm công tác BVTE kịp thời và chuyên nghiệp.

- Cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH trường học luôn tư duy theo thứ tự:

- a. Thông tin về nhân khẩu học
- b. Những vấn đề/lo lắng hiện hữu
- c. Kết quả đánh giá sơ bộ về đề thực trạng và nguy cơ của trẻ em, học sinh
- d. Những định hướng có thể cho can thiệp.

- Cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH trường học cần viết ra những điểm chính để chuyển thông tin đến cho UBND, người làm công tác BVTE theo tuần tự công việc và nhấn mạnh tầm quan trọng.

- Cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH trường học sau khi chuyển thông báo qua điện thoại hoặc thư điện tử thì cần gửi kèm một văn bản ngắn về thông báo.

2. Một số hoạt động nghiệp vụ của mô hình

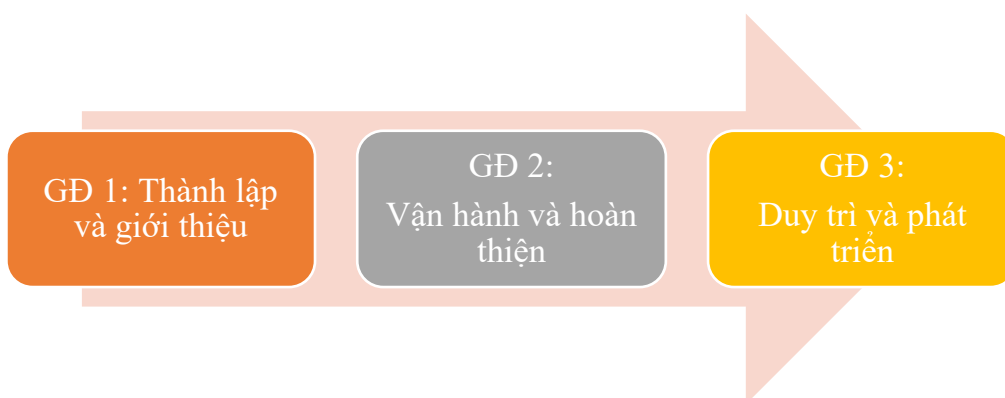
2.1. Hoạt động truyền thông trong vận hành mô hình

Hoạt động truyền thông của Phòng TVTL & CTXH là tập hợp tất cả các hoạt động truyền tải thông tin xuất phát của Phòng đến các đối tượng khác nhau như học sinh, phụ huynh, giáo viên, cấp quản lý, cộng đồng, ...

a) Mục đích truyền thông

Hoạt động truyền thông nhằm truyền đạt sứ mệnh của Phòng TVTL & CTXH trong việc xây dựng một môi trường giáo dục lành mạnh cho học sinh trong nhà trường.

Từ khi Tổ TVTL & CTXH được thành lập và phát triển sẽ trải qua 3 giai đoạn cơ bản sau:



Dựa trên mỗi giai đoạn đó, Tổ TVTL & CTXH sẽ thiết kế các hoạt động truyền thông để đạt mục tiêu của từng giai đoạn. Các hoạt động truyền thông đảm bảo các mục tiêu sau:

- Tuyên truyền về vai trò, chức năng của Tổ TVTL & CTXH đến các đối tượng là học sinh, giáo viên, cha mẹ học sinh và các lực lượng ngoài nhà trường
- Nâng cao nhận thức của học sinh, cán bộ nhân viên trong nhà trường và cha mẹ học sinh về các vấn đề nguy cơ của học sinh
- Thúc đẩy giao tiếp tích cực giữa học sinh - giáo viên - cán bộ quản lý và cha mẹ học sinh trong trường học, hướng đến một môi trường giáo dục bình đẳng, an toàn và hạnh phúc.

b) Nội dung và hình thức truyền thông

Mục đích	Hình thức truyền thông		Kết quả mong đợi	Thời gian
Giai đoạn 1:	Truyền thông trực tiếp	Truyền thông gián tiếp		

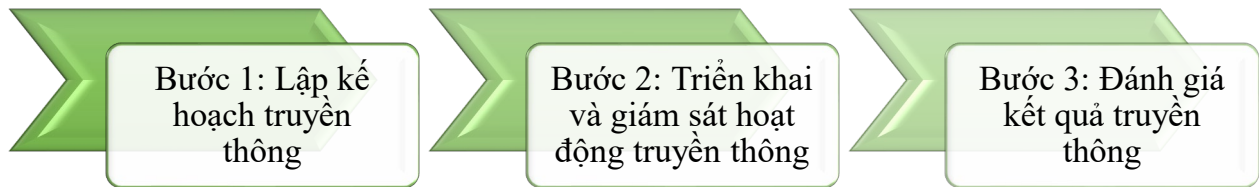
<p>Thành lập và giới thiệu Tổ TVTL & CTXH</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Ra mắt Tổ TVTL & CTXH trước toàn trường - Phối hợp với nhà trường giới thiệu hoạt động của Tổ TVTL & CTXH tới từng lớp - Tham gia và phối hợp giới thiệu về phòng tại các sự kiện chung của trường: Chào cờ, sinh hoạt,... - Triển khai hội thảo dành cho phụ huynh, GV 	<ul style="list-style-type: none"> - Băng rôn, poster, bảng tin giới thiệu PTV - Lập fanpage + Xây dựng nội dung trên website, các bài giới thiệu Tổ TVTL & CTXH: VD: Bài 1: Giới thiệu chung về Tổ TVTL & CTXH Bài 2: Chức năng và vai trò của Tổ TVTL & CTXH Bài 3: Khi nào HS cần đến Tổ TVTL & CTXH + Lên các tuyến bài về nâng cao và cung cấp kiến thức về tư vấn học đường cho cả ba đối tượng giáo viên, phụ huynh và học sinh. Ví dụ: Giáo dục giới tính, Phương pháp học tập, Định hướng nghề nghiệp, Tình yêu, Tình bạn,... Cập nhật nội dung lên tất cả các kênh truyền thông (fanpage, website,..). - Dựng video clip giới thiệu về Tổ TVTL & CTXH 	<p>Học sinh, giáo viên, PH hiểu được vai trò, chức năng Tổ TVTL & CTXH</p>	<p>2 tháng đầu trước và sau khi Tổ TVTL & CTXH ra mắt.</p>
<p>Giai đoạn 2: Vận hành và hoàn thiện mô hình:</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức các sự kiện theo chủ đề, theo đối tượng (giáo viên, học sinh) dựa trên hoạt động chuyên môn: 	<ul style="list-style-type: none"> - Cập nhật các hoạt động của PTV lên các kênh mạng xã hội 	<p>Chia sẻ các chương trình,</p>	<p>Tháng thứ 4 sau khi Tổ</p>

<p>- Xây dựng được các hoạt động truyền thông theo kế hoạch định kỳ (tuần/tháng/năm)</p> <p>- Triển khai truyền thông các hoạt động của Tổ TVTL & CTXH</p>	<p>VD: Chuỗi chủ đề về BLHD, bao gồm (hiểu về BLHD, nguyên nhân, hậu quả, ứng phó và phòng ngừa BLHD)</p> <p>- Lên kế hoạch hoạt động xuống lớp.</p> <p>- Giới thiệu và truyền thông các chương trình đào tạo cho giáo viên và học sinh theo các nhóm vấn đề.</p> <p>- Triển khai hội thảo dành cho phụ huynh, GV</p>	<p>- Đưa các nội dung truyền thông trực tiếp lên các kênh truyền thông online để GV, cha mẹ HS, HS đọc lại.</p> <p>- Dựa theo thời điểm để lên kế hoạch truyền thông cho sự kiện của Tổ TVTL & CTXH tương ứng .</p> <p>Ví dụ: T3: tháng Thanh Niên/tháng Đoàn Đội; T9: mùa tựu trường; T11: tỏ lòng biết ơn,..</p>	<p>hoạt động Tổ TVTL & CTXH đã triển khai thực hiện với HS, GV, cha mẹ HS.</p>	<p>TVTL & CTXH ra mắt</p>
<p>Giai đoạn 3:</p> <p>Duy trì và phát triển mô hình</p> <p>-Tiếp tục truyền thông các hoạt động nhận diện và kết nối giữa học sinh và Tổ TVTL & CTXH</p>	<p>- Tổ chức các hoạt động trải nghiệm, kết nối giữa phụ huynh, học sinh và giáo viên, như các giờ sinh hoạt lớp, chào cờ, ngoại khóa.</p> <p>- Tiếp tục truyền thông các hoạt động phòng ngừa của Tổ TVTL & CTXH</p>	<p>- Tiếp tục cập nhật các nội dung chia sẻ kiến thức lên các kênh truyền thông</p> <p>- Sử dụng nghiệp vụ để lên tuyển bài về các trường hợp tham vấn thực tế: câu chuyện/ tình huống/kết quả tham vấn,..</p> <p>- Tổ chức một số cuộc thi online tìm hiểu về tình bạn, môi trường học an toàn,..</p>	<p>Các hoạt động truyền thông được lên định kỳ, chủ động.</p>	<p>5 tháng sau khi Tổ TVTL & CTXH ra mắt</p>

c) Quy trình tổ chức hoạt động truyền thông của Tổ TVTL & CTXH

- Bước 1: Lập kế hoạch truyền thông
 - *Xác định chủ đề truyền thông ưu tiên*
 - *Xây dựng mục tiêu truyền thông phù hợp.*
 - *Xác định kết quả đầu ra.*
 - *Xác định các phương pháp, hoạt động cụ thể đối với từng mục tiêu.*

- Dự trù kinh phí, xác định một số rủi ro có thể xảy ra và giải pháp thay thế
- Bước 2: Triển khai và giám sát hoạt động truyền thông
- Bước 3: Đánh giá kết quả truyền thông



2.2. Hoạt động lưu giữ hồ sơ

Cán bộ tư vấn học sinh trong trường học phải lưu các hồ sơ của học sinh đến hỗ trợ trong tủ hồ sơ được khoá. Các hồ sơ học sinh sẽ được dùng cho việc đánh giá chất lượng dịch vụ tư vấn hỗ trợ HS cũng như theo dõi/hỗ trợ tiếp theo đối với các ca hỗ trợ cho học sinh. Cán bộ TV trường học cần ghi chép nội dung các buổi tham vấn với học sinh và chia sẻ với người giám sát chuyên môn hàng tháng trong các buổi hỗ trợ chuyên môn.

Mỗi học sinh được tham vấn sẽ có một mã số được đánh theo thứ tự. Các thông tin thống kê trong báo cáo hoạt động định kỳ văn phòng tham vấn cũng không cho phép việc tiết lộ danh tính của học sinh.

Hồ sơ tư vấn học sinh cũng có thể được lưu giống như hồ sơ của học sinh. Việc lưu giữ và huỷ hồ sơ cũng có thể được thực hiện giống như việc quản lý các hồ sơ học sinh.

2.3. Hoạt động kiểm tra, đánh giá

Việc đánh giá hoạt động tư vấn hỗ trợ học sinh trong trường học là cần thiết và cần được thực hiện bởi các nhà quản lý giáo dục.

Việc đánh giá hoạt động tham vấn sẽ dựa trên các yếu tố sau:

- Giá trị các hoạt động của Tổ TVTL & CTXH thực hiện trong giáo dục học sinh
- Hỗ trợ giáo viên trong công tác quản lý và hỗ trợ các học sinh gặp khó khăn về tinh thần và rối loạn hành vi.
- Đào tạo/hỗ trợ giáo viên các kỹ năng tư vấn

- Tư vấn, đào tạo, hỗ trợ giải quyết các vấn đề thường gặp của học sinh
- Hỗ trợ hiệu quả cho việc thực hiện quy trình bảo vệ trẻ em.

Hoạt động giám sát sẽ diễn ra định kỳ và các số liệu cần thu thập bao gồm:

- Kết quả của hoạt động tham vấn với học sinh.
- Kết quả/ảnh hưởng tốt đến nhà trường.
- Số lượng học sinh đến phòng TVTL & CTXH
- Độ tuổi, nhóm lớp đến phòng TVTL & CTXH
- Nhu cầu/vấn đề được tham vấn.
- Các vấn đề nổi cộm của các ca được tham vấn.
- Số ca chuyển/kết nối với các dịch vụ khác.

2.4. Họp và báo cáo

Tổ TVTL & CTXH tổ chức các cuộc họp sau:

+ Họp với BGH nhà trường, GVCN về các vấn đề của HS lên chương trình phòng ngừa, truyền thông, hỗ trợ trường hợp ...

+ *Họp phân tích ca*: Phân tích những ca điển hình đang được hỗ trợ, những ý kiến góp ý của các thành viên trong Tổ TVTL & CTXH để trợ giúp HS hiệu quả hơn.

+ *Họp rà soát ca*: Họp ít nhất 1 lần/tháng giữa các thành viên của Tổ TVTL & CTXH với mục đích phân tích và xem xét đánh giá lại các ca, thảo luận về khó khăn, vướng mắc và hướng hỗ trợ tiếp theo.

+ Báo cáo ngày: Báo cáo kết quả hoạt động hỗ trợ ca theo ngày có thể bao gồm: số lượt tham vấn trong ngày, số ca mới nhận trong ngày, số ca được đóng ca, kết quả hỗ trợ ca, số ca huỷ lịch hẹn, số ca có kế hoạch hỗ trợ trong những buổi tiếp theo.

+ Báo cáo tuần/tháng/quý/năm: do cán bộ TV và lãnh đạo Tổ TVTL & CTXH báo cáo dựa trên kết quả hoạt động của trong 01 tháng.

+ Báo cáo đột xuất: Báo cáo đột xuất được thực hiện khi thực tế xảy ra hay có nguy cơ xảy ra các biến động bất thường liên quan đến hoạt động của Tổ TVTL & CTXH. Loại báo cáo này được dùng để thông tin nhanh về những vấn đề cụ thể làm cơ sở cho các quyết định quản lý nhanh nhạy, phù hợp với các tình huống bất thường xảy ra trong quá trình hoạt động của Tổ TVTL & CTXH

Ví dụ: Tổ TVTL & CTXH tiếp nhận có trường hợp HS bị xâm hại tình dục hoặc có hành vi tự hại nghiêm trọng ... cần có báo cáo đột xuất đến BGH nhà trường.

3. Hướng dẫn thực hiện một số lĩnh vực hoạt động của mô hình

Mỗi lĩnh vực hoạt động CTXH – TVTL dưới đây được hiểu giống như một dịch vụ tại đó nêu rõ mục đích, đối tượng, hoạt động cơ bản và cách thức mà tổ CTXH – TVTL thực hiện. Bởi vì tổ CTXH-TVTL là ‘trực chính’ để vận hành mô hình nên tài liệu sẽ mô tả hoạt động và nhiệm vụ của tổ CTXH-TVTL trong mối tương quan với các bộ phận khác là ban giám hiệu, cán bộ, giáo viên trong nhà trường, học sinh và cha mẹ học sinh, và các ban ngành ở bên ngoài nhà trường. Vì đây là một tài liệu khung hướng dẫn vận hành mô hình nên sẽ không hướng dẫn kỹ thuật, kỹ năng cho từng hoạt động.

3.1. Lĩnh vực hoạt động 1 - Tư vấn tâm lý cho học sinh

3.1.1. Mục đích và đối tượng

Dựa trên Thông tư 31/2017/TT-BGDĐT, TVTL cho học sinh trong tài liệu này có mục đích bao gồm:

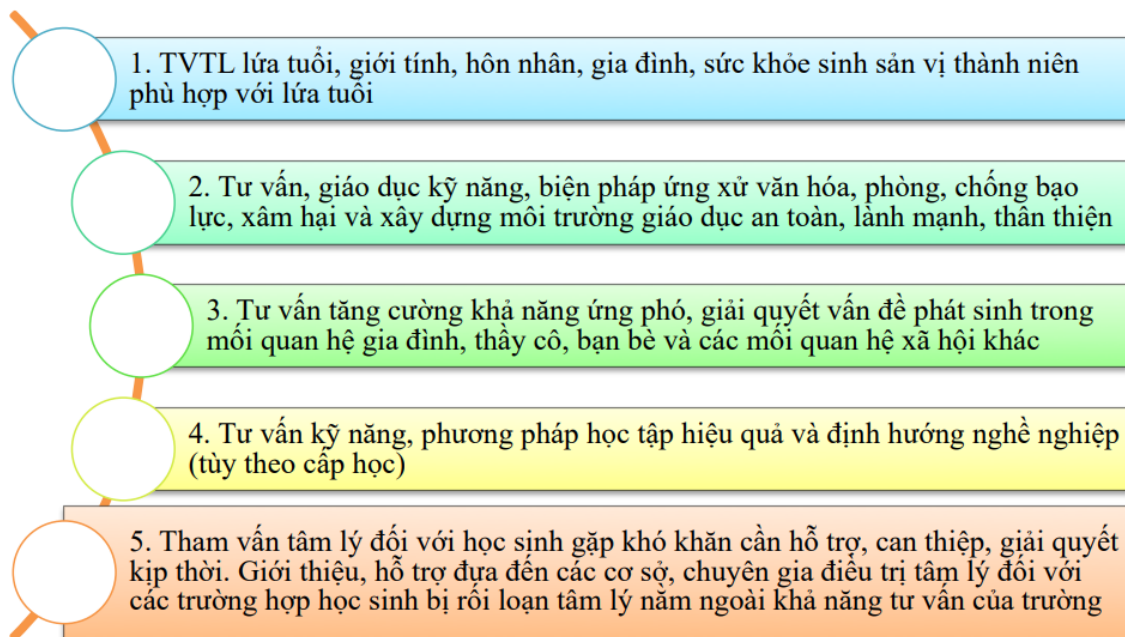
- Phòng ngừa, hỗ trợ và can thiệp (khi cần thiết) đối với học sinh đang gặp phải khó khăn về tâm lý trong học tập và cuộc sống để tìm hướng giải quyết phù hợp, giảm thiểu tác động tiêu cực có thể xảy ra; góp phần xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện và phòng, chống bạo lực học đường.

- Hỗ trợ học sinh rèn luyện kỹ năng sống; tăng cường ý chí, niềm tin, bản lĩnh, thái độ ứng xử phù hợp trong các mối quan hệ xã hội; rèn luyện sức khỏe thể chất và tinh thần, góp phần xây dựng và hoàn thiện nhân cách.

Đối tượng của TVTL trong nhà trường phổ thông là các học sinh có các vấn đề hoặc nguy cơ gặp những khó khăn về tâm lý như căng thẳng, lo âu, trầm cảm, rối nhiễu tâm trí hoặc hành vi, hay có vấn đề về SKTT. Các chương trình TVTL cho học sinh có thể xây dựng phù hợp với từng giai đoạn phát triển của học sinh; giúp tất cả học sinh giải quyết được các vấn đề tâm lý gặp phải, cải thiện thành tích học tập, phát triển năng lực cá nhân và xã hội và lập kế hoạch nghề nghiệp

3.1.2. Hoạt động và nhiệm vụ của tổ CTXH-TVTL

Hoạt động TVTL cho học sinh phổ thông chủ yếu hướng vào những nội dung cụ thể:



3.2. Lĩnh vực hoạt động 2 - Hỗ trợ, can thiệp cho học sinh bị xâm hại và có nguy cơ bị xâm hại

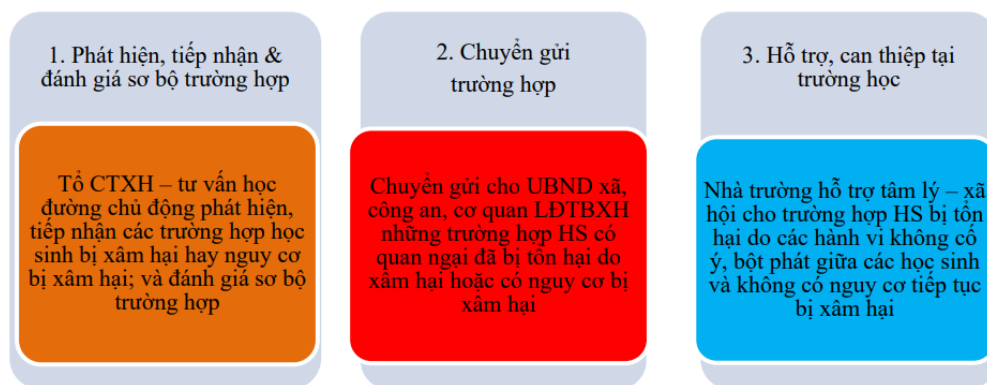
3.2.1. Mục đích và đối tượng

Mục đích của hoạt động này là phát hiện, tiếp nhận kịp thời những trường hợp học sinh bị xâm hại hay có nguy cơ bị xâm hại để có hành động hỗ trợ, can thiệp hiệu quả bởi nhà trường và hệ thống bảo vệ trẻ em của chính phủ. Đối tượng học sinh được hỗ trợ, can thiệp là những học sinh bị xâm hại, có nguy cơ bị bạo hành, bóc lột hay học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khác (sau đây gọi tắt là học sinh bị xâm hại và có nguy cơ bị xâm hại).

Với các trường hợp học sinh bị xâm hại hay có nguy cơ bị xâm hại, nhà trường cần tiến hành chuyển gửi cho các cơ quan có chức năng bao gồm: UBND xã, Công an các cấp, LĐTBXH các cấp, Tổng đài quốc gia BVTE 11128 để từ đó phối hợp hỗ trợ, can thiệp cho học sinh. Một số trường hợp học sinh bị tổn thương không nghiêm trọng do các hành vi không cố ý hoặc bột phát xảy ra giữa các học sinh với nhau và không có nguy cơ tiếp tục bị tổn thương, tổ CTXH – TVTL có thể chủ động thực hiện các hoạt động hỗ trợ tâm lý - xã hội ở tại nhà trường.

3.2.2. Hoạt động và nhiệm vụ của tổ CTXH-TVTL

Như vậy hoạt động hỗ trợ, can thiệp các trường hợp học sinh có vấn đề liên quan đến xâm hại trong tài liệu này có thể chia làm 3 giai đoạn hoạt động sau đây



3.2.2.1. Phát hiện, tiếp nhận và đánh giá sơ bộ trường hợp Phát hiện trường hợp:

Các thành viên của tổ CTXH – TVTL có trách nhiệm chủ động phát hiện các trường hợp học sinh bị xâm hại hay có nguy cơ bị xâm hại ở bên trong và bên ngoài nhà trường thông qua quan sát, trò chuyện với các thành viên trong nhà trường hay tiếp xúc với học sinh, cha mẹ học sinh hoặc hướng dẫn cán bộ, giáo viên, học sinh và cha mẹ cách phát hiện và thông báo các trường hợp nói trên.

Tiếp nhận trường hợp: Các thành viên của tổ CTXH – TVTL có trách nhiệm tiếp nhận các thông báo từ cán bộ, giáo viên trong nhà trường, cha mẹ và học sinh về bất cứ quan ngại nào liên quan đến việc học sinh bị xâm hại hay có nguy cơ bị xâm hại ở bên trong và bên ngoài nhà trường. Tổ CTXH - TVTL cần tham mưu cho thủ trưởng đơn vị đưa ra các quy định và hướng dẫn giáo viên, cán bộ, nhân viên về cách phát hiện và thông báo về những quan ngại hay bằng chứng về xâm hại học sinh. Ngoài ra còn tạo ra cơ chế và phương tiện thuận lợi, thân thiện để khuyến khích học sinh, cha mẹ học sinh phát hiện và thông báo những quan ngại hay chứng kiến của mình về hành vi xâm hại học sinh cho giáo viên chủ nhiệm hay tổ CTXH - TVTL. Trong những trường hợp khẩn cấp, hoặc không có điều kiện để thông báo ngay, trực tiếp cho tổ CTXH - TVTL, cán bộ, giáo viên nhà trường có thể thông báo trực tiếp cho thủ trưởng đơn vị hoặc các đơn vị có thẩm quyền [UBND xã, công an, cơ quan LĐTBXH và Tổng đài quốc gia 111], sau đó tiếp tục liên hệ thông báo cho tổ CTXH - TVTL.

Đánh giá sơ bộ trường hợp: được tiến hành sau khi tiếp nhận thông báo từ các cán bộ, giáo viên, học sinh và cha mẹ học sinh, cán bộ CTXH– TVTL tiến hành đánh giá sơ bộ bao gồm: đánh giá tình trạng tổn hại của học sinh về thể chất, tinh thần; đánh giá các yếu tố có thể dẫn đến nguy cơ học sinh tiếp tục bị tổn hại [ví dụ, khả năng kể

xâm hại tiếp tục tiếp cận được với học sinh]; đánh giá nhu cầu học sinh cần được hỗ trợ khẩn cấp về an toàn, y tế, ăn mặc.

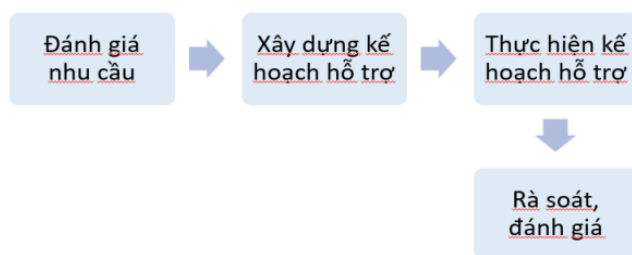
Lưu ý: Nếu những thông tin tiếp nhận ban đầu chưa đủ để làm rõ các nội dung đánh giá, cán bộ CTXH-TVTL có thể liên hệ với những người liên quan để thu thập thêm thông tin. Tuy nhiên, cán bộ CTXH-TVTL không có trách nhiệm phải đi xác minh thông tin hoặc tìm kiếm, thu thập bằng chứng. Trong trường hợp không thu thập được thêm thông tin, những quan ngại hay nghi ngờ của cán bộ CTXH-TVTL về các vấn đề nêu trên cũng được ghi nhận và được chuyển gửi cho UBND hay công an xã/phường để tiến hành các bước tiếp theo.

3.2.2.2. Chuyển gửi trường hợp cho UBND xã/phường

Trường hợp học sinh có trải nghiệm và/hoặc có nguy cơ bị một hay nhiều hình thức xâm hại được quy định tại Luật trẻ em (2016), cán bộ CTXH – TVTL cần nhanh chóng thông báo cho UBND cấp xã/phường, công an, cơ quan LĐTBXH. Sau khi thông báo sẽ tiến hành chuyển gửi trường hợp để phối hợp hỗ trợ, can thiệp liên ngành theo Nghị định 56/2017/NĐ-CP. Bởi vì UBND cấp xã/phường chịu trách nhiệm cuối cùng về trường hợp, nhà trường nên chuyển gửi trực tiếp cho UBND/công an xã/phường.

3.2.2.3. Thực hiện hỗ trợ, can thiệp tại trường học

Tổ CTXH – TVTL có thể xem xét hỗ trợ tâm lý, xã hội và giáo dục tại trường học cho những trường hợp sau: - Học sinh có mức độ tổn thương về thể chất và tinh thần thấp [dường như không ảnh hưởng đến cuộc sống và học tập] và không có nguy cơ tiếp tục bị xâm hại; - Không đủ bằng chứng xác nhận việc học sinh bị xâm hại, ví dụ: Học sinh bị tổn thương bởi những hành vi không cố ý, bị bắt nạt không nghiêm trọng bởi hành vi bột phát [không có kế hoạch] của bạn bè [có thể do hiểu nhầm, mâu thuẫn nhỏ]. Dưới đây là một số hoạt động triển khai hỗ trợ các vấn đề về tâm lý, xã hội và giáo dục cho học sinh tại trường học được thực hiện theo quy trình 4 bước



a) Đánh giá nhu cầu: Trước hết tổ CTXH– TVTL rà soát lại những thông tin thu thập được ở giai đoạn trên để xác định rõ học sinh bị tổn thương như thế nào, nguyên nhân là gì để từ đó xác định nhu cầu cần giúp đỡ, ví dụ, nhu cầu hỗ trợ tâm lý, hòa giải để giải quyết mâu thuẫn trong các quan hệ xã hội, kỹ năng sống, hoặc tiếp cận đến các dịch vụ trợ giúp khác.

b) Tổ CTXH– TVTL phối hợp với học sinh, cha mẹ và giáo viên xây dựng kế hoạch hỗ trợ để đáp ứng phù hợp các nhu cầu của học sinh. Kế hoạch cần nêu rõ các mục tiêu hỗ trợ, các hoạt động chi tiết và trách nhiệm thực hiện của các thành viên.

c) Thực hiện kế hoạch hỗ trợ: Cần có sự chỉ đạo của thủ trưởng đơn vị và phối hợp với các thành viên trong trường học, học sinh và cha mẹ học sinh để thực hiện các hoạt động hỗ trợ được nêu trong kế hoạch. Các hoạt động hỗ trợ có thể do nhà trường cung cấp toàn bộ hoặc liên hệ mời những chuyên gia từ bên ngoài hỗ trợ. Tuy nhiên đây không phải là chuyển gửi, chuyên gia bên ngoài chỉ tham gia cung cấp một phần dịch vụ dưới sự điều phối của tổ CTXH – TVTL.

d) Rà soát và đánh giá: Tổ CTXH – TVTL thực hiện rà soát xem các hoạt động có được thực hiện theo kế hoạch không, mục đích là đưa ra những hỗ trợ cần thiết hoặc, nếu cần, điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp thực tế. Đánh giá kết quả được thực hiện khi kết thúc kế hoạch hỗ trợ để xem các mục tiêu có đạt được không hoặc nói cách khác là để xem các nhu cầu của học sinh có được đáp ứng không. Nếu kết quả đánh giá cho thấy nhu cầu của học sinh chưa được đáp ứng hoặc phát sinh nhu cầu mới thì tổ CTXH – TVTL đề xuất thủ trưởng đơn vị cần tiếp tục tiến trình hỗ trợ bằng một kế hoạch mới. Nếu các vấn đề của học sinh đã được đáp ứng, có thể đóng ca, lưu hồ sơ và báo cáo cho thủ trưởng đơn vị và các bên liên quan.

6.3. Lĩnh vực hoạt động 3 - Hòa giải trong trường học

6.3.1. Đối tượng và mục đích

Hòa giải trong trường học là một tiến trình được áp dụng để hỗ trợ học sinh, cha mẹ học sinh và các cán bộ, giáo viên trong trường học giải quyết những xung đột, xích mích, bất đồng giữa hai bên hoặc nhiều bên để từ đó tăng cường chất lượng dạy và học. Hòa giải trường học có mục đích:

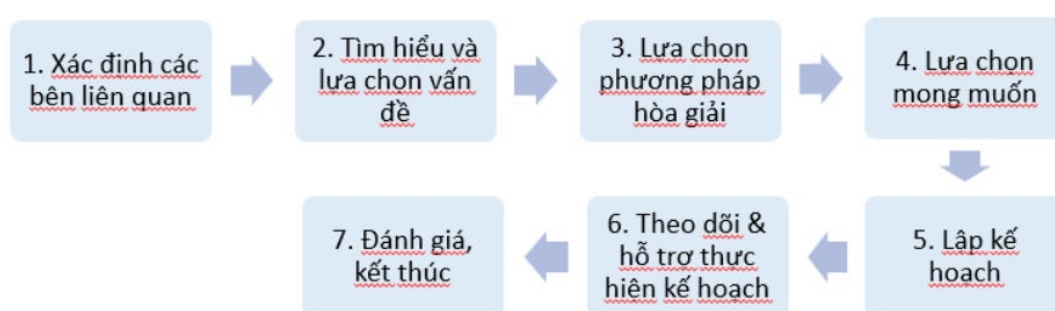
1) Tạo ra một môi trường an toàn lành mạnh để học sinh có thể đưa ra quyết định và chịu trách nhiệm về các hành động của mình;

2) Thúc đẩy một nền văn hóa ứng xử mang tính xây dựng trong sự thừa nhận giá trị của con người, tính duy nhất của mỗi cá nhân, sự chấp nhận và tôn trọng quyền của mỗi người để đáp ứng nhu cầu của bản thân và bảo vệ lợi ích của mình mà không làm tổn hại đến người khác;

3) Tạo cơ hội cho học sinh phát triển những kỹ năng tự giải quyết vấn đề thông qua nguyên tắc tình nguyện và đạt được đồng thuận, khả năng duy trì mối quan hệ tốt đẹp, lâu dài.

3.3.2. Hoạt động và nhiệm vụ của tổ CTXH-TVTL

Các hoạt động hòa giải thường đi theo một quy trình sau đây:



Bước 1: Xác định các bên liên quan đến việc ra quyết định và giải quyết các xung đột của học sinh; Liên hệ với các bên liên quan và tổ chức cuộc gặp gỡ tại môi trường thân mật và vào thời điểm phù hợp.

Bước 2: Tìm hiểu và Lựa chọn vấn đề cần giải quyết: - Giúp cho các bên nêu ra các vấn đề của mình, bao gồm những tổn thương về thể chất, vật chất, cảm xúc, mối quan hệ... - Giúp cho các bên lựa chọn vấn đề cần giải quyết. Không phải tất cả các vấn đề liên quan đến xung đột đều có thể hoặc cần được giải quyết. Chỉ lựa chọn những vấn đề cốt lõi, những vấn đề mà nếu không được giải quyết thì sẽ làm cho xung đột gia tăng giống như “ung thư di căn khắp cơ thể”. Có thể chỉ nên lựa chọn 1-2 vấn đề cho mỗi bên. - Các bên được yêu cầu trao đổi theo nguyên tắc cởi mở, thân thiện, tôn trọng lẫn nhau.

Bước 3: Lựa chọn phương pháp hòa giải “Tôi được – Bạn cũng được”. Phương pháp này giúp các bên đều có thể hài lòng, cảm thấy rằng thỏa thuận là thỏa đáng và không ai trong số họ là “kẻ thua cuộc”. Phương pháp này trùng lặp với một trong những nguyên tắc cơ bản của CTXH là - công bằng xã hội.

Bước 4: Lựa chọn mong muốn: Giúp cho các bên xác định và đưa ra những mong muốn của bản thân mình và giúp họ sắp xếp thứ tự ưu tiên cho mong muốn của mình.

Bước 5: Lập kế hoạch: Giúp các bên cùng nhau lập kế hoạch để đáp ứng những mong muốn cụ thể của các bên.

Bước 6: Theo dõi và hỗ trợ thực hiện kế hoạch: Hòa giải viên không phải là người thực hiện kế hoạch mà thường xuyên theo dõi tiến trình các bên thực hiện kế hoạch nhằm hỗ trợ họ đáp ứng nhu cầu, mong muốn, quyền và lợi ích của các bên. Có thể thường xuyên tổ chức những cuộc gặp mặt thân thiện để cập nhật kết quả thực hiện.

Bước 7: Đánh giá, kết thúc: Được thực hiện sau khi hoàn thành kế hoạch theo thời hạn. Tại đây các bên sẽ cùng nhau đánh giá:

- Nguyện vọng của mỗi bên có được đáp ứng không
- Bài học kinh nghiệm là gì

Lưu ý: Nếu vấn đề và nguyện vọng của các bên đã được giải quyết thì sẽ kết thúc tiến trình hòa giải. Nếu vẫn còn những vấn đề và nguyện vọng chưa được giải quyết thì cần xem xét lại và bổ sung kế hoạch mới và thực hiện theo quy trình nói trên. Các hoạt động hòa giải trong trường học phần lớn sẽ do giáo viên thực hiện [theo 7 bước nêu trên] bởi vì giáo viên là người tiếp xúc nhiều với học sinh và có thể nhận biết sớm và hiểu rõ các vấn đề xung đột của học sinh.

3.4. Lĩnh vực hoạt động 4 - Tư vấn hướng nghiệp

3.4.1 Mục đích và đối tượng

Tư vấn hướng nghiệp là hoạt động giúp học sinh có thể nhận biết và thấu hiểu bản thân cũng như thế giới nghề nghiệp trong hoàn cảnh xã hội nhất định, từ đó đưa ra các lựa chọn nghề nghiệp, con đường phát triển bản thân và sự nghiệp phù hợp. Hoạt động tư vấn hướng nghiệp bao gồm hai mục đích: ngắn hạn và dài hạn. Về ngắn hạn, tư vấn hướng nghiệp sẽ giúp học sinh tìm ra hướng đi phù hợp khi đến thời điểm cần thiết phải đưa ra quyết định nghề nghiệp. Còn về lâu dài, hoạt động tư vấn hướng nghiệp sẽ hỗ trợ học sinh vượt qua những khó khăn trong quá trình tìm việc, làm việc và xây dựng sự nghiệp, cung cấp các kiến thức, kỹ năng cần thiết để tự định hướng và đưa ra những quyết định nghề nghiệp hợp lý.

Định hướng nghề nghiệp cho học sinh nên được chú trọng và thực hiện càng sớm càng tốt. Hiện nay các chương trình hướng nghiệp thường bắt đầu từ trung học cơ sở và tăng cường cho học sinh cấp trung học phổ thông.

Lớp 9 và lớp 10: được biết đến là thời điểm KHÁM PHÁ bởi vì học sinh bắt đầu tìm hiểu về các ngành nghề tiềm năng và khám phá bản thân về tính cách, sở thích, đam mê, điểm mạnh và điểm yếu. Tại thời điểm này nhà trường sẽ tư vấn chia sẻ các thông tin chi tiết về ngành nghề trong tương lai. Các hình thức tư vấn thường thông qua các hoạt động ngoại khóa tại trường, ví dụ, thông qua các câu lạc bộ thể thao, nghệ thuật, khoa học hay kỹ năng; hoặc các cuộc thi liên quan đến nghề nghiệp do trường tổ chức.

Ở lớp 11: là thời điểm TĂNG TỐC. Sau quá trình tìm hiểu bản thân, trải nghiệm thực tế như tham gia các chương trình kiến tập hướng nghiệp, học sinh được hỗ trợ tư vấn thiết kế lộ trình học tập phù hợp với đam mê của bản thân để hướng đến ngành nghề và trường đào tạo chuyên nghiệp mình theo đuổi trong tương lai. Vào thời này các em có thể được tư vấn nhóm hoặc tư vấn cá nhân để xây dựng kế hoạch và mục tiêu phù hợp với định hướng chọn ngành, chọn trường của mình. Các em có thể được tham gia các hoạt động ngoại khóa chuyên sâu, hoạt động tình nguyện hoặc các sự kiện triển lãm, hội thảo nói về nghề nghiệp và thông tin về các trường đào tạo chuyên nghiệp.

Lớp 12: đây là thời điểm VỀ ĐÍCH. Học sinh Lớp 12 được giáo viên hay tư vấn viên hỗ trợ chuẩn bị những hồ sơ cần thiết để ứng tuyển đại học hay các trường nghề phù hợp. Ở giai đoạn “nước rút” này, học sinh sẽ dành nhiều thời gian cho mục tiêu học tập, tập trung ôn luyện, sẵn sàng cho các kỳ thi Trung học phổ thông quốc gia và đại học.

6.4.2 Hoạt động và nhiệm vụ của tổ CTXH-TVTL

Các hoạt động của tư vấn hướng nghiệp được cụ thể theo 5 bước dưới đây:

Bước 1: Giúp học sinh hiểu bản thân các em muốn làm công việc gì, muốn làm việc như thế nào. Giúp các em hiểu rằng nghề nghiệp của một cá nhân nên phù hợp với năng lực, tích cách, sở thích và xu hướng phát triển của thị trường việc làm bởi vì công việc là tương lai và là định hướng suốt cả cuộc đời của một con người. Bằng những kiến thức này, học sinh có thể tự chọn ra một số nghề nghiệp thích hợp để khoanh vùng và nghiên cứu.

Bước 2: Giúp học sinh xác định năng lực học tập và điều kiện hiện tại của bản thân (như kinh tế của gia đình, ngoại hình, sức khỏe, kỹ năng) xem có phù hợp ngành nghề mà mình thích không.

Bước 3: Hỗ trợ, giới thiệu hoặc gợi ý học sinh tham gia làm một số sự kiện hay công việc liên quan tới nghề mà các em đã lựa chọn để kiểm tra xem năng lực, tính cách của bản thân mình có thực sự phù hợp với nghề đó hay không. Ví dụ: Nếu yêu thích nghề nhà báo các em có thể thử sức làm cộng tác viên cho các tạp chí dành cho tuổi học trò; hay nếu yêu thích các khối ngành xã hội hãy thử tham gia các hoạt động xã hội, các hoạt động từ thiện để nâng cao hiểu biết.

Bước 4: Hỗ trợ học sinh tìm hiểu những thông tin, kiến thức về nghề mà các em sẽ chọn. Gợi ý cho các em tiếp cận đến các nguồn thông tin từ internet, từ sách vở, từ các anh chị đi trước, hay tham gia các hoạt động ngoại khóa có liên quan đến nghề nghiệp, tham khảo những lời khuyên bổ ích từ gia đình, từ các nhà tư vấn hướng nghiệp. Ví dụ, các thông tin mà các em cần biết là: tên ngành học là gì, những trường nào đào tạo, đào tạo chương trình ra sao, học xong các em sẽ trở thành người như thế nào, thi khối gì, thị trường việc làm của nghề đó hiện nay.

Bước 5: Giúp học sinh sẵn sàng chuẩn bị phương án dự phòng nếu phương án được lựa chọn đầu tiên là không phù hợp. Rất có thể học sinh sẽ không thể đỗ vào một trường Đại học mà mình mong muốn. Việc chuẩn bị phương án dự phòng sẽ giúp học sinh cũng như gia đình, nhà trường yên tâm hơn trong quá trình các em học tập cho đến khi chinh phục được mục tiêu. Ví dụ, nếu học sinh mong muốn theo đuổi ngành A tại Trường Đại học B, thì các em có thể đặt phương án dự phòng trong trường hợp không đủ điểm đỗ vào ngành này thì có thể chọn ngành một ngành tương tự ở một trường khác có mức điểm thấp hơn.

Tư vấn hướng nghiệp chủ yếu sẽ do giáo viên chủ nhiệm và cán bộ Đoàn – Đội thực hiện thông qua các hình thức như sinh hoạt ngoại khóa, câu lạc bộ, tư vấn cá nhân v.v. Tuy nhiên tổ CTXH-TVTL cũng có trách nhiệm hỗ trợ cán bộ, giáo viên thực hiện tư vấn hướng nghiệp khi có yêu cầu, đặc biệt cần hỗ trợ với những trường hợp học sinh có nhu cầu đặc biệt như học sinh khuyết tật, học sinh là nạn nhân của xâm hại, học sinh có vấn đề về tâm lý v.v. Ngoài ra tổ CTXH-TVTL có nhiệm vụ quan trọng là hỗ trợ nâng cao năng lực cho cán bộ, giáo viên để giúp họ thực hiện tốt nhiệm vụ này.

3.5. Lĩnh vực hoạt động 5 - Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh

3.5.1. Mục đích và đối tượng

Kỹ năng sống là một khái niệm với nội hàm khá phong phú, có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau. Chẳng hạn, Theo Danish, Forneris, Hodge và Heke (2004)³², kỹ năng sống được hiểu là “những kỹ năng cho phép các cá nhân thành công trong các môi trường khác nhau mà họ sống như trường học, gia đình và trong khu phố/cộng đồng của họ. Kỹ năng sống có thể là hành vi (giao tiếp hiệu quả với bạn bè và người lớn) hoặc nhận thức (ra quyết định hiệu quả); liên cá nhân (quyết đoán) hoặc nội cá nhân (thiết lập mục tiêu)” (trang 40). Giáo dục kỹ năng sống chính là “nhằm tạo điều kiện cho sự phát triển các kỹ năng tâm lý xã hội cần thiết để giải quyết các yêu cầu và thách thức của cuộc sống hàng ngày”

Theo đó, có 5 khía cạnh cơ bản của kỹ năng sống có thể được nhìn nhận ở mọi nền văn hóa là:

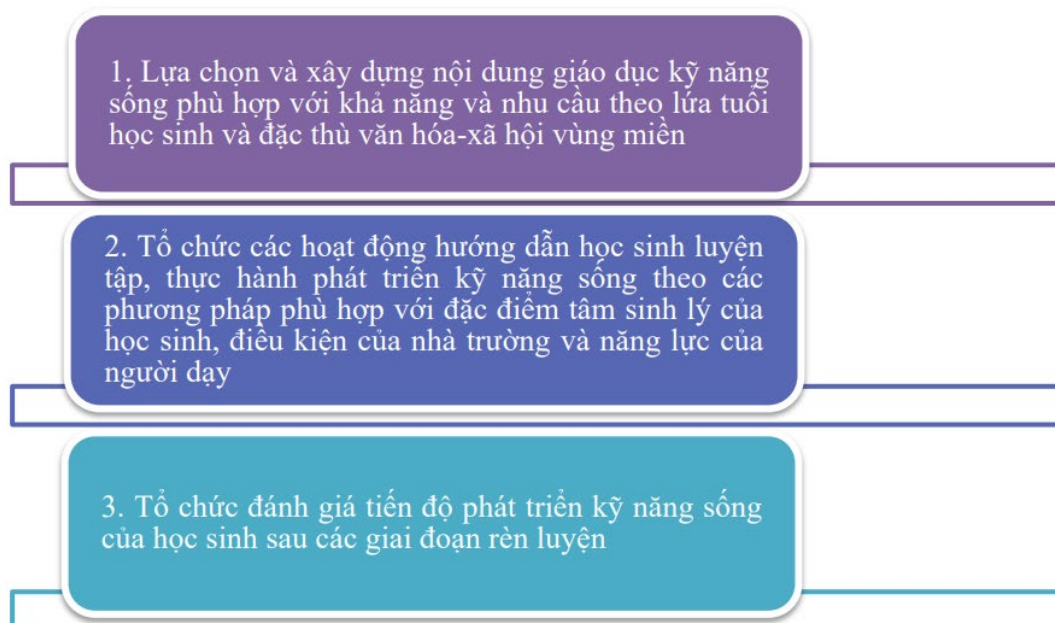
- 1) Ra quyết định và giải quyết vấn đề.
- 2) Tư duy sáng tạo và tư duy phản biện.
- 3) Kỹ năng giao tiếp và kỹ năng liên cá nhân.
- 4) Tự nhận thức và đồng cảm.
- 5) Ứng phó với xúc cảm và sự căng thẳng.

Mục đích của giáo dục kỹ năng sống là nhằm hỗ trợ học sinh thực hiện được các hành vi tích cực, có trách nhiệm đối với chính bản thân mình, và đưa ra được những chọn lựa để có cuộc sống lành mạnh hơn, chịu đựng được những áp lực tiêu cực tốt hơn và giảm thiểu các hành vi có hại. Học sinh ở tất cả các độ tuổi cần được giáo dục kỹ năng sống. Tuy nhiên, mỗi độ tuổi khác nhau cần có những chương trình giáo dục năng sống khác nhau. Ví dụ, với cùng một kỹ năng giao tiếp, nhưng với mỗi độ tuổi thì yêu cầu kỹ năng giao tiếp sẽ khác nhau. Tuy nhiên, có một điểm chung là học sinh không chỉ được học lý thuyết mà cần được tiếp xúc với những tình huống thực tế và được hỗ trợ thực hành cho đến khi nó thực sự trở thành kỹ năng ở học sinh.

3.5.2. Hoạt động và nhiệm vụ của tổ CTXH-TVTL

Các hoạt động giáo dục kỹ năng sống trong nhà trường được thực hiện một cách linh hoạt phù hợp với từng độ tuổi của học sinh cũng như điều kiện thực tiễn của mỗi

địa phương. Dưới đây là những hoạt động cơ bản có thể xem xét để áp dụng cho các chương trình giáo dục kỹ năng sống trong các cơ sở giáo dục phổ thông:



3.6. Lĩnh vực hoạt động 6 - Tư vấn kỹ năng làm cha mẹ tích

3.6.1. Mục đích và đối tượng

“Nuôi dạy con tích cực là một cách tiếp cận nhằm thúc đẩy sự phát triển của trẻ em và quản lý hành vi của trẻ em theo cách xây dựng và không gây hại. Nó dựa trên sự giao tiếp tốt và sự quan tâm tích cực để giúp trẻ phát triển. Những đứa trẻ lớn lên với sự nuôi dạy tích cực của cha mẹ có khả năng phát triển các kỹ năng của chúng và cảm thấy hài lòng về bản thân. Chúng cũng ít có vấn đề về hành vi hơn” (Dadds, Turner, Saunders, 1997).

Mục đích của tư vấn kỹ năng làm cha mẹ tích cực là nhằm cung cấp cho cha mẹ học sinh những kiến thức, kỹ năng về chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em để từ đó có cách ứng xử tích cực đối với con cái nhằm giúp trẻ phát triển một cách toàn diện.

Tư vấn kỹ năng làm cha mẹ tích cực có thể áp dụng cho tất cả cha mẹ học sinh/người chăm sóc có nhu cầu cần được hỗ trợ, đặc biệt quan tâm đến các cha mẹ/người chăm sóc có con ở trong hoàn cảnh đặc biệt như khuyết tật hay là nạn nhân của bạo hành, xâm hại.

3.6.2. Hoạt động và nhiệm vụ của tổ CTXH-TVTL

Tư vấn kỹ năng làm cha mẹ thường được thực hiện theo một chương trình cụ thể, dựa trên một chủ đề nào đó, ví dụ tư vấn kỹ năng bảo vệ trẻ em khỏi bạo hành, xâm

hại, kỹ năng chăm sóc SKTT, kỹ năng chăm sóc và bảo vệ trẻ trong bối cảnh COVID,... Bởi vì giáo viên là lực lượng chủ yếu thực hiện tư vấn kỹ năng làm cha mẹ thông qua các buổi làm việc với phụ huynh, tư vấn cá nhân hoặc các buổi tư vấn nhóm. Tổ CTXH – TVTL có nhiệm vụ phối hợp hỗ trợ giáo viên thực hiện các hoạt động cơ bản dưới đây:



với đây:

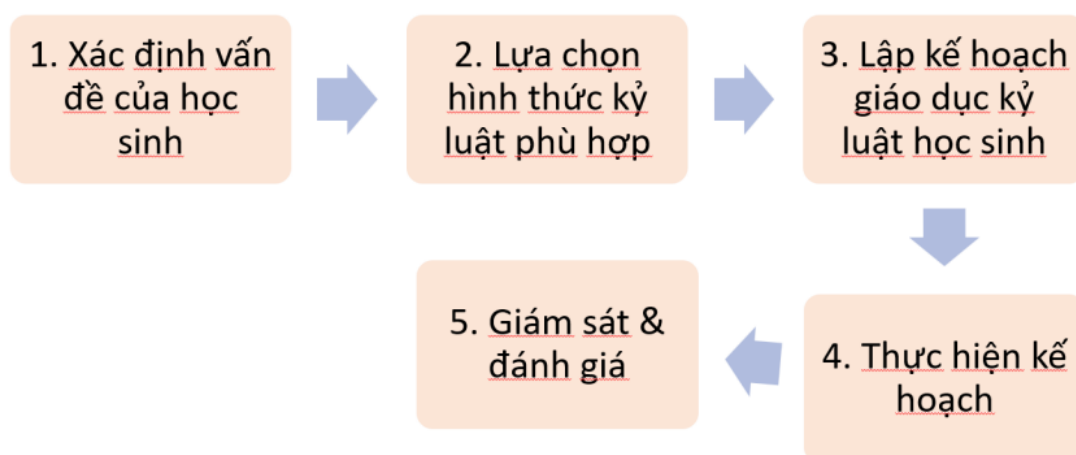
3.7. Lĩnh vực hoạt động 7. Giáo dục kỷ luật tích cực trong trường học

3.7.1. Đối tượng và mục đích

Giáo dục kỷ luật (GDKL) tích cực áp dụng cho học sinh mắc khuyết điểm trong quá trình học tập và rèn luyện, vi phạm nội quy nhà trường, các quy chế, quy định của ngành Giáo dục, ví dụ hành vi bắt nạt, vi phạm pháp luật liên quan đến hành vi sai trái nhưng không ở mức độ tội phạm, đi học muộn, quay cóp bài, nói dối v.v. “Giáo dục kỷ luật tích cực là cách giáo dục dựa trên nguyên tắc vì lợi ích tốt nhất của học sinh; không làm tổn thương đến thể xác và tinh thần của học sinh; có sự thỏa thuận giữa Giáo viên – Học sinh và phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của các em. GDKL tích cực nhằm dạy và rèn luyện cho học sinh tính tự giác tuân theo các quy định và quy tắc đạo đức ở thời điểm trước mắt cũng như về lâu dài”

3.7.2. Hoạt động cơ bản và nhiệm vụ của tổ CTXH-TVTL

Các hoạt động GDKL tích cực thường được cụ thể theo một quy trình có các bước dưới đây:



Thông thường giáo viên chủ nhiệm có trách nhiệm phát hiện những học sinh có hành vi vi phạm hay hành vi lệch chuẩn và chủ động áp dụng các biện pháp kỹ luật tích cực. Tuy nhiên, tổ CTXH – TVTL có thể phối hợp hỗ trợ giáo viên giải quyết những trường hợp phức tạp. Như vậy tổ CTXH-TVTL sẽ có 2 nhiệm vụ chính: 1) hỗ trợ giải quyết những trường hợp phức tạp; và 2) nâng cao năng lực cho giáo viên về áp dụng các biện pháp GDKL tích cực.

4. Hướng dẫn một số kỹ năng nhận diện vấn đề của học sinh trong trường học

4.1. Giới tính, tình yêu, tình dục, sức khỏe sinh sản

a) Định nghĩa:

Trẻ thiếu kiến thức và/hoặc kỹ năng về giải phẫu sinh dục, sinh sản, quan hệ tình dục, sức khỏe sinh sản, các quan hệ tình cảm

b) Dấu hiệu nhận biết:

Học sinh có những câu hỏi, thắc mắc chưa giải quyết được về những vấn đề trên hoặc có những suy nghĩ, hành vi gây ảnh hưởng tiêu cực đến học tập và sinh hoạt hàng ngày

c) Đánh giá

Hỏi chuyện lâm sàng, trắc nghiệm tình yêu

d) Định hướng hỗ trợ

- Giới tính, tình dục, sức khỏe sinh sản:

+ Cung cấp kiến thức về giới tính, tình dục, sức khỏe sinh sản.

+Sử dụng các liệu pháp giải tỏa cảm xúc, hướng dẫn các phương pháp giải tỏa cảm xúc

-Tình yêu:

+ Giúp trẻ nhận diện được đúng vấn đề tình cảm của bản thân: là yêu hay là thích

+ Cung cấp kiến thức để xây dựng 1 tình cảm đẹp trong lứa tuổi học trò

+ Những điều tốt đẹp mà tình yêu mang lại và những nguy cơ có thể xảy ra và cách phòng tránh.

4.2. Vấn đề học tập và hướng nghiệp

a) Định nghĩa

- Khó khăn trong học tập: Học sinh gặp khó khăn trong việc tiếp nhận kiến thức và hoàn thành các yêu cầu học tập.

- Hướng nghiệp: Học sinh mong muốn được tham vấn để lựa chọn ngành học và nghề nghiệp phù hợp

b) Dấu hiệu

- Học tập:

+ Khả năng tập trung, chú ý giảm hoặc kém;

+Chán học, không hứng thú trong học tập, không chấp hành nội quy học tập...;

+Học sút;

+Học kém.

- Hướng nghiệp: Trẻ phân vân hoặc/ và chưa có định hướng lựa chọn ngành học và nghề nghiệp phù hợp cho bản thân

c) Đánh giá

Một số công cụ như: WISC, MBTI, VAK, hỏi chuyện lâm sàng, đánh giá năng quản trị bản thân

d) Cách thức hỗ trợ

* Học tập:

-Tham vấn phương pháp học tập.

-Xây dựng mục tiêu cụ thể hơn và kế hoạch học tập khoa học hơn

-Dựa vào điểm mạnh và điểm yếu thông qua đánh giá để khơi dậy khả năng của trẻ.

- Tham vấn cho phụ huynh, giáo viên để hỗ trợ con trong học tập.

* Hướng nghiệp:

- Giúp học sinh khám phá sở thích, đam mê về nghề nghiệp.
- Đánh giá/ Phân tích điểm mạnh, điểm yếu của học sinh.
- Cung cấp thông tin về đặc điểm của nghề, nhu cầu nhân lực của xã hội.

Phân tích những nghề nghiệp đáp ứng đủ ba yếu tố trên để định hướng học sinh chọn đúng nghề con thích, phù hợp với năng lực của con và đáp ứng nhu cầu của xã hội.

4.3. Vấn đề khó khăn giao tiếp và xây dựng mối quan hệ xã hội (với bạn bè, thầy cô, cha mẹ ...)

a) Định nghĩa:

Khả năng kết nối, giao tiếp với những người xung quanh hạn chế, không tham gia vào các hoạt động tập thể, thu mình, né tránh, không chủ động trò chuyện, không hài lòng với người xung quanh.

Khó khăn trong việc sử dụng các hình thức giao tiếp khác nhau hoặc đôi khi có những hành động kì quặc khi giao tiếp với người khác.

b) Biểu hiện

- Khó khăn trong việc bắt đầu và kết thúc giao tiếp
- Không biết cách chờ đợi, luân phiên trong giao tiếp
- Truyền đạt thông tin dài dòng, không theo nội dung cuộc giao tiếp
- Chỉ giao tiếp với người quen, thu mình, hạn chế tương tác với người lạ
- Có những phản ứng dữ dội khi ai đó làm quen hoặc ai đó không hiểu những cảm xúc, suy nghĩ của mình
- Khó khăn trong diễn tả, bộc lộ cảm xúc, suy nghĩ, mong muốn với người khác.
- Có những xung đột/mâu thuẫn với người trong gia đình, trong trường lớp hay môi trường cộng đồng.
- Cố gắng thực hiện những hành vi không phù hợp để thu hút sự quan tâm, chú ý của mọi người với mình

Ví dụ đặc điểm về Khó khăn trong giao tiếp của HS tiểu học:

- Khó thiết lập mối quan hệ với giáo viên (chủ yếu thụ động tiếp nhận tác động từ giáo viên, còn chưa chủ động trong mối quan hệ này);

- Không dám hoặc không muốn thể hiện, bày tỏ suy nghĩ và cảm xúc của mình với cha mẹ và giáo viên;
- Chống đối, không tuân theo các yêu cầu của cha mẹ hoặc giáo viên;
- Có lời nói hoặc hành động thiếu tôn trọng giáo viên, cán bộ, nhân viên trong nhà trường (thiếu lễ phép, nói hỗn, trêu chọc thái quá...);
- E sợ, ngại ngùng, rụt rè, nhút nhát khi bày tỏ ý kiến, nguyện vọng với giáo viên hoặc các lực lượng giáo dục khác trong nhà trường. ...

c) Hướng hỗ trợ

- Tham vấn nhận thức cảm xúc, nhận thức hành vi, quản lý hành vi, nhận thức giá trị bản thân.
- Hướng dẫn nâng cao kỹ năng giao tiếp, kỹ năng giải quyết vấn đề
- Vòng tròn chia sẻ/lược đồ mối quan hệ trong gia đình, nhà trường
- Thực hành, đóng vai các kỹ năng giao tiếp đặc biệt là lắng nghe, chia sẻ
- Làm việc với nhóm lớp và gia đình tăng cường hỗ trợ trẻ ở các môi trường khác nhau
- Nếu khó khăn trong giao tiếp và xây dựng mối quan hệ do ảnh hưởng của rối loạn phát triển hoặc trầm cảm, lo âu thì cần phải hỗ trợ theo những dạng vấn đề này.

Ví dụ định hướng hỗ trợ cho HS tiểu học khi gặp khó khăn trong giao tiếp

- Chủ động làm thay đổi cảm nhận xa lạ ở học sinh; quan tâm, trò chuyện một cách chân thành, cởi mở, trù mến;
- Nhận diện đặc điểm tâm lý riêng của mỗi học sinh để có cách thiết lập và duy trì quan hệ giao tiếp một cách phù hợp;
- Khích lệ, động viên học sinh bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc của bản thân; lắng nghe và tôn trọng những cảm xúc đó;
- Nếu học sinh có hành vi giao tiếp chưa đúng mực thì giáo viên xử lý tình huống phù hợp với nguyên tắc giao tiếp sư phạm (không đánh, mắng; giải thích, hướng dẫn để thiết lập suy nghĩ và hành vi đúng; cho học sinh cơ hội khắc phục, sửa chữa việc làm sai...); không chấp nhận, “để bụng” những lời nói, hành vi chưa đúng của học sinh mà thành ra có định kiến với các em.
- Tổ chức các trò chơi, hoạt động tập thể nhẹ nhàng nhưng lí thú, bổ ích để tạo sự gắn kết giữa giáo viên với học sinh và học sinh trong lớp với nhau

4.4. Vấn đề rối loạn chậm phát triển

a) Định nghĩa

Rối loạn Chậm phát triển tâm thần là một trạng thái phát triển bị ngừng trệ hay không đầy đủ của tâm thần, được đặc trưng chủ yếu bằng tật chứng về kỹ năng trong thời kỳ phát triển, bao gồm cả kỹ năng nhận thức, ngôn ngữ, học tập, lao động, xã hội, chăm sóc bản thân.

Rối loạn phát triển bao gồm: Trẻ khuyết tật trí tuệ, trẻ tự kỉ, trẻ Asperger, trẻ bị khuyết tật học tập (khó khăn về đọc viết hoặc tính toán)

Tỉ lệ gặp chậm phát triển tâm thần trong dân số chung là 1-3%. Chậm phát triển tâm thần có thể kèm hoặc không kèm rối loạn cơ thể hoặc tâm thần khác.

b) Biểu hiện

Biểu hiện chậm phát triển tâm thần ở trẻ thể hiện qua các mức độ như sau:

- Chậm phát triển tâm thần mức độ nhẹ

Khả năng tư duy: có tư duy mô tả cụ thể, không hiểu được tư duy trừu tượng, thiếu sáng kiến, khả năng phân tích tổng hợp kém. Biết nói chậm, nhưng có khả năng sử dụng ngôn ngữ trong những giao tiếp hàng ngày, có thể hình thành ngôn ngữ viết.

Có khả năng học hết tiểu học, nhưng hay lưu ban, khó khăn trong học lý thuyết.

Khả năng cảm xúc: có cảm xúc cấp cao nhưng thiếu tự lập, phụ thuộc vào bố mẹ dù đã trưởng thành, không đủ khả năng giải quyết những mâu thuẫn nội tâm.

Hành vi tác phong: có khả năng tự chăm sóc cá nhân. Có thể làm được các công việc đơn giản, thích nghi được với môi trường xã hội nhưng cần có trợ giúp và kém hiệu quả hơn người khác.

Chậm phát triển mức độ nhẹ có chỉ số IQ: 50-69

- Chậm phát triển tâm thần mức độ trung bình

Khả năng tư duy: có thể có tư duy khái quát thô sơ, không có tư duy trừu tượng, không hiểu được ý chính của vấn đề, khả năng phán đoán nghèo nàn, không có khả năng độc lập trong suy nghĩ. Có thể có tính toán đơn giản cụ thể, không tính toán trừu tượng. Chậm biết nói, chậm nghe hiểu, vốn từ không lớn, ngữ pháp đơn giản, phát âm sai, nói lắp, nói ngọng. Có thể sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp nhưng không hiểu quy tắc xã hội. Khó hình thành ngôn ngữ viết.

Cảm xúc: không ổn định, cảm xúc cấp cao hạn chế.

Hành vi tác phong: có thể làm được công việc đơn giản, không làm được công việc có tính quy trình, máy móc, không thay đổi được theo hoàn cảnh. Ít có khả năng sống tự lập hoàn toàn, cần có sự trợ giúp, hướng dẫn.

Chậm phát triển mức độ trung bình có chỉ số IQ: 35-49

- *Chậm phát triển mức độ nặng*

Tư duy: có tư duy cụ thể, thô sơ, học được một vài kinh nghiệm đơn giản. Không có ngôn ngữ hoặc chỉ phát âm những âm đơn giản mà bản thân không hiểu.

Cảm xúc: chỉ có cảm xúc bản năng, thỏa mãn bản thân, sự bày tỏ cảm xúc đơn sơ, có nhiều hạn chế.

Hành vi tác phong: thường chỉ có những hoạt động bản năng hay những phản ứng thô sơ với các kích thích bên ngoài. Cần có người giúp đỡ trong hoạt động chăm sóc bản thân.

Thường có bệnh lý cơ thể hoặc tâm thần khác đi kèm.

Chậm phát triển mức độ nặng có chỉ số IQ: 20-34

- *Chậm phát triển tâm thần mức độ trầm trọng*

Tư duy: không có khả năng nhận thức, không có khả năng phản ứng với các kích thích đơn giản như nóng lạnh, không có ngôn ngữ.

Cảm xúc: hoàn toàn là cảm xúc bản năng. Có cơn giận dữ, tự cào cấu hay tấn công người khác

Vận động kém, có khi không đi được, hành động định hình lặp lại

Thường có nhiều bệnh lý cơ thể, thần kinh, tâm thần đi kèm.

Chậm phát triển mức độ trầm trọng có chỉ số IQ < 20.

c) Đánh giá

Thang đánh giá tự kỉ CARS, Đánh giá IQ bằng thang đo WISC, quan sát, trò chuyện lâm sàng

d) Hỗ trợ ban đầu tại trường học

Cán bộ tư vấn HS có thể dựa vào những thể hiện của trẻ để phát hiện sớm và tư vấn gia đình thăm khám, chuẩn đoán cho trẻ. Với trẻ chậm phát triển tâm thần mức độ nặng và trầm trọng thường được chăm sóc, điều trị tại các trung tâm y tế giáo dục, trường học đặc biệt.

Điều trị chậm phát triển cho trẻ sử dụng phương pháp giáo dục và các liệu pháp khác và cần sự theo dõi và hỗ trợ lâu dài từ gia đình và cộng đồng. Tại trường học, có thể hỗ trợ các giáo viên trong việc hỗ trợ hoà nhập cho các trẻ thông qua các hoạt động:

- Hoạt động giáo dục

+ Hướng dẫn các sinh hoạt hàng ngày như vệ sinh cá nhân, dọn dẹp nhà cửa, chào hỏi người lớn, tuân theo các nội quy trong tập thể, lớp học.

+ Học văn hóa như viết, đếm tính toán đơn giản

+ Học nghề: những công việc đơn giản giúp tăng sự tự tin vào bản thân, có khả năng sống tự lập

+ Trẻ chậm phát triển tâm thần có thể học qua các trực quan sinh động hoặc thực hành các tình huống giả định

- Liệu pháp hành vi

Liệu pháp hành vi nhằm hình thành, tăng cường các hành vi xã hội, kiểm soát giảm các hành vi gây hấn, phá hoại và cần tiến hành trong thời gian dài

- Liệu pháp gia đình

Cần thiết giáo dục cho gia đình học sinh chậm phát triển biết cách nâng cao năng lực và tự tin cho học sinh. Cung cấp cho gia đình những kiến thức về nguyên nhân, điều trị, nuôi dưỡng trẻ bị chậm phát triển tâm thần.

Giúp các thành viên trong gia đình bộc lộ sự cảm xúc, nhu cầu để có được sự tư vấn thích hợp.

- Các liệu pháp tâm lý khác: như liệu pháp âm nhạc, liệu pháp hội họa, liệu pháp thể dục thể thao, liệu pháp lao động, hoạt động trị liệu, vận động trị liệu

4.5. Vấn đề rối loạn tăng động giảm chú ý

a) Định nghĩa

Rối loạn tăng động giảm chú ý là một rối loạn thường gặp trong thực hành lâm sàng tâm thần học trẻ em. Đặc điểm nổi bật của rối loạn này là trẻ không thể duy trì sự tập trung chú ý cần thiết vào một sự vật, một chủ đề, một công việc nào đó mà luôn thay đổi sự tập trung chú ý vào những vật, sự việc, những kích thích xung quanh. Điều này dẫn đến hậu quả là xuất hiện những triệu chứng tăng vận động, người bệnh luôn hoạt động nhưng lại không thể hoàn tất một công việc nào đó khi được yêu cầu, được giao phó.

Từ 3 – 7% trẻ ở lứa tuổi học đường mắc rối loạn này. Trẻ nam mắc nhiều hơn trẻ nữ, với tỉ lệ nam/nữ = 2,5-5,6.

b) Dấu hiệu

- *Lâm sàng*: rối loạn tăng động giảm chú ý tập trung ở ba nhóm triệu chứng chính:

(1) Giảm chú ý, (2) Tăng động, (3) Xung động

Các rối loạn này cũng biểu hiện ở các mức độ khác nhau từ nhẹ đến nặng. Có trẻ biểu hiện không bao giờ hoàn tất các bài tập được giao, không nhớ nhiệm vụ của mình phải làm, luôn luôn để quên dụng cụ cá nhân hay dụng cụ học tập. Trẻ khác thì biểu hiện hiếu động lảng xãng, xung động, kích thích.

Trẻ em có các triệu chứng mất chú ý có thể:

- Dễ bị phân tâm, bỏ sót chi tiết, hay quên và thường xuyên chuyển từ hoạt động này sang hoạt động khác
- Khó tập trung vào một thứ
- Trở nên nhàm chán với một công việc chỉ sau vài phút, trừ khi trẻ đang làm điều gì đó thú vị
- Khó tập trung chú ý vào việc tổ chức và hoàn thành một nhiệm vụ hoặc học một điều gì đó mới
- Gặp khó khăn khi hoàn thành hoặc hoàn thành các bài tập về nhà, thường làm mất những thứ (ví dụ: bút chì, đồ chơi, bài tập) cần thiết để hoàn thành nhiệm vụ hoặc hoạt động
- Dường như không lắng nghe khi được nói chuyện với
- Mơ mộng, dễ nhầm lẫn và di chuyển chậm chạp
- Khó xử lý thông tin nhanh chóng và chính xác như những người khác
- Cố gắng làm theo hướng dẫn.

Trẻ em có các triệu chứng tăng động có thể:

- Lo lắng và vặn vẹo trên ghế của trẻ
- Nói chuyện không ngừng
- Lướt qua xung quanh, chạm vào hoặc chơi với bất cứ thứ gì và mọi thứ trong tầm nhìn

- Gặp khó khăn khi ngồi yên trong bữa ăn và giờ kể chuyện
- Liên tục chuyển động
- Gặp khó khăn khi thực hiện các công việc hoặc hoạt động yên tĩnh.

Trẻ em có các triệu chứng bốc đồng có thể:

- Rất thiếu kiên nhẫn
- Buông ra những nhận xét không phù hợp, bộc lộ cảm xúc mà không kiềm chế và hành động mà không quan tâm đến hậu quả
- Gặp khó khăn khi chờ đợi những thứ trẻ muốn hoặc chờ đợi đến lượt trong trò chơi
- Thường làm gián đoạn cuộc trò chuyện hoặc hoạt động của người khác.

Để được chẩn đoán mắc chứng rối loạn này, một đứa trẻ phải có các triệu chứng từ 6 tháng trở lên và ở mức độ lớn hơn những đứa trẻ khác cùng tuổi

c) Đánh giá, chẩn đoán

Hiện nay ở Việt nam, chẩn đoán rối loạn này dựa chủ yếu vào tiêu chuẩn lâm sàng theo phân loại chẩn đoán quốc tế ICD-10.

d) Hỗ trợ trẻ tại trường học

Giáo viên, cán bộ tư vấn HS khi hỗ trợ trẻ tăng động giảm chú ý cần:

- Giảm các tác nhân gây mất tập trung: tạo ra hoặc tìm một không gian yên tĩnh để học ở nhà hoặc ở trường

- Tăng cường kiểm soát phạm vi gần: Tới chỗ học sinh khi đưa ra chỉ dẫn; Thay đổi sắp xếp chỗ ngồi; để học sinh ngồi cạnh các hình mẫu tích cực; Phân công các bạn cùng hỗ trợ.

- Sử dụng nhiều hình ảnh (các tín hiệu thị giác) để giúp các em học
- Dạy các kĩ năng tự giám sát, lập kế hoạch và tổ chức
- Đưa ra các chỉ dẫn viết và trực quan bên cạnh việc sử dụng lời nói
- Dạy các chiến lược lập kế hoạch và tổ chức
- Tăng khích lệ cho các hành vi phù hợp
- Luôn kiên nhẫn với học sinh

4.6. Vấn đề về rối loạn cảm xúc (trầm cảm, lo âu ...)

4.6.1. Rối loạn lo âu

a. Định nghĩa

- Lo âu thông thường (lo lắng):

Bất kỳ ai cũng đều có lo lắng. Lo lắng được định nghĩa là sự căng thẳng, không thoải mái, bứt rứt, lo sợ từ việc luôn dự báo trước điều xấu, đi cùng với các triệu chứng thần kinh thực vật như tim đập nhanh, vã mồ hôi, run chân tay, tức ngực, khó thở, đau đầu...

Lo lắng là một tín hiệu báo động, báo trước một nguy hiểm sắp đến và kích hoạt con người sử dụng mọi biện pháp để đương đầu với sự đe dọa. Khi đã có được giải pháp, vượt qua được hoặc thử thách không còn thì lo lắng cũng chấm dứt. Đó là phản ứng lo âu thông thường.

- Sợ hãi và lo lắng

Sợ hãi, tương tự, cũng là một tín hiệu báo động, nhưng cần phân biệt với lo lắng. Sợ hãi là sự đáp ứng với một mối đe dọa đã biết, từ bên ngoài, xác định hoặc không xung đột. Trong khi lo lắng là sự đáp ứng với một đe dọa không biết, từ bên trong, không xác định hoặc mang tính xung đột.

- Lo âu bệnh lý (Rối loạn lo âu)

Lo âu trở thành bệnh lý khi nó gây ảnh hưởng tới các chức năng xã hội, nghề nghiệp, quan hệ cá nhân hay sự thoải mái về tinh thần.

Các rối loạn lo âu còn khác biệt với sợ hãi và lo lắng thông thường bởi sự quá mức hoặc kéo dài hơn so với một giai đoạn tồn tại thông thường (thường quá 6 tháng). Tuy nhiên tiêu chí về thời gian đôi khi linh hoạt, có thể ngắn hơn ở trẻ em như trong rối loạn lo âu chia ly hay cảm chọn lọc.

Các rối loạn lo âu bao gồm những rối loạn có các đặc điểm là sự sợ hãi và lo âu quá mức, kèm theo các rối loạn về hành vi tương ứng.

b. Biểu hiện của rối loạn lo âu

Lo âu quá mức so với nguy cơ thực tại, khó khăn trong việc kiểm soát và gây ảnh hưởng đáng kể tới các chức năng cơ bản và hoạt động sống hàng ngày của người bệnh. Lo âu thường kéo dài nhiều ngày, nhiều tuần, nhiều tháng đến nỗi người bệnh mất ăn, mất ngủ.

Triệu chứng kèm theo với lo âu được trải nghiệm tùy theo từng cá nhân rất khác nhau, nhưng thường có biểu hiện như sau:

- Kích thích, nóng nảy, bồn chồn
- Run rẩy tay chân
- Rối loạn giấc ngủ (ngủ rất khó, không duy trì được yên giấc)
- Vã mồ hôi nhiều (kể cả lúc trời lạnh)
- Hồi hộp, đánh trống ngực
- Đi tiểu nhiều lần
- Căng thẳng cơ bắp
- Rất mau mệt kể cả sau một cố gắng nhỏ
- Cáu bẳn (dễ nổi khùng)
- Hoa mắt, chóng mặt
- Hụt hơi khi thở
- Cảm giác buồn chán.

Trên lâm sàng, chẩn đoán hội chứng lo âu khi có mặt của 3 nhóm triệu chứng:

- Trạng thái căng thẳng về tâm thần
- Căng thẳng vận động
- Kích thích thần kinh thực vật

Một số rối loạn lo âu sau:

- *Rối loạn lo âu lan tỏa*: lo âu quá mức về hầu hết các sự kiện, hoạt động trong cuộc sống hàng ngày, diễn ra trong hầu hết mọi ngày và kéo dài ít nhất 6 tháng. Lo âu khó kiểm soát và đi kèm với các triệu chứng cơ thể như căng cơ, khó chịu, khó ngủ, bồn chồn.

- *Rối loạn ám ảnh nghi thức (OCD)*: các ý nghĩ lặp đi lặp lại, cưỡng bức, liên quan tới việc bị lây nhiễm hay nghi ngờ; các hành vi lặp lại, cưỡng bức, không mục đích như rửa tay, đếm, kiểm tra, sờ mó... Trẻ bị OCD có thể bị ý tưởng ám ảnh hoặc nghi thức ám ảnh hoặc cả hai.

- *Sợ hãi đáng kể và dai dẳng một chủ thể/hoàn cảnh đặc hiệu* (ám ảnh sợ đặc hiệu), hoàn cảnh xã hội (ám ảnh sợ xã hội), hoặc ở trong một tình huống khó có lối thoát (ám ảnh sợ khoảng trống).

c. Chẩn đoán:

Theo tiêu chuẩn chẩn đoán dành cho lâm sàng ICD-10.

Thang đánh giá lo âu Hamilton (HAM-D), thang tự đánh giá lo âu ZUNG dùng để đánh giá mức độ các triệu chứng lo âu, chủ yếu dùng trong rối loạn lo âu lan tỏa hay các rối loạn liên quan.

d. Hỗ trợ cho học sinh có rối loạn lo âu

Cán bộ Tư vấn HS hỗ trợ học sinh có rối loạn lo âu cần chú ý:

- Sẵn sàng lắng nghe cẩn thận và tôn trọng khi học sinh sẵn sàng nói chuyện với bạn về nỗi sợ hãi và lo lắng của học sinh.

- Không coi thường cảm xúc của học sinh, giúp học sinh hiểu rằng các cảm xúc khó chịu, không thoải mái về cơ thể, hình thức, sự chấp nhận của bạn bè và sự không chắc chắn là phần tự nhiên của tuổi VTN.

- Giúp học sinh hiểu về lo âu trong từng tình huống và các trải nghiệm của học sinh chúng ta có thể giúp trẻ giảm bớt tính chất lẩn át, đè nặng của cảm xúc.

- Gọi lại cho học sinh những lần trẻ ban đầu sợ nhưng vẫn kiểm soát tốt và bước vào tình huống mới đó, chẳng hạn như ngày đầu vào lớp 10, hoặc lần đầu tham gia trại, v.v.

- Khen ngợi, khuyến khích học sinh khi trẻ tham dự tình huống dù ban đầu không thoải mái. Nói với học sinh là trẻ đã rất giỏi khi đối mặt với lo âu và không bị lo âu khuất phục.

- Bên cạnh đó, học sinh cần được giới thiệu đến gặp các cán bộ tâm lý lâm sàng, bác sĩ tâm thần. Điều trị các vấn đề về hướng nội ở trẻ em và VTN đòi hỏi chuyên môn sâu về tâm bệnh học, tâm lý trị liệu và dược học.

Có rất nhiều liệu pháp tâm lý có thể sử dụng, trong đó có một số liệu pháp đã được chứng minh có hiệu quả với rối loạn lo âu như:

- Liệu pháp nhận thức hành vi
- Liệu pháp tâm lý động
- Liệu pháp thư giãn luyện tập
- Thực hành chánh niệm...

4.6.2. Trầm cảm

a. Định nghĩa

Là một trạng thái bệnh lý rối loạn cảm xúc được đặc trưng bởi sự ức chế các hoạt động tâm thần: chủ yếu ức chế cảm xúc, ức chế tư duy, ức chế hoạt động. Theo bảng phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10, một giai đoạn trầm cảm thường kéo dài ít nhất 2 tuần lễ có các triệu chứng cơ bản sau: khí sắc trầm, mất mọi quan tâm và thích thú, giảm năng lượng dẫn đến tăng sự mệt mỏi và giảm hoạt động. Các triệu chứng có thể từ nhẹ, như là “có cảm giác buồn” đến rất nghiêm trọng, buồn và chán nản bất thường và không thể tìm thấy niềm vui trong các hoạt động trước đây vẫn yêu thích nữa.

b) Dấu hiệu

- *Cảm xúc*: khí sắc trầm, buồn chán, thất vọng, bất lực, vô dụng. Bệnh nhân nhìn nhận mọi thứ ảm đạm và bi quan. *Khí sắc giảm*: nếp nhăn hằn sâu trên mặt, mắt nụ cười cõi mở, nhăn trán, nheo mày, mắt luôn nhìn xuống, khóc hoặc mắt rung lệ.

- *Tư duy*: suy nghĩ bị chậm lại và khó tập trung. Ý tưởng và suy ngẫm về những suy nghĩ tiêu cực phổ biến. Trong trầm cảm nặng, có thể có các triệu chứng loạn thần như ảo giác và hoang tưởng, phản ánh sự giải thích sai về môi trường xung quanh. *Nhận thức trầm cảm*: gồm những ý nghĩ bi quan:

+ Khi nghĩ về hiện tại: giảm sút tự tin, tính tự trọng, tự ti, mất khả năng quyết định

+ Khi nghĩ về tương lai: chờ đợi một sự không tốt lành, thất bại trong tương lai

+ Nghĩ về quá khứ: ý nghĩ về tội lỗi, tự khiên trách mình, sai lầm, tui nhục, thất bại, ý tưởng và hành vi tự sát.

- *Về mặt thể chất*: bệnh nhân thấy yếu và mệt mỏi. Rất ít năng lượng để thực hiện các hoạt động sinh hoạt hàng ngày

- *Rối loạn ăn uống*: thường chán ăn và gầy sút cân, một số bệnh nhân có thể ăn uống quá mức. Quá trình tiêu hóa thường chậm chạp, táo bón, có thể bị khó đi tiêu.

- *Rối loạn giấc ngủ*: phổ biến, hoặc mất ngủ hoặc có thể ngủ quá nhiều. Giấc ngủ thường kém chất lượng hoặc rút ngắn về thời gian ngủ, ác mộng, thức giấc sớm, số ít bệnh nhân ngủ nhiều nhưng thức dậy vẫn cảm giác mệt mỏi, không thoải mái.

- *Ở mức độ ít nghiêm trọng hơn (loạn khí sắc)*, bệnh nhân có xu hướng cảm thấy tốt nhất vào sáng sớm, sau đó liên tục cảm thấy tồi tệ hơn trong ngày. Điều ngược lại, bệnh nhân trầm cảm vừa và nặng thường có các triệu chứng nặng lên vào buổi sáng.

- *Hoạt động*: chậm chạp tâm thần vận động. Ở mức độ nghiêm trọng, năng lượng bị cạn kiệt, các chuyển động lơ lửng và việc thực hiện các hoạt động hàng ngày vô cùng khó khăn. Bệnh nhân cũng có thể biểu hiện kích động tâm thần vận động, thường là những chuyển động liên tục, nhanh chóng, không mục đích.

- *Ngôn ngữ*: ít giao tiếp. Những bệnh nhân trầm cảm thường nói về những suy ngẫm liên quan đến sự hối tiếc cuộc sống của chính họ hoặc, ở những bệnh nhân loạn thần, phản ánh suy nghĩ hoang tưởng.

- *Các hoạt động xã hội bị giảm sút*. Bệnh nhân chán nản, có khuynh hướng thu mình vào bên trong, tập trung vào bản thân. Điều này gây suy giảm mối quan hệ với cá nhân, làm tăng cảm giác vô dụng và xu hướng cô lập của bệnh nhân.

Các dấu hiệu và triệu chứng của bệnh trầm cảm ở trẻ em bao gồm:

- Khó chịu hoặc tức giận
- Liên tục cảm thấy buồn bã và tuyệt vọng
- Xa lánh xã hội
- Tăng độ nhạy cảm với sự từ chối
- Thay đổi cảm giác thèm ăn - tăng hoặc giảm
- Thay đổi giấc ngủ - khó ngủ hoặc ngủ quá nhiều
- Tức giận bộc phát hoặc dễ khóc
- Khó tập trung
- Mệt mỏi và ít năng lượng
- Các khó chịu về thể chất (chẳng hạn như đau bụng, đau đầu) mà không đáp ứng với điều trị
- Giảm khả năng hoạt động trong các sự kiện, các hoạt động mà trước đây là sở thích của trẻ
- Cảm giác vô dụng hoặc tội lỗi
- Suy giảm khả năng tập trung hoặc tư duy
- Suy nghĩ về cái chết hoặc tự tử

c) Đánh giá

Nghiệm pháp Beck, DASS, CDI, thang trầm cảm vị thành niên

d. Hỗ trợ học sinh có rối loạn trầm cảm

Khi phát hiện học sinh có dấu hiệu của trầm cảm, cán bộ Tư vấn HS cần:

- Đề nghị giúp đỡ: Đề cho các em biết là bạn luôn ở đó với em, chú tâm và không cố gắng hỏi hay “điều tra” gì.
- Đừng từ bỏ nếu các em chặn ngay bạn lại và chối bỏ vấn đề của mình
- Lắng nghe không thuyết giảng
- Công nhận cảm xúc của học sinh: ghi nhận nỗi đau, sự buồn bã mà học sinh đang cảm thấy
- Động viên tiếp tục thực hiện các hoạt động học sinh từng hứng thú trước đây cho dù hiện tại mất đi hứng thú với những hoạt động này
- Duy trì giấc ngủ đều đặn: ngủ đúng giờ, đủ giờ, tránh ngủ quá nhiều
- Duy trì các hoạt động thể chất đều đặn, tham gia các hoạt động xã hội
- Chú ý những dấu hiệu, ý tưởng tự sát, đảm bảo luôn có người giám sát và môi trường an toàn
- Dạy trẻ các kỹ năng: kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng đặt mục tiêu
- Xây dựng hệ thống liên lạc giữa gia đình và nhà trường: trao đổi thường xuyên với gia đình về học tập, hành vi, cảm xúc của trẻ cũng như các chiến lược hỗ trợ học sinh THCS mà nhà trường và gia đình đang thực hiện
- Liên lạc với các chuyên gia tham vấn tâm lý học đường, tâm lý lâm sàng, bác sĩ tâm thần để có tư vấn và hỗ trợ về thuốc.
- Hỗ trợ học sinh trầm cảm nhận diện và đối mặt vấn đề của mình

*** Một số hướng hỗ trợ học sinh có dấu hiệu trầm cảm**

- Trị liệu nhận thức cảm xúc hành vi CBT
- Nâng cao nhận thức giá trị bản thân
- Trị liệu bằng các hoạt động nghệ thuật: vẽ, nặn, nghe nhạc, nhảy, yoga, thiền, thư giãn,....
- Tìm hiểu kỹ vấn đề trầm cảm, hỗ trợ để tạo môi trường an toàn nhất
- Hỗ trợ trị liệu suy nghĩ tích cực, cảm xúc tích cực; bảng kiểm soát cảm xúc

- Sử dụng phóng chiếu để trẻ được thể hiện giải tỏa những vấn đề liên quan đến trầm cảm ra ngoài

- Liệu pháp phân tâm, dòng sông cuộc đời

- Xây dựng, thiết lập mối quan hệ an toàn từ gia đình, nhà trường

- Trong trường hợp trầm cảm nặng, cần chuyển tuyến để trẻ được sử dụng thuốc kịp thời.

4.7. Các vấn đề hướng ngoại

4.7.1. Hành vi gây hấn

a) Định nghĩa

Gây hấn là loại hành vi, dạng lời nói hoặc thể chất có chủ đích làm tổn thương hoặc làm hại người khác hoặc thứ khác (đồ vật, động vật). Gây hấn có thể bao gồm đánh nhau, dọa nạt, khồng chế quan hệ, và có thể có kế hoạch trước hoặc không có kế hoạch. Mục đích của gây hấn có thể nhằm thể hiện sự bức tức hoặc thù địch, khẳng định chủ quyền, dọa nạt, thể hiện sự sở hữu, đáp trả lại sự sợ hãi hoặc đau đớn, ganh đua, v.v.

b) Dấu hiệu

Gây hấn thường được biểu hiện qua sự hung hãn với người khác, đồ vật hoặc động vật thể hiện với những hành vi như:

- Bắt nạt, đe dọa hay uy hiếp người khác;

- Khởi xướng và tham gia các cuộc ẩu đả, đánh nhau;

- Sử dụng các loại vũ khí có thể gây hại nghiêm trọng về thể chất cho người khác (VD như gậy gộc, gạch đá, mảnh chai vỡ, dao, súng...);

- Có biểu hiện độc ác về thể chất với người khác hoặc động vật (VD như đốt đuôi con mèo);

- Ăn cướp tài sản trong khi đối mặt với nạn nhân (cướp giật, trộm lộn, tống tiền...);

- Phá hoại tài sản của công hoặc của người khác;

- Cố ý gây cháy để gây thiệt hại cho người khác...

c) Đánh giá

Theo Bảng phân loại bệnh của Hội các nhà Tâm thần học Mỹ (DSM) thì hành vi gây hấn có thể khởi phát từ 5-6 tuổi nhưng phát triển mạnh ở giai đoạn thanh thiếu niên

và vị thành niên. Dấu hiệu để nhận biết sớm là trẻ dễ dàng chuyển từ trạng thái ôn hoà sang cáu giận bực tức một cách thái quá với tần suất một vài lần trong ngày. Dấu hiệu để chẩn đoán là tần suất cao những hành vi tấn công, gây hấn gây tổn thương cho người khác một cách thô bạo, nghiêm trọng có xu hướng ổn định trong vòng sáu tháng.

d) Cách thức hỗ trợ

- Tham vấn học sinh, củng cố các hành vi tích cực

- Củng cố suy nghĩ tích cực cho nhóm trẻ có hành vi gây hấn. Những trẻ hay gây hấn thường quá nhạy cảm với các kích thích và cho rằng các tác nhân kích thích chứa đựng sự đe dọa, xúc phạm hoặc thù địch. Chương trình can thiệp sẽ giúp các em luyện tập cách thức suy luận những ý đồ không thù địch trong từng tình huống cụ thể.

Ví dụ như nếu có ai đâm bổ vào em thì em diễn giải điều đó như thế nào? Đó là hành vi vô ý hay có ý đồ thù địch cần đáp trả...

- Đưa ra những cách thức để giúp HS phân tán hoặc xao lãng với những ám ức đang hiện hữu để phòng ngừa những hành vi gây hấn, kiểm soát cảm xúc. *VD: Cách đơn giản nhất có thể là sự trì hoãn một khoảng thời gian giữa sự ám ức và phản ứng hành vi bằng cách đếm từ 1 đến 10 cũng có hiệu quả.*

- Hướng dẫn HS đối đầu với những suy nghĩ và cảm xúc tiêu cực theo một cách phi bạo lực và chia sẻ cảm giác ám ức với người phía bên kia. Đây là một chiến lược giải quyết vấn đề bền vững vì khuyến khích cả hai bên có những hành động để giảm sự tức giận.

4.7.2. Hành vi chống đối – không tuân thủ

a) Định nghĩa

Chống đối, không tuân thủ được định nghĩa là những biểu hiện hành vi không phù hợp với lứa tuổi, được lặp đi lặp lại có tính chất gây tranh cãi, thách thức, cố tình gây bực bội, khó chịu và thù địch để đổ lỗi cho người khác về những vi phạm hoặc thiếu sót của mình.

Những học sinh chống đối, không tuân thủ có xu hướng gây hấn bằng lời chứ không phải gây tổn thương về thể chất. Hơn nữa xu hướng gây hấn của hành vi chống đối, không tuân thủ thường mang tính chất phương tiện (là cách tỏ thái độ với những quy định hoặc yêu cầu của người khác) hơn là mang tính chất thù địch. Sự chống đối

cũng thường được thể hiện qua những hành vi bên ngoài (quan sát được) như la hét hơn là những hành vi dấu diếm (như nói xấu hoặc bôi nhọ).

b) Dấu hiệu

Chống đối không tuân thủ được hiểu là một khuôn mẫu hành vi đặc trưng bởi sự tiêu cực, thách thức, thù địch và không tuân thủ theo yêu cầu của những người có thẩm quyền kéo dài ít nhất trong 6 tháng cùng với sự xuất hiện thường xuyên ít nhất một trong số những hành vi như:

- Mất bình tĩnh
- Thường xuyên tranh cãi với người lớn
- Thường xuyên chủ động phớt lờ hoặc từ chối việc thực hiện theo các yêu cầu của người lớn, cố ý gây bực mình cho người khác
- Thường đổ lỗi cho người khác về những sai sót hoặc những lỗi lầm của mình
- Quá nhạy cảm và hay khó chịu vì người khác
- Thường xuyên tức giận, bực bội
- Thường xuyên có thái độ thù hằn, cay độc.

Thanh thiếu niên có hành vi chống đối thường dùng những hành vi này để thu hút sự chú ý của người khác và tự khẳng định bản thân mình là người “ngoài vòng pháp luật” trong lớp.

c) Cách thức hỗ trợ học sinh có hành vi chống đối – không tuân thủ

Kết hợp với cha mẹ hướng dẫn thực hiện những hành vi tích cực, cụ thể như:

Ví dụ một số kỹ năng hiệu quả để điều chỉnh hành vi chống đối

- Chú ý tích cực và khen ngợi để củng cố những hành vi được mong đợi
- Phớt lờ những hành vi không phù hợp không nghiêm trọng
- Đưa ra những chỉ dẫn ngắn gọn, rõ ràng, loại bỏ những tác nhân ảnh hưởng đến sự chú ý của trẻ (như tắt ti vi)
- Thiết lập một hệ thống thưởng quy đổi ở nhà (lưu ý không lấy đi những điểm thưởng nếu trẻ có hành vi sai)
- Sử dụng hình phạt khoảng lặng cho những hành vi sai nghiêm trọng

Với học sinh THCS có hành vi chống đối – không tuân thủ thì trị liệu gia đình có khả năng thành công cao nhất. Mục tiêu của can thiệp gia đình là (a) thiết lập một khuôn mẫu giao tiếp có hiệu quả giữa các thành viên trong gia đình và tìm ra những

cách thức giải quyết vấn đề một cách hiệu quả hơn; (b) giúp gia đình duy trì những kỹ năng đã học được để giải quyết những tình huống phát sinh trong tương lai. Do vậy, việc cán bộ tư vấn học sinh kết hợp với gia đình trong giáo dục, định hướng hành vi tích cực cho học sinh là rất quan trọng.

4.7.3. Rối loạn hành vi

a) Định nghĩa

Rối loạn hành vi có liên quan đến một nhóm các biểu hiện hành vi và cảm xúc của trẻ em và vị thành niên được lặp đi lặp lại nhiều lần và ở đó, các quyền cơ bản của người khác cũng như các chuẩn mực xã hội (phù hợp với lứa tuổi) hay các luật lệ bị xâm phạm.

Hai thể rối loạn hành vi dựa trên tuổi khởi phát:

- *Thể khởi phát tuổi trẻ em:* Rối loạn hành vi trước 10 tuổi. Những trẻ này rất có thể có rối loạn hành vi dai dẳng và phát triển thành Rối loạn nhân cách chống xã hội ở người lớn hơn là những người bị khởi phát ở tuổi thanh thiếu niên.

- *Thể khởi phát tuổi thanh thiếu niên:* Rối loạn hành vi xuất hiện sau 10 tuổi, những trẻ này ít biểu hiện hành vi hung hãn hơn thể trên.

Các mức độ:

- *Nhẹ:* Có ít các vấn đề về hành vi và các hành vi này gây hại tương đối nhỏ cho người khác (ví dụ: nói dối, trốn học, sống qua đêm ngoài gia đình không được phép).

- *Trung bình:* Số rối loạn hành vi và hậu quả gây hại cho người khác ở mức trung gian giữa nhẹ và nặng (ví dụ: ăn cắp không đối mặt với nạn nhân, phá hoại tác phẩm văn hóa).

- *Nặng:* Có nhiều rối loạn hành vi và gây hại đáng kể cho người khác (ví dụ: cưỡng dâm, độc ác về thể chất, sử dụng vũ khí, ăn cắp đối mặt với nạn nhân, phá phách).

b) Dấu hiệu

Độc ác với người và động vật bao gồm:

- ✓ Hay bắt nạt, đe dọa, uy hiếp người khác.
- ✓ Hay gây sự đánh nhau.
- ✓ Sử dụng vũ khí có thể gây hại nghiêm trọng về thân thể cho người khác
- ✓ Có hành vi độc ác về thân thể với người khác.
- ✓ Có hành vi độc ác về thân thể với động vật.

- ✓ Ăn cướp đối mặt với nạn nhân (như cướp đoạt, giật túi tiền, tống tiền, ăn cướp có vũ khí).
- ✓ Cường dâm.

Phá hoại tài sản (hành vi xâm hại gây tổn thất tài sản):

- ✓ Cố ý gây cháy với ý định gây hại nghiêm trọng.
- ✓ Cố ý phá hoại tài sản của người khác (bằng các hình thức khác ngoài gây cháy).

Lừa đảo hay trộm cắp:

- ✓ Đập phá xông vào nhà hoặc đột nhập vào ô tô của người khác.
- ✓ Thường xuyên nói dối để nhận được đồ vật, ân huệ hoặc để tránh các nghĩa vụ (nghĩa là lừa gạt người khác).
- ✓ Ăn cắp những đồ vật có giá trị không lớn không đối mặt với nạn nhân (VD như lấy cắp trong cửa hàng, giả mạo giấy tờ...).

Vi phạm nghiêm trọng các luật lệ:

- ✓ Thường ở qua đêm ngoài gia đình bỏ mặc sự cảm đoán của cha mẹ, bắt đầu trước tuổi 13.
- ✓ Trốn nhà qua đêm ít nhất 2 lần trong khi đang sống ở nhà với bố mẹ hoặc gia đình người bảo trợ (hoặc bỏ đi một lần không trở về trong một thời gian dài).
- ✓ Thường trốn học bắt đầu trước tuổi 13.

Để chẩn đoán rối loạn hành vi, trẻ cần có ít nhất 3 trong số 15 biểu hiện được nêu trên lặp đi lặp lại và kéo dài trong khoảng 12 tháng và có ít nhất một tiêu chuẩn tái diễn nhiều lần trong 6 tháng qua. Mức độ rối loạn phải gây tổn hại trên các lĩnh vực hoạt động chức năng của cá nhân như lĩnh vực hoạt động xã hội, trong học tập hoặc trong gia đình.

d. Cách thức hỗ trợ trẻ có rối loạn hành vi

Với trẻ VTN có rối loạn hành vi ở mức khá nghiêm trọng, trị liệu đa hệ thống được xem như một chiến lược hiệu quả nhất để can thiệp.

- Can thiệp dựa vào gia đình, tập trung làm thay đổi hành vi ứng xử của trẻ trong các môi trường hoàn cảnh khác nhau như trong gia đình, tại trường học bằng cách thúc đẩy các hành vi được xã hội chấp nhận và loại trừ các hành vi không phù hợp.

- Có sự hợp tác chặt chẽ giữa cha mẹ, nhà trị liệu, nhà trường và những người khác có liên quan đến việc chăm sóc trẻ.

- Các phương pháp kỷ luật và khen thưởng được thực hiện cụ thể và rõ ràng để toàn bộ kế hoạch thay đổi hành vi của trẻ càng rõ ràng và minh bạch càng tốt. Cần nhất quán trong việc sử dụng các biện pháp củng cố (phần thưởng) và các kỹ thuật trừng phạt khi cần thiết. Bằng cách học cách kiểm soát tốt hơn và nhất quán hơn bối cảnh khen thưởng có thể kiểm soát hành vi của trẻ.

Các hình thức điều trị:

- Điều trị tại trung tâm: Thường dùng cho RLHV nặng. Kết quả tốt nhất ở các trung tâm có sử dụng các liệu pháp hành vi tích cực và có kế hoạch.

- Điều trị ban ngày: Trợ giúp cho điều trị tại trung tâm. Có điều lợi là trẻ không phải xa các thành viên khác của gia đình. Khi trẻ ở gia đình vào buổi tối và ngày nghỉ cuối tuần, các thành viên trong gia đình ở cạnh nhau và họ có điều kiện để áp dụng cái mà họ đã học được ở trung tâm điều trị.

- Hóa dược: trong những có bệnh lý đồng diễn hoặc trường hợp nặng, cần phối hợp điều trị bằng thuốc.

4.8. Nghiện Internet và các chất kích thích

4.8.1. Các rối loạn liên quan đến sử dụng chất

a. Định nghĩa

Các rối loạn liên quan đến sử dụng chất bao gồm hai nhóm: các rối loạn sử dụng chất (nghiện chất, còn được gọi là lệ thuộc chất) và các rối loạn do tác động của chất (ngộ độc chất, trạng thái cai, rối loạn lo âu, rối loạn loạn thần, các rối loạn cảm xúc liên quan đến chất).

Theo ICD 10, các rối loạn tâm thần và hành vi do sử dụng các chất tác động tâm thần (F10- F19) bao gồm nhiều rối loạn đa dạng có mức độ trầm trọng khác nhau, đi từ nhiễm độc không biến chứng và sử dụng gây hại đến các rối loạn loạn thần và mất trí rõ rệt, nhưng tất cả đều được cho là sử dụng một hay nhiều chất tác động tâm thần, các chất đó có thể được hoặc không được ngành y tế kê đơn.

Lạm dụng chất gây nghiện là sử dụng ma túy, rượu hoặc hóa chất. Việc lạm dụng chất kích thích dẫn đến tổn hại về thể chất, tâm lý, tình cảm cho người sử dụng hoặc những người khác.

Các chất thường xuyên bị lạm dụng ở Việt Nam bao gồm:

- Rượu
- Thuốc lá
- Cần sa
- Nhựa cần sa
- Chất kích thích bao gồm methamphetamine hoặc cocaine
- Thuốc phiện bao gồm heroin và thuốc phiện
- Các chất tác động thần kinh mới bao gồm ketamine, kratom
- Chất hít bao gồm keo, chất lỏng nhẹ hơn, xăng hoặc chất pha loãng sơn

b. Biểu hiện

Một số dấu hiệu và triệu chứng thường được chú ý nhất là sự thay đổi trong hành vi điển hình của trẻ đối với trường lớp, gia đình và bạn bè, bao gồm những điều sau:

- Thay đổi thái độ hoặc thành tích học tập ở trường. Một thiếu niên bắt đầu nghỉ học nhiều hơn bình thường mà không có lý do chính đáng, dường như ít quan tâm đến điểm số hoặc các hoạt động ở trường, hoặc bị tụt điểm không rõ nguyên nhân có thể đang lạm dụng ma túy hoặc rượu.

- Thay đổi hành vi. Một thiếu niên thể hiện sự thay đổi lớn trong hành vi, thay đổi lớn trong cách tương tác với các thành viên trong gia đình hoặc cố gắng ngăn các thành viên gia đình biết về bạn bè của trẻ hoặc nơi trẻ sẽ đến có thể đang lạm dụng ma túy hoặc rượu.

- Thay đổi nhu cầu về tiền. Một dấu hiệu khác của lạm dụng chất kích thích là nhu cầu kiếm thêm tiền không giải thích được.

- Thay đổi cách chăm sóc bản thân và ngoại hình: không quan tâm đến quần áo, vệ sinh, chải chuốt hoặc ngoại hình, đây có thể là dấu hiệu của việc lạm dụng chất kích thích.

- Thay đổi sức khỏe chung: năng lượng giảm đáng kể, có những thay đổi lớn về thời lượng ngủ và giảm động lực có thể có vấn đề về lạm dụng rượu hoặc ma túy.

- Các dấu hiệu và triệu chứng thực thể. Một số loại thuốc sẽ gây ra các triệu chứng thể chất bao gồm thời gian phản ứng chậm, mắt đỏ, kém tập trung và trí nhớ, tăng cảm giác thèm ăn hoặc suy nghĩ hoang tưởng.

c. Hỗ trợ học sinh rối loạn do sử dụng các chất kích thích

Với vai trò của mình, cán bộ tư vấn HS có thể hỗ trợ học sinh rối loạn do sử dụng các chất kích thích như sau:

- Phối hợp với các bộ phận trong nhà trường nhà trường để thực hiện các chương truyền thông về hậu quả, tác hại của việc sử dụng các chất gây nghiện cho học sinh. Đồng thời, tổ chức các hoạt động nâng cao kỹ năng xã hội và kỹ năng từ chối sử dụng chất kích thích cho học sinh trong nhà trường để phòng ngừa sử dụng các chất gây nghiện.

- Tìm hiểu những động cơ, nguyên nhân khiến học sinh sử dụng các chất gây nghiện để có thể có những giải pháp hỗ trợ phù hợp.

- Giới thiệu gia đình học sinh các địa chỉ đánh giá, điều trị tin cậy. Đồng thời đồng hành cùng trẻ và gia đình trong quá trình điều trị.

4.8.2. Nghiện internet, nghiện trò chơi trực tuyến (game online)

a. Định nghĩa

Vào năm 2018, tổ chức Y tế thế giới WHO đã quyết định đưa nghiện game vào ICD -11, điều này chính thức xếp nghiện game vào bảng danh sách các rối loạn tâm thần.

Theo định nghĩa trong bản sửa đổi mới nhất lần thứ 11 của Phân loại thống kê kê quốc tế về bệnh tật (ICD-11) đưa ra: ***Nghiện game*** là hành vi chơi game, trong đó bao gồm cả những game online hay game offline với những đặc điểm ở người chơi như sau:

- Không thể kiểm soát được hành vi chơi game của bản thân như địa điểm, tần suất và thời gian chơi.

- Coi trọng việc chơi game hơn tất cả những việc khác trong cuộc sống, dành nhiều thời gian để chơi mà bất chấp những hậu quả tiêu cực xảy đến.

- Tác động của chơi game làm khả năng giao tiếp, các mối quan hệ trong gia đình và ngoài xã hội giảm. Người chơi trở nên thu mình hơn, các hoạt động sinh hoạt đảo lộn, gây ảnh hưởng đến sức khoẻ.

b. Biểu hiện của nghiện game

Trong Phân loại Thống kê Quốc tế về Bệnh tật và Các vấn đề Sức khỏe liên quan (ICD 11), cập nhật vào tháng 5, WHO đưa nghiện game vào nhóm các rối loạn tâm thần, đặc trưng bởi hành vi chơi dai dẳng, tái diễn, dù là trực tuyến hay ngoại tuyến.

Ba dấu hiệu nghiện game điển hình ở một người gồm:

1. Khó kiểm soát mức độ chơi game (như tần suất, cường độ, thời gian, bối cảnh); thậm chí mất kiểm soát đối với việc chơi game. Ví dụ trẻ không thể thoát ra được cảm dỗ chơi game, có quyết định chơi game hay không, khi nào thì dừng lại,...

2. Ưu tiên chơi game hơn các hoạt động thường ngày khác: Người nghiện game tăng mức độ ưu tiên dành cho việc chơi game. Trò chơi điện tử được ưu tiên hơn các lợi ích cuộc sống khác và hoạt động thường ngày. Thậm chí trẻ nghiện game online còn có xu hướng trì hoãn những việc cấp bách, ví dụ như hạn chót làm bài tập, ôn thi,...

3. Tiếp tục hoặc chơi game ngày càng nhiều, bất chấp sự xuất hiện của những hậu quả tiêu cực

c. Đánh giá

Trắc nghiệm IAT (Internet Addiction Test) được xây dựng lần đầu năm 1996 bởi Ts K. S. Young (Giám đốc Trung tâm phục hồi nghiện Internet – Hoa Kỳ), là một nhà nghiên cứu đưa ra thuật ngữ nghiện Internet lần đầu tiên vào năm 1996. Trắc nghiệm sau đó được thích ứng và sử dụng tại nhiều quốc gia khác nhau trên thế giới

d. Hỗ trợ học sinh nghiện game

Sau khi nhận diện những dấu hiệu nghiện game ở học sinh, cán bộ tư vấn HS giới thiệu học sinh tới cán bộ tham vấn trường học hoặc những địa chỉ trị liệu tin cậy để đánh giá và can thiệp cho học sinh.

Cán bộ tư vấn HS cũng có thể trao đổi để giúp phụ huynh có cách thức điều chỉnh ham muốn chơi game của học sinh, như: Tham gia với con trong các hoạt động thường nhật để tạo mối quan hệ gắn bó, gần gũi hơn; Tạo cho con những niềm vui khác vào những khoảng thời gian rảnh rỗi trong ngày mà con thường sử dụng để chơi game. Khi trẻ bắt đầu quen với những hoạt động này, trẻ sẽ dần giảm thời gian chơi game xuống; Làm cho đứa trẻ bận rộn bằng các nhiệm vụ giúp đỡ và hỗ trợ bố mẹ; Cũng có những hành vi này bằng những phần thưởng mang tính tinh thần.

Bên cạnh đó, trị liệu hành vi nhận thức là kỹ thuật cho thấy có hiệu quả làm giảm các suy nghĩ và hành vi sử dụng Internet (Young, 2007). Can thiệp hành vi được sử dụng để giúp cho học sinh học lại về cách sử dụng Internet để đạt được mục tiêu sử dụng Internet một cách phù hợp, có kiểm soát và có mục tiêu chính đáng. Một cách tiếp cận khác là tham vấn nhóm nhỏ/tham vấn cá nhân cho học sinh. Cách tiếp cận này có thể được thực hiện trong bối cảnh trường học với sự điều phối của cán bộ tham vấn học đường có kinh nghiệm.

4.9. Bạo lực, xâm hại tình dục

4.9.1. Bạo lực học đường

a) Định nghĩa

Theo Nghị định số 80/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường, bạo lực học đường là hành vi hành hạ, ngược đãi, đánh đập; xâm hại thân thể, sức khỏe; lăng mạ, xúc phạm danh dự, nhân phẩm; cô lập, xua đuổi và các hành vi cố ý khác gây tổn hại về thể chất, tinh thần của người học xảy ra trong cơ sở giáo dục hoặc lớp độc lập

Tuy tồn tại nhiều quan điểm khác nhau về bạo lực học đường, song bạo lực học đường thường có những dấu hiệu sau:

- Thứ nhất, bạo lực học đường chính là hiện tượng tâm lý - xã hội diễn ra trong môi trường trường học, (có thể trong và ngoài nhà trường), liên quan tới những chủ thể của giáo dục như giáo viên, học sinh, cán bộ giáo dục,...

- Thứ hai, bạo lực học đường thường diễn ra một cách có chủ ý, có sự tham gia của ý thức.

- Thứ ba, chủ thể thực hiện hành vi bạo lực học đường bằng những phương tiện khác nhau như ngôn ngữ (lời nói, chữ viết), cử chỉ và hành động (đấm, đá, tát, véo tai, giật tóc, trấn lột, cướp giật,...).

- Thứ tư, hậu quả của bạo lực học đường là làm tổn thương cả thể chất cũng như tinh thần - không chỉ đối với nạn nhân mà cả đối với người gây ra bạo lực.

- Thứ năm, bạo lực học đường có thể diễn ra giữa học sinh với học sinh, giữa học sinh với giáo viên và ngược lại.

b) Các hành vi bạo lực học đường

- *Bạo lực về thể chất*: *Bạo lực thể chất* được xác định gồm những hành động gây tổn thương về thể chất, bao gồm những hành vi sau:

- Đánh đập, tát, đấm, đá, xô ngã, giật tóc, xé rách quần áo, cào cấu, cắn xé,...
- Tụ tập nhóm gây gỗ, đánh đập học sinh khác.
- Có ý định đánh người khác nhưng chưa thực hiện.

• Dùng các loại vũ khí như: dao, mảnh sành, thước kẻ, gạch, đá... để tấn công người khác. Thông thường, các hình thức bạo lực thể chất thường dễ bị phát hiện và đối tượng gây bạo lực dễ bị phát hiện và xử lý, kỷ luật.

- *Bạo lực về tinh thần*: *Bạo lực tinh thần* được xác định gồm những hành động gồm lời nói, cử chỉ mang tính chất xúc phạm, dọa nạt, mắng mỏ, gây áp lực, buộc làm những việc mà nạn nhân không muốn và gây ra những hậu quả xấu về mặt tâm lí, tình cảm cho nạn nhân. Biểu hiện qua một số hình thức sau:

- Khiêu khích trực tiếp, nhắn tin, gọi điện đe dọa người khác.
- Gán ghép người khác bằng những biệt hiệu xấu dẫn đến việc bạn xấu hổ, e ngại.
- Nói xấu sau lưng, chế nhạo, nhạo báng người khác.
- Bịa ra và tung tin đồn ác ý cho người khác.
- Tung hình ảnh xấu lên mạng, bịa đặt, vu khống bạn trên các phương tiện thông tin đại chúng.
- Ghi âm, chụp ảnh, quay phim người khác với mục đích xấu.
- Xúi giục, cưỡng ép người khác thực hiện hành vi xấu (lấy tiền của bố mẹ, giật đồ của người khác, đánh chửi người khác...).
- Khai trừ, cô lập, không cho tiếp xúc với ai đó.

- *Bạo lực về vật chất*: *Bạo lực về vật chất* là những hành động gây thiệt hại về đồ dùng, trang phục, phương tiện đi lại, tiền của cho học sinh.

- *Bạo lực về tình dục*: *Bạo lực tình dục* học đường có thể được chia thành hai loại cơ bản: quấy rối tình dục và xâm hại tình dục.

+ *Quấy rối tình dục*: *Quấy rối tình dục* là bất kỳ một lời nói hay hành động, cử chỉ có ý nghĩa tình dục ngoài ý muốn, những câu nói xúc phạm cố ý, hay bất kỳ những nhận xét về tình dục của ai xúc phạm đến người khác và làm cho nạn nhân cảm thấy bị

đe dọa, bị làm nhục, bị cản trở công việc, ngấm ngấm phá hoại sự an toàn và tạo ra sự lo sợ cho nạn nhân.

Các hình thức biểu hiện của loại bạo lực quấy rối về tình dục trong môi trường học đường bao gồm:

- Những lời nói thiếu tế nhị, những lời trêu chọc, những câu bình phẩm về cơ thể người khác.

- Đụng chạm vào người khác giới mà không được sự đồng ý của họ.

- Nhắn tin, gọi điện thoại cho người khác với nội dung tình dục.

- Lan truyền tin đồn về tình dục liên quan đến người khác để hạ nhục họ. Quấy rối tình dục tuy chưa đến mức nghiêm trọng như xâm hại tình dục song cũng có thể để lại những hậu quả nhất định tới nạn nhân. Những lời nói, hành vi quấy rối có thể làm nạn nhân cảm thấy bị xấu hổ, bối rối và thậm chí hoảng loạn về tinh thần. Đi kèm với những hình thức bạo lực tinh thần khác, quấy rối tình dục ảnh hưởng đến sự phát triển tâm sinh lý bình thường của học sinh, làm cho học sinh không tập trung được trong học tập và có thể có những hành vi gây tổn hại cho bản thân

d) Phòng ngừa bạo lực trong trường học

Tại các cơ sở giáo dục, mỗi người đều có vai trò trong việc đảm bảo trường học là môi trường an toàn và tôn trọng cho mọi người làm việc và học tập tại đây. Tất cả các thành viên trong cộng đồng nhà trường (bao gồm học sinh, cha mẹ học sinh, giáo viên, Ban Giám hiệu và nhân viên) có quyền có cảm giác an toàn và được coi trọng, cũng như có trách nhiệm tôn trọng người khác. Vì vậy, việc khai thác, triển khai các chương trình dạy học để phòng ngừa BLHĐ là một thành tố quan trọng trong cách tiếp cận trường học toàn diện hơn nhằm phòng ngừa vấn đề này, để mỗi học sinh đều có quyền được hưởng một nền giáo dục không có bạo lực.

Những giải pháp để phòng ngừa BLHĐ bao gồm:

- Xây dựng các mối quan hệ tôn trọng và bình đẳng trong trường học.

- Thực hành kỉ luật tích cực thay vì các biện pháp trừng phạt học sinh.

- Nâng cao nhận thức về BLHĐ cho cán bộ nhà trường, giáo viên và học sinh.

- Xây dựng và triển khai các chương trình hành động.

4.9.2. Xâm hại tình dục trẻ em

a) Định nghĩa

Xâm hại tình dục trẻ em xảy ra khi một người sử dụng quyền lực và sức mạnh, hoặc dùng tiền bạc, vật chất của mình, lợi dụng sự ngây thơ, lòng tin và sự tôn trọng của trẻ để ép buộc trẻ tham gia vào hành vi tình dục.

Các hành vi xâm hại tình dục được chia thành hai loại sau:

<p>- <i>Xâm hại tình dục KHÔNG TIẾP XÚC</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Phô bày bộ phận sinh dục trước mặt trẻ + Cho trẻ xem tranh, sách, truyện, phim khiêu dâm + Chụp ảnh trẻ với mục đích tình dục + Cho trẻ xem các hành động tình dục của đối tượng, nghe các âm thanh kích dục + Nhìn trẻ khi trẻ không mặc quần áo + Sử dụng các hình ảnh cơ thể của trẻ để đưa lên internet 	<p>- <i>Xâm hại tình dục CÓ TIẾP XÚC</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Sờ vào bộ phận sinh dục hoặc cơ thể của trẻ với mục đích tình dục + Yêu cầu trẻ sờ vào bộ phận sinh dục của đối tượng hoặc chơi các trò chơi tình dục + Đưa các vật dụng hoặc bộ phận cơ thể (như ngón tay, lưỡi, dương vật) vào âm đạo hay hậu môn, miệng của trẻ với mục đích quan hệ tình dục
---	--

** Xâm hại tình dục trên không gian mạng*

Một cách dễ hiểu, **xâm hại tình dục trẻ em trên không gian mạng** là hành vi XHTDTE không tiếp xúc bao gồm những hành vi cụ thể sau:

- Xúi giục trẻ em tạo dáng trước máy quay để trò chuyện bằng hình ảnh, đôi khi họ ép buộc trẻ có hành động xâm hại chính cơ thể mình trước máy quay để người đó xem;

- Gửi và bắt trẻ xem những hình ảnh, nội dung về tình dục qua các nền tảng trực tuyến (mạng xã hội, game online, ...);

- Nhắn tin, nói chuyện trên mạng với trẻ về những nội dung tình dục;

- Có hành vi tình dục, trình diễn khiêu dâm hoặc bắt trẻ trình diễn khiêu dâm qua webcam hoặc smartphone;

Từ những hành động tương tác trực tuyến trên mạng, thủ phạm có thể muốn gặp gỡ trẻ ở ngoài đời và có những hành vi xâm hại tình dục ngoài đời thực.

b) Dấu hiệu

Những dấu hiệu của trẻ bị xâm hại tình dục được thể hiện trên các mặt Thể chất, Nhận thức, Cảm xúc và Hành vi.

- Về mặt thể chất

- + Đau, mỏi cơ thể, kiệt sức, sinh bệnh;
- + Đau đầu, đau dạ dày,
- + Rối loạn giấc ngủ như gặp ác mộng, sợ ngủ một mình hoặc sợ đi ngủ.
- + Sút cân
- + Hay giật mình

+ Với trường hợp trẻ bị xâm hại có tiếp xúc, trẻ có thể bị đau, tổn thương ở vú, bộ phận sinh dục hoặc hậu môn, nhiễm trùng đường tiết niệu và các bệnh lây truyền qua đường tình dục; ngứa bất thường hoặc quá mức ở vùng sinh dục hoặc hậu môn; khó khăn khi đi lại, khi ngồi.

- Về mặt nhận thức

+ Tư duy lẫn lộn, chậm suy nghĩ, thậm chí không nghĩ được những vấn đề đơn giản.

+ Hồi tưởng, ác mộng (ý nghĩ/ ký ức ám ảnh về sự kiện đã xảy ra, hình ảnh ám ảnh/ tưởng tượng không chủ định).

+ Cảnh giác, luôn nghĩ về các dấu hiệu của sự nguy hiểm.

+ Quan tâm bất thường đến các ý tưởng tình dục, biết về chủ đề tình dục nhiều hơn so với lứa tuổi của trẻ.

+ Khả năng tập trung suy nghĩ và trí nhớ giảm sút

- Cảm xúc

+ Cảm xúc không phù hợp trong nhiều sự kiện, bồn chồn, lo lắng

+ Tức giận, cáu kỉnh, khó chịu không phù hợp,

+ Dễ hoảng loạn cả khi chỉ có những dấu hiệu rất nhỏ gợi nhớ sự kiện

+ Sợ hãi không rõ ràng về nguyên nhân liên quan đến con người, địa điểm, hoặc đối tượng cụ thể.

+ Sợ hãi khác thường với sự thân mật hoặc gần gũi.

- + Sự hãi khác thường đối với một số cá nhân có đặc điểm cụ thể (ví dụ: giọng nói trầm).
- + Sự đi đến một nơi quen thuộc.
- + Tâm trạng thay đổi không giải thích được.

- Hành vi

+ Sử dụng ngôn từ hoặc từ ngữ mang tính tình dục không phù hợp với lứa tuổi

+ Đột nhiên hành động rất khác so với thông thường hoặc có những biểu hiện hành vi với hai thái cực khác nhau (trầm lắng rồi hung dữ, rụt rè rồi đòi hỏi)

+ Có hành động dục tính. Điều này có nghĩa là trẻ có thể ép trẻ khác chơi tình dục với mình hoặc thích thú chơi tình dục với trẻ khác lớn tuổi hoặc ít tuổi hơn rất nhiều.

+ Hành vi thoái lui/ rút lui, bám víu (né tránh giao tiếp, né tránh những địa điểm, dấu hiệu liên quan đến sự kiện đã xảy ra, ngừng các hoạt động yêu thích trước đây, mút tay, đái dầm, khóc quá nhiều).

+ Có những hành động lén lút, bí mật khi sử dụng thiết bị công nghệ

c) Ứng phó của nhà trường, tổ tư vấn tâm lý và CTXH trong trường hợp trẻ bị xâm hại tình dục

Trong trường hợp nhà trường có học sinh bị xâm hại tình dục, cán bộ tổ tư vấn tâm lý và CTXH có thể phối hợp với các bộ phận trong nhà trường và can thiệp theo các bước sau:

Bước 1: Tiếp nhận thông tin và đánh giá nhanh

- Ngay sau khi có báo cáo sơ bộ, Ban giám hiệu cùng giáo viên, cán bộ tổ TVTL & CTXH sẽ tiến hành các đánh giá nhanh để quyết định về tính chất nghiêm trọng của vụ việc và các bước tiếp theo.

Bước 2: Thu thập thông tin ban đầu

Các thông tin cần thu thập bao gồm:

- Các vấn đề hiện hữu của trẻ và thông tin cơ bản về các vấn đề đó
- Các sự kiện bạo lực, xâm hại khiến trẻ sợ hãi và/hoặc sang chấn lớn nhất
- Bảng liệt kê các hành vi bạo lực, xâm hại qua mạng, triệu chứng

- Các nguồn lực/trợ giúp từ gia đình, cộng đồng mà trẻ em và gia đình có thể huy động được
- Các nhu cầu ban đầu và mong đợi của các em.
- Kế hoạch hành động đầu tiên.

*** Những điều cần thực hiện khi nhận thông tin từ học sinh**

- Lắng nghe: không ngắt lời; để cho học sinh tự quyết định tốc độ và thời gian kể chuyện bằng chính ngôn từ của học sinh; kiên nhẫn; lắng nghe một cách tích cực; sử dụng ngôn ngữ cơ thể;

- Chấp nhận những điều học sinh nói;
- Bình tĩnh, không hốt hoảng hoặc tỏ ra bị sốc;
- Trung thực, nhìn vào học sinh khi các em báo cáo;
- Cho học sinh biết bạn cần phải cho người khác biết về sự việc (*tính ngoại lệ của nguyên tắc bảo mật*);

- Nói với học sinh là em không có lỗi khi em bị xâm hại

- Không hỏi những câu hỏi mang tính dẫn dắt câu trả lời chẳng hạn như “*anh ta/cô ta đã làm... có phải không?*”

- Không lặp lại các câu hỏi;
- Không nên cố ép để lấy thông tin;
- Không nên nói chen từ, nói tiếp các câu kể của học sinh hoặc suy đoán;
- Hãy lưu ý xem học sinh có thể đã bị đe dọa;
- Tiến hành những bước cần thiết nhằm đảm bảo sự an toàn về thể chất và tâm lý của học sinh (Như giới thiệu học sinh đi khám y tế, gặp cán bộ tham vấn của trường, liên lạc với cha mẹ);

- Cần phân biệt giữa những gì học sinh nói trên thực tế và những kết luận mà bạn đưa ra. Tính chính xác có tầm quan trọng rất lớn;

- Không nên để những nghi ngờ cá nhân làm cản trở việc báo cáo lại về những cáo buộc đó Ban giám hiệu hoặc cơ quan có chức năng.

Cần thực hiện:

- Khẳng định lại với học sinh việc học sinh tâm sự với bạn là hoàn toàn đúng đắn;

- Hãy để học sinh biết bạn dự định làm gì tiếp theo và bạn sẽ thông báo cho học sinh biết về những việc sẽ diễn ra;

- Tìm kiếm trợ giúp ngay lập tức, trước hết là từ cán bộ tham vấn của nhà trường/Ban giám hiệu;

- Hãy viết ra một cách chính xác những gì mà học sinh vừa kể với bạn. Ký tên và ghi rõ ngày ghi chép;

- Giữ tất cả những ghi chép tại một nơi an toàn. Những ghi chép này rất quan trọng giúp nhà trường và các cơ quan chức năng quyết định điều gì là tốt nhất đối với học sinh và đóng vai trò như chứng cứ nếu cần thiết;

Bước 3: Đánh giá mức độ vấn đề của trẻ

Kết quả đánh giá ban đầu dựa trên mức độ nguy cơ cao, thấp hay vừa (về các hành vi bạo lực, xâm hại tình dục trên không gian mạng mà trẻ gặp phải, cũng như mức độ tổn thương về tinh thần, thể xác (nếu có). Từ đó, BGH nhà trường sẽ quyết định giải quyết nội bộ trong trường hay báo cáo, phối hợp với các cơ quan ban ngành để hỗ trợ.

Lưu ý:

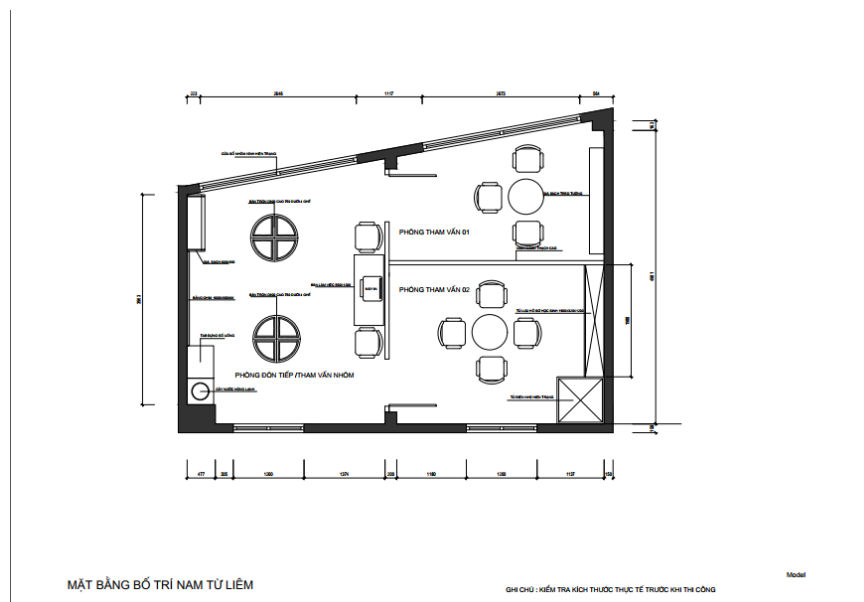
+ Trong thời gian này (và trong cả quá trình điều tra vụ việc) một điều vô cùng quan trọng là bất cứ nhu cầu khẩn cấp nào của học sinh như hỗ trợ về y tế, tâm lý cần được đáp ứng và cần được chuyển cho các cơ quan có chuyên môn nếu có thể.

+ Khi có các nghi ngờ về bản chất của vụ việc sau khi có đánh giá ban đầu, Ban giám hiệu hoặc cán bộ được chỉ định (nếu có thể là cán bộ tham vấn) sẽ thu thập thông tin vụ việc một cách độc lập, phụ thuộc vào mức độ nghiêm trọng của vụ việc, trong trường hợp nghiêm trọng, cần báo cáo và có sự vào cuộc của công an.

PHỤ LỤC

Phụ lục về thiết kế mô phỏng phòng tư vấn tâm lý và CTXH, gợi ý các vị trí bài trí

Phụ lục B1. Không gian phòng TVTL & CTXH



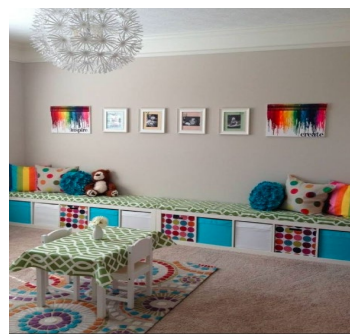
Phòng tư vấn cá nhân tích hợp phòng tư vấn/ sinh hoạt nhóm (2 không gian)

Một số gợi ý lựa chọn địa điểm/phòng thiết lập phòng tư vấn tâm lý học đường cho các trường

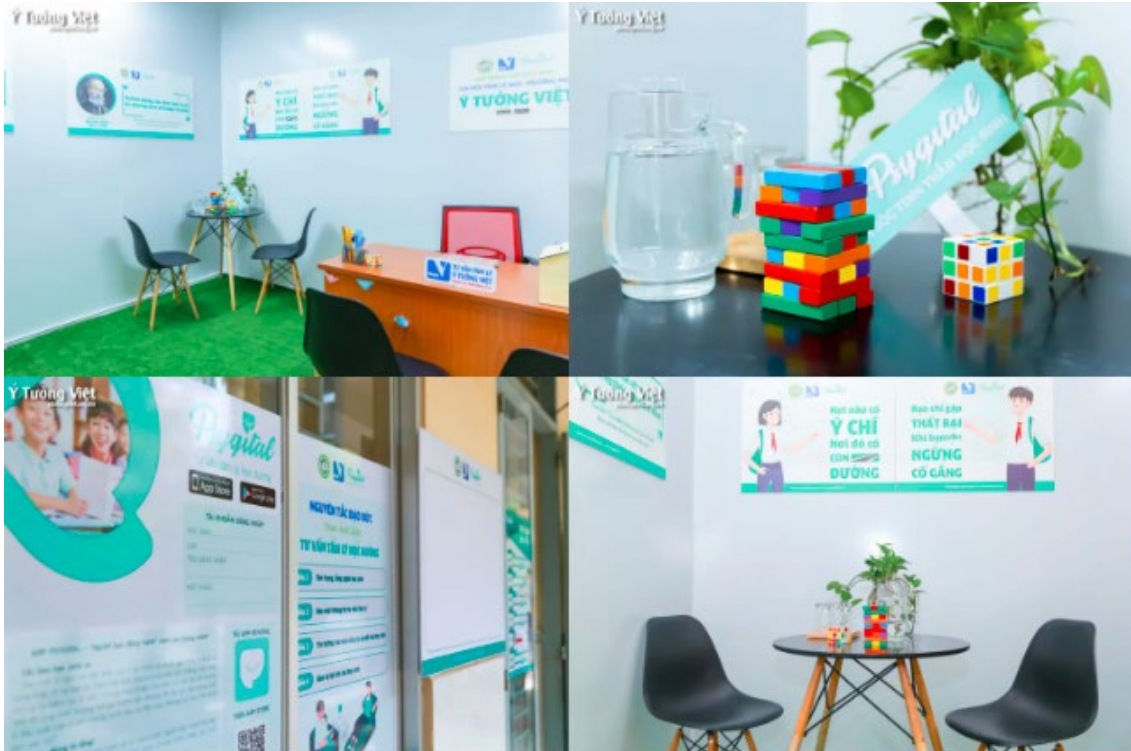
- Cần được bố trí ở một nơi thích hợp, đảm bảo tính riêng tư, nhưng an toàn cho cả người tham vấn và người được tham vấn và nằm trong khuôn viên trường học, lý tưởng là có cách âm với phía bên ngoài
- Không gian trong phòng: bài trí thoáng, màu sơn trung tính.
- Để thực hiện chức năng tham vấn nhóm và tham vấn cá nhân, phòng tham vấn nên được bố trí như sau:
 - Tối thiểu nên có diện đủ để tham vấn cá nhân và tham vấn nhóm (từ 3-12 học sinh), có cửa sổ (an toàn).
 - Có cây xanh trong phòng
 - Cửa ra vào nên thoáng song vẫn cần đảm bảo kín đáo (có nửa phía trên là ô kính mở)
 - Nên chia làm 2 khu vực:
 - Phía ngoài dùng để tư vấn nhóm gồm các thiết bị và đồ dùng tối thiểu: 01 tủ đựng sách, báo, tạp chí....., khoảng 7-12 chiếc ghế có tựa; 01 tủ đựng hồ sơ tư vấn có khóa để lưu giữ hồ sơ tham vấn học sinh và 01 sổ đăng ký tham vấn và lịch hẹn tham vấn.

- Phía trong dùng làm nơi tham vấn cá nhân, gồm các trang thiết bị tối thiểu sau: 01 bàn tròn, 2 ghế tựa; 01 đường điện thoại riêng. Nếu có thể, bố trí có cửa sổ trong khu vực tư vấn các nhân và kê ghế để học sinh được nhìn ra cửa sổ. Nếu trong có cửa sổ, có thể bố trí tranh treo tường phong cảnh yên bình và kê ghế phía học học ngồi nhìn về hướng đó.
- Trong phòng có thể treo 1 số tranh phong cảnh/ tĩnh vật hoặc 1 số câu slogan tăng cường cảm xúc tích cực.

Một số gợi ý sắp xếp phòng tư vấn cá nhân thực tế

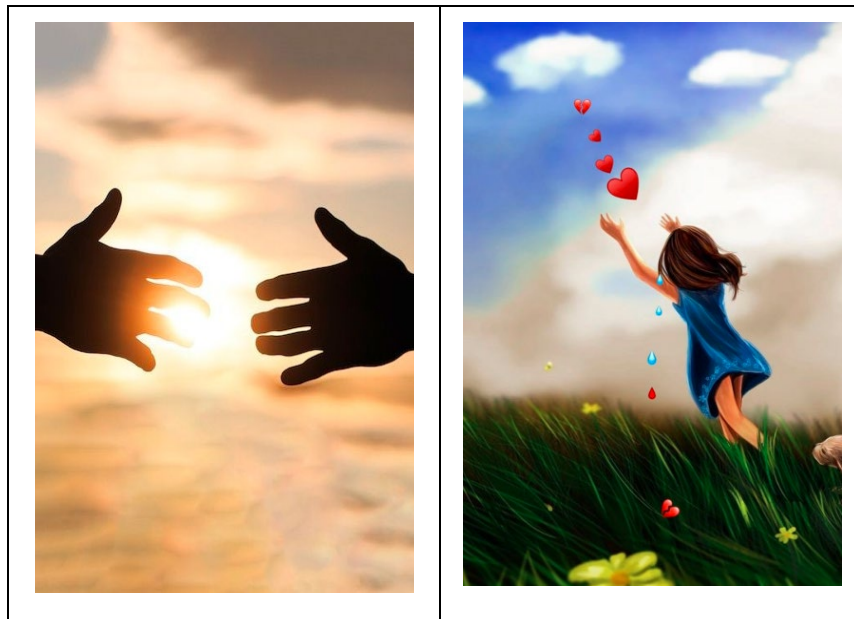






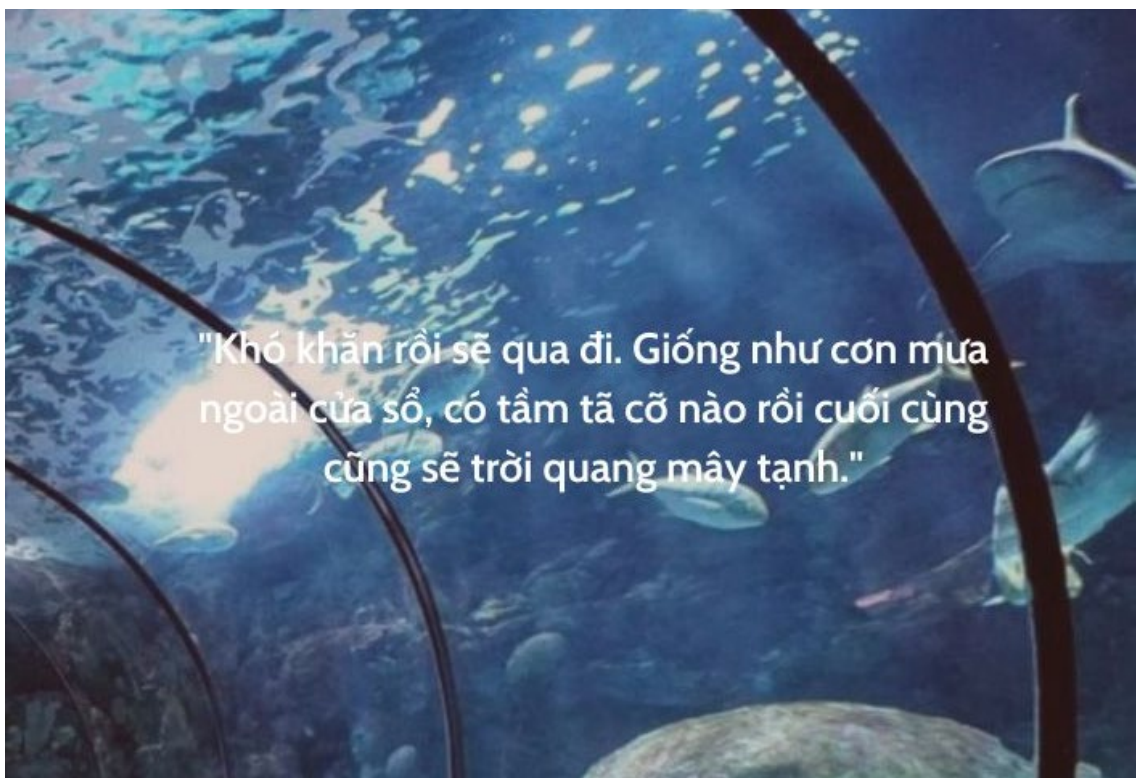
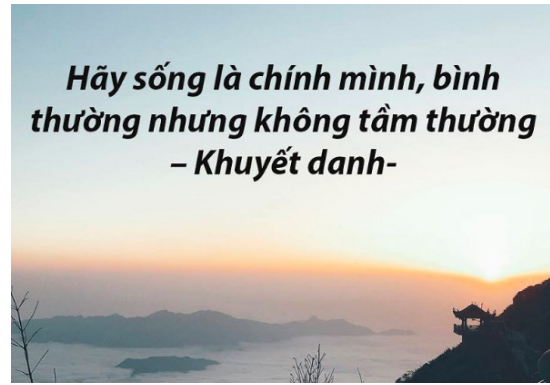
Phòng Tư vấn tâm lý học đường tại trường THCS Nguyễn Trường Tộ (Hà Nội)

Gợi ý hình ảnh tranh treo tường trong các phòng tư



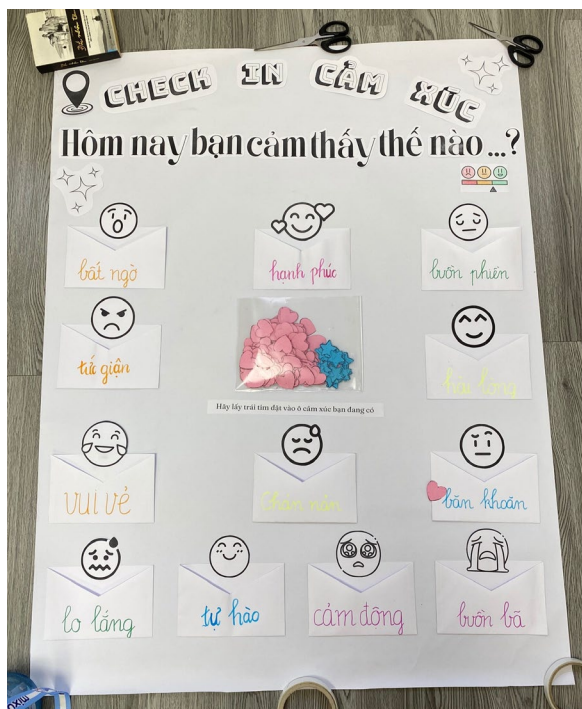
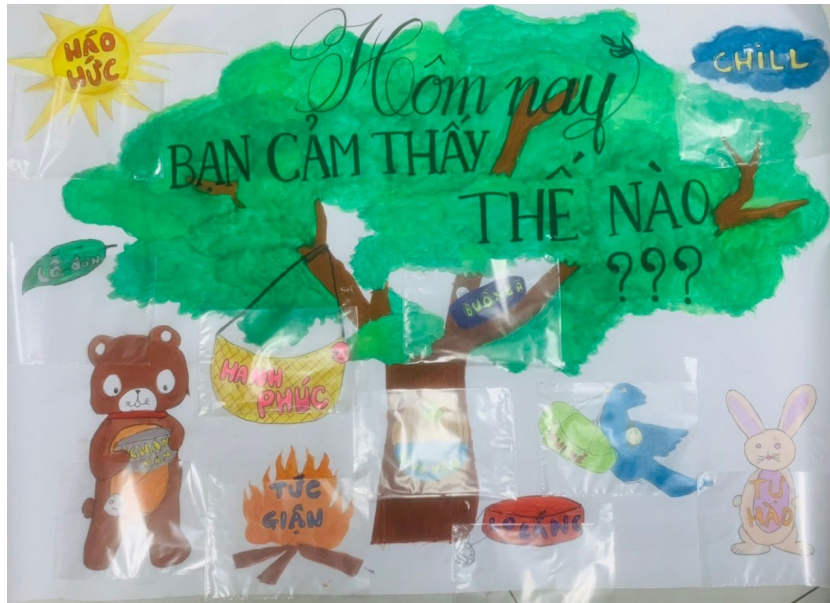
Gợi ý một số thông điệp treo trong các phòng tư vấn





Một số thông điệp thiết kế sẽ dễ đặt mua có thể dùng treo trong các phòng tư vấn





Phụ lục B2. Nội dung - Nguyên tắc treo tại phòng tư vấn

(Các trường treo Bộ quy tắc ở Phòng)

Một số quy định của phòng Tâm lý học đường

1. **Cán bộ tư vấn học đường** thực hiện đúng các quy định về đạo đức nghề.
2. Khi cho học sinh làm trắc nghiệm cần điền đầy đủ thông tin vào các phiếu đánh giá cho mỗi em (ngày làm trắc nghiệm, họ tên, lớp...). Kết quả xử lý trắc nghiệm và kết quả tham vấn/tư vấn cần in ra (trừ hồ sơ viết tay của các ca tham vấn cá nhân) và đính kèm với bản trả lời của học sinh, sau đó lưu vào các hồ sơ của phòng theo thứ tự thời gian.
3. Cần lưu ý khi tham vấn/tư vấn nhóm hoặc cá nhân đảm bảo tính bí mật và sự an toàn cho ca tham vấn/tư vấn.
4. Các cán bộ tư vấn trong Tổ TVTL & CTXH của trường có thể xem thông tin tham vấn/ tư vấn trong sổ ghi chép các ca tham vấn lưu trong tủ đựng hồ sơ khi có sự đồng ý của cán bộ tư vấn hỗ trợ ca đó, song không copy hoặc chia sẻ những thông tin này cho bất cứ ai.
5. Cán bộ tư vấn học đường lưu ý khi học sinh vào tham vấn/tư vấn cần kiểm tra xem thời gian đó có vi phạm vào tiết học nào không; trừ trường hợp vấn đề của học sinh rất nghiêm trọng thì học sinh cần phải xin phép nghỉ tiết học hoặc cán bộ tham vấn phải báo với giáo viên chủ nhiệm hoặc giáo viên bộ môn của em để ca tham vấn/tư vấn được tiếp tục.
6. Hồ sơ mỗi trường hợp tham vấn/tư vấn cá nhân được lưu vào một tập riêng. Các buổi tham vấn/tư vấn cá nhân nhóm có thể ghi chép theo mẫu sau đó lưu vào hồ sơ cá nhân.
7. Cán bộ tư vấn học đường đảm bảo trực đúng thời gian và không tiếp khách (bạn bè, người nhà...) trong phòng TVTL & CTXH
8. Cán bộ tư vấn, giáo viên, cán bộ, học sinh giữ gìn bảo vệ tài sản chung của phòng
9. Cán bộ tư vấn chỉ sử dụng tài sản của Phòng tâm lý học đường vào mục đích chung của phòng.
10. Đầu mỗi ca tham vấn/tư vấn các cán bộ kiểm tra tư liệu và tài sản chung của cả phòng, nếu có mất mát xin báo lại ngay cho cán bộ tham vấn trực ca trước đó và Phòng hành chính quản trị.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ GDĐT, 2021, Báo cáo khảo sát thực trạng triển khai Thông tư số 31/2017/TT-BGDĐT và Thông tư số 33/2018/TT-BGDĐT
2. Bộ GDĐT, 2021, Báo cáo khảo sát thực trạng triển khai thông tư số 31/2017/TT-BGDĐT và thông tư số 33/2018/TT-BGDĐT, tr76
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2023), Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 về Hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022), Sổ tay hướng dẫn thực hành công tác xã hội trường học
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022), Sổ tay hướng dẫn tư vấn tâm lý cho học phổ thông
6. Dự thảo Tài liệu tập huấn thực hành kỹ năng công tác xã hội trường học trong bảo vệ trẻ em tại các cơ sở giáo dục
7. Tổ chức Good Neighbors Việt Nam, Trần Thành Nam, Nguyễn Phương Hồng Ngọc, Tâm lý học đường thực hành tốt khi làm việc trong nhà trường (lưu hành nội bộ).
8. Tổ chức Good Neighbors Việt Nam, Sổ tay hướng dẫn xây dựng và vận hành Phòng tham vấn học đường, Năm 2021.
9. Tổ chức Plan International Việt Nam, Tham vấn học đường, Tài liệu dành cho cán bộ tham vấn học đường.
10. Nguyễn Thị Mai Hương và cộng sự (2019) Sách tham khảo “Công tác xã hội với học sinh có vấn đề sức khỏe tâm thần”, NXB Giáo dục, 2019
11. Phạm Văn Tư và các cộng sự (2016) Tham vấn trường học, NXB Giáo dục, 2019
12. Nguyễn Thu Trang, Lương Quang Hưng, Ngô Thị Thanh Mai, Nguyễn Thị Mai Hương (2019) Sách tham khảo “Công tác xã hội với vấn đề bạo lực học đường”, NXB Giáo dục, 2019
13. Nguyễn Hiệp Thương và cộng sự (2019) Sách tham khảo “Công tác xã hội với học sinh nghiện game, internet”, NXB Giáo dục, 2019
14. Phan Thị Thúy Hà và các cộng sự (2023), Tài liệu hướng dẫn triển khai mô hình cung cấp dịch vụ tư vấn tâm lý trong trường học, NXB ĐHQG Hà Nội.

